

Số 277

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Mùa bông
dừa nước
Tr. 44

Phật tử
và thiền
Tr. 30



KARMA

Vụng tu thì chìm
Tr. 14

長
柯
沉
香



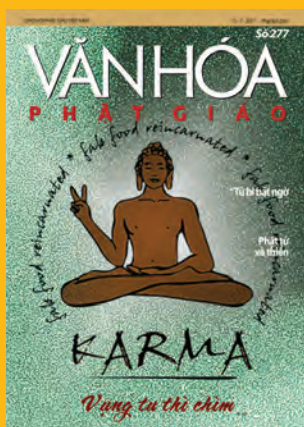
MỸ NGHỆ TRẦM HƯƠNG TRƯỜNG KHA

Địa chỉ : 168-172 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, TP HCM
Điện thoại : 08.62997565 - 08.62933701 - 08.62933702

Trường
Kha



Chuyên cung cấp các sản phẩm
được làm từ trầm hương nguyên chất



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẦN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH MINH HIẾN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, ĐD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, ĐD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Vị Đại lão Hòa thượng và ngài Phạm vũ (<i>Duy Tuệ</i>)	4
Nền tảng văn hóa cho sự thịnh vượng (<i>Nguyên Cẩn</i>)	6
Tại chỗ mà vẫn đến sau (<i>Hồ Anh Thái</i>)	10
Âm nhạc qua lăng kính thị giác (<i>Lê Hải Đăng</i>)	12
Vụng tu thì chìm (<i>Nguyễn Linh</i>)	14
Như huyền trong kinh Kim Cương (<i>Nguyễn Thế Đăng</i>)	18
Căn bản triết lý và kinh điển của Thiền tông (<i>Trịnh Đình Hỷ</i>)	20
Hương sen (<i>Đỗ Hồng Ngọc</i>)	24
Những bình diện của tâm linh (<i>Dalai Lama; Thích Nguyên Tạng trích dịch</i>)	25
Phật tử và thiền (<i>Cao Huy Hóa</i>)	30
Vùng Đông Nam Á và Nam Á: Nơi giao hòa của Văn hóa và Phật giáo (<i>Thích Thiện Nhơn</i>)	33
Trọn một giấc mơ (<i>Thích Như Điển</i>)	36
Một lời đúng lúc (<i>Ratnaghosa; Nguyễn Văn Nhật dịch</i>)	40
Ngôi chùa niệm Phật (<i>Nhụy Nguyễn</i>)	42
Mùa bông dừa nước (<i>Trần Bảo Định</i>)	44
Lặng lẽ giữa sân trường (<i>Nguyễn Đình Thu</i>)	48
Thơ (<i>Trần Quê Hương, Miên Đức Thắng, Nguyễn Từ, Lý Thị Minh Châu, Trường Khánh, Tăng Tấn Tài</i>)	50
Vết bầm trên chân má (<i>Lê Hứa Huyền Trân</i>)	52
Tìm hiểu con đường xuyên Việt qua Hải Nam tạp trữ (<i>Tôn Thất Thọ</i>)	54

Bìa 1: Nghiệp. Nguồn: wordpress.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Chúng tôi xin cảm ơn quý độc giả trong và ngoài nước đã hoan hỷ đón nhận các tập báo Văn Hóa Phật Giáo đóng tập năm 2016 (tập I và tập II). Lại nữa, chúng tôi cũng rất phấn khởi và xin cảm ơn một vị độc giả ở Pháp quốc đã đặt mua 50 quyển "Văn đáp Phật giáo" của cư sĩ Trần Tuấn Mẫn vừa tái bản để tặng thân hữu; vị độc giả này cũng đặt mua dài hạn báo VHPG với số lượng khả quan.

Chúng tôi cũng xin thưa với một số tác giả có gửi bài cộng tác với VHPG về lời than phiền rằng chúng tôi chỉ đăng tải bài viết của một số người mà thường bỏ qua những bài cộng tác của nhiều người khác.

Thật ra, tạp chí nào cũng cần thường xuyên có bài viết của một số tác giả đã có uy tín trên văn đàn trong vị trí của những cây bút chủ lực. Chúng tôi vẫn luôn trân trọng tất cả những bài viết gửi đến cộng tác. Tuy nhiên, số lượng bài gửi đến thì nhiều, mà số trang báo thì có hạn; do đó, sự tồn đọng của những bài gửi đến là điều không tránh khỏi, đã gây hiểu lầm cho một số tác giả.

Chúng tôi khẳng định rằng Tạp chí VHPG luôn tôn trọng mọi người cộng tác, không phân biệt người cũ người mới, người đã có danh phận hay chưa có danh phận. Xin xem lại các số VHPG đã phát hành, sẽ thấy mỗi số báo đều có sự xuất hiện của những cây bút mới. Quả thực, tất cả những bài viết gửi đến đều được Ban Biên tập đọc trên tinh thần quý trọng sự làm việc trí óc của người viết; và bài viết có giá trị cao hay những bài viết ít giá trị hơn đều được chúng tôi quý trọng như nhau. Rất mong quý vị cộng tác viên thấu hiểu tinh thần làm việc của chúng tôi.

Xin thành tâm nguyện cầu Tam bảo gia hộ quý độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Hoa chiến-đàn, già-la,
Hoa sen, hoa vũ quý,
Giữa những hương hoa ấy,
Giới hương là vô thượng.

(Kính Pháp cú, 55)

Vị Đại lão Hòa thượng và ngôi Phạm vũ

LTS: Nhân dịp lễ Đại tường cổ Đại lão Hòa thượng Pháp sư Thích Giác Nhiên và khánh thành Pháp viện Minh Đăng Quang sắp được tổ chức tại Pháp viện từ ngày 11 đến 13/7/2017, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo có bài phỏng vấn Hòa thượng Thích Giác Toàn, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, trụ trì Pháp viện, như sau:

Hỏi: Xin Hòa thượng cho biết ý nghĩa của việc tổ chức Đại lễ liên tiếp 3 ngày về việc Đại tường cổ Đại lão Hòa thượng Pháp sư Thích Giác Nhiên và khánh thành Pháp viện Minh Đăng Quang.

Đáp: Chúng tôi đã nỗ lực để hoàn tất việc xây dựng Pháp viện Minh Đăng Quang cho kịp ngày Đại tường của Đại lão Hòa thượng Pháp sư. Về mặt ý nghĩa, Đại lão Pháp sư là vị khai sơn Pháp viện (1968). Đối với Hệ phái, Đại lão Pháp sư là vị cao tăng thạc đức; công lao xây dựng, phát triển hệ phái của ngài thật to lớn. Pháp viện cũng chính là nơi nghênh đón kim quan

của ngài và hiện đang có tháp thờ xá-lợi của ngài. Do đó, trong 3 ngày, từ 11 đến 13/7/2017, là những ngày Đại lễ, Đại tường của ngài và khánh thành Pháp viện Minh Đăng Quang.

Hỏi: Thưa Hòa thượng, cổ Đại lão Hòa thượng Pháp sư Thích Giác Nhiên là bậc cao tăng có uy tín trong nước và ngoài nước. Uy tín và công lao của ngài hẳn có ý nghĩa rất quan trọng đối với Hệ phái Khất sĩ. Xin Hòa thượng tóm tắt vài nét về ngài.

Đáp: Tài liệu về tiểu sử và công đức của Đại lão Hòa thượng đã được đăng tải trên báo chí từ nhiều chục năm qua, nhất là ở các sách báo của Hệ phái. Các tác phẩm của ngài được tái bản nhiều lần; những bài giảng cho Tăng Ni, Phật tử của ngài được in thành sách, ghi vào băng đĩa. Công lao giáo dục đồ chúng, phát triển Hệ phái của ngài thật vô cùng to lớn. Ở đây, tôi chỉ xin nêu vài nét chính về các chức vụ, chức năng của ngài. Ngài là Pháp tử của Tổ sư Minh Đăng Quang; Pháp chủ của Giáo hội Phật giáo Tăng-già Khất sĩ Thế giới tại Hoa Kỳ; Trưởng đoàn IV của Hệ phái Khất sĩ, tác thành việc thành lập chính thức Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam; giảng sư, tác giả của nhiều sách giáo lý...

Hỏi: Thế là việc xây dựng Pháp viện Minh Đăng Quang, ngôi Phạm vũ trang nghiêm được đông đảo quần chúng ngưỡng mộ, đã hoàn tất. Xin Hòa thượng cho biết sơ lược quá trình thành lập và xây dựng Pháp viện này.

Đáp: Khu đất mà Pháp viện đang tọa lạc hiện nay thuộc phường An Phú, quận 2, TP.Hồ Chí Minh; trước đây là một khoảng trống sinh lầy. Năm 1968, Đại lão Hòa thượng Pháp sư Thích Giác Nhiên đã dự tính được sự phát triển của Hệ phái (bấy giờ là Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam) nên ngài vận động để tậu khu đất này, cho trồng cây bạch đàn và sau đó để cho chính quyền thành phố làm nơi đổ rác, tạo thuận lợi cho những người nghèo trong vùng đến khai thác, chọn lựa vật dụng còn dùng được để dùng làm kế





sinh nhai. Năm 1976, ngài dựng lập tại đây một ngôi chùa gỗ đơn sơ, như là khẳng định đây là một căn địa cho việc xây dựng những kiến trúc trong tương lai. Trong khi ngài đang hoằng pháp tại Hoa Kỳ, Hệ phái xin phép ngài và được chính quyền chấp thuận, ngày 28/06/2009 (tức ngày 4/2 năm Kỷ Sửu), Pháp viện Minh Đăng Quang được khởi công xây dựng mới trên khoảng đất 37.490m²; và đến nay, sau 8 năm tiến hành xây dựng, công trình được hoàn thành.

Trong quá trình xây dựng Pháp viện, chúng tôi đã gặp rất nhiều khó khăn, nhất là về mặt tài chánh. Tuy vậy, nhờ sự hảo tâm đóng góp tịnh tài, vật liệu, phương tiện, công sức của chư Tăng Ni, Phật tử, ân nhân; mặt khác lại được sự lưu tâm tận tình của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, sự đồng tình ủng hộ của Nhà nước, chúng tôi đã vượt qua được mọi khó khăn. Tôi nghĩ, đây cũng là nhờ hồng phúc của chư Thầy Tổ và sức giá trị của chư Phật.

Hỏi: Sự hoàn thành Pháp viện Minh Đăng Quang là một thành tựu mới của Hệ phái Khất sĩ. Xin Hòa thượng dựa vào một vài số liệu thống kê để phỏng chừng số tịnh xá và số Tăng Ni của Hệ phái hiện nay. Từ đó, xin Hòa thượng cho biết ý kiến về sự phát triển của Hệ phái trong tương lai.

Đáp: Tôi nghĩ rằng số lượng tự viện và Tăng Ni của Hệ phái Khất sĩ hoặc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoặc của một tổ chức tôn giáo nào trong nước hay trên thế giới không chắc là đã thật sự phát triển về chất lượng. Tôi nghĩ rằng Hệ phái Khất sĩ cũng chỉ là một giáo đoàn thích hợp với một pháp môn tu tập giáo lý của Đức Phật, hài hòa với những hệ phái khác trong ngôi nhà chung là Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong tinh thần đoàn kết, hòa hợp vì Đạo pháp và Dân tộc. Sự phát triển của Hệ phái Khất sĩ còn tùy thuộc vào sự phát triển của Giáo hội. Trong hơn 3 thập kỷ qua, Giáo hội đã liên tiếp đạt những thành tựu khả quan và Hệ phái Khất sĩ cũng phát triển mạnh. Tôi tin rằng trong

tương lai, Hệ phái sẽ phát triển và chắc chắn Giáo hội sẽ phát triển mạnh mẽ.

Hỏi: Nhiều người bảo rằng Hòa thượng có công lao rất lớn trong việc xây dựng Pháp viện Minh Đăng Quang, đồ sộ, đẹp đẽ, trang nghiêm. Điều ấy hẳn là đúng, phải không thưa Hòa thượng?

Đáp: Không đúng đâu! Vả lại, tôi không bao giờ để ý xem tôi đã đóng góp những gì cho Hệ phái cũng như cho Giáo hội. Tôi chỉ tự bảo mình phải luôn luôn cố gắng đem công sức phục vụ Đạo pháp và Dân tộc, phát triển Hệ phái, tham gia vào việc phát triển Giáo hội. Tôi chỉ là một cá nhân, một thành viên trong một cộng đồng rộng lớn mà mọi phần tử đều có liên hệ mật thiết với nhau; đoàn kết, chung sức, phục vụ lẫn nhau. Tôi xuất gia từ lúc 14 tuổi, sự chuyên tâm tu học của tôi chủ yếu là để vun bồi, tích tụ công hạnh cho chính mình; phần đóng góp chung của tôi không phải là nổi trội, không đáng kể; e khó đến đáp Từ ân!

Hỏi: Câu hỏi cuối cùng: Nghe nói Hòa thượng có ý định từ nhiệm vài chức vụ trong Giáo hội; tuy vậy, Giáo hội vẫn chưa thuận ý. Xin Hòa thượng cho biết rõ hơn về dự luận này.

Đáp: Tôi đã đến tuổi thất thập, sức khỏe không còn nhiều. Tuy tâm không bệnh nhưng thân bệnh, chỉ mong được có thời gian nghỉ ngơi để dồn sức tu tập, chờ lúc nhắm mắt xuôi tay mà đi theo nghiệp của mình. Quả là tôi có ngó ý xin rút lui nhưng chư tôn đức Trung ương Giáo hội chưa thuận và khuyên tôi nên cố gắng chung sức cùng Giáo hội, cùng Hệ phái. Một mặt, tôi không dám trái lời chư tôn đức, một mặt tôi cũng mong được rút lui. Dù thế nào, tôi cũng mong được rảnh tay để chuyên tâm tu tập trong những năm cuối đời.

Duy Tuệ phỏng vấn



Nền tảng văn hóa

cho sự thịnh vượng

NGUYỄN CẦN

Ảo ảnh phồn vinh

Trong khi nợ công và nợ xấu là những con số khổng lồ, liệu có ai thắc mắc việc xe hơi vẫn chiếm đầu số trong những mặt hàng nhập siêu? Không chỉ thủ đô Hà Nội hay thành phố Hồ Chí Minh, mà ở mọi tỉnh thành, nghèo hay rất nghèo, đều có những “đại gia” (không cứ là doanh nhân) cỡi siêu xe Lamborghini, Bentley, thậm chí cả Rolls Royce...

Theo Tổng cục Hải quan, kim ngạch nhập khẩu ô-tô nguyên chiếc trong năm tháng đầu năm 2017 đạt 43,3 nghìn chiếc, trị giá 878 triệu USD, tăng 5,3% về lượng. Trong công sở, văn phòng, người ta nói chuyện đổi “con xe” này, thay căn hộ nọ... như mua một món quà nhỏ. Đâu đâu cũng bàn căn hộ triệu đô, ai ai cũng mơ sống trong các tòa nhà cao cấp với bảo vệ gác cửa, hồ bơi, siêu thị bên trong. Người ta đua nhau sắm sửa, xây dựng những villa, thậm chí biệt phủ như các quan chức một tỉnh nghèo phía Bắc gần đây đang bị dư luận xầm xì đòi thanh tra vào cuộc; vì một ông công chức, về lý

thuyết, không thể có cái nhà 13.000m² được. Đằng này, lương ba cọc ba đồng mà ông tậu bao nhiêu là đất, là nhà, chưa kể cửa chim cửa nôi.

Xã hội xa hoa có song hành cùng sự phát triển kinh tế chung hay không? E rằng không! Nếu không muốn nói ngân sách đang phải oằn mình vì nợ quá hạn hay đến hạn. Những năm qua, khi kinh tế “bong bóng” được “bơm” lên, hầu hết người Việt tỉnh táo đều choáng ngợp trước xã hội phù hoa. Tâm lý sinh hàng ngoại, hàng hiệu không chỉ có ở tầng lớp giàu mà cả trung lưu hay thấp hơn cũng có; và người ta đua nhau chạy theo những giá trị ảo.

Kinh tế nào, văn hóa ấy...

Văn hóa và kinh tế, theo lý thuyết, có sự gắn bó tác động biện chứng với nhau. Kinh tế phải đảm bảo cho nhu cầu sống tối thiểu của con người, sau đó mới đảm bảo điều kiện cho văn hóa phát triển. Kinh tế không thể phát triển nếu không có một nền tảng văn hóa,



đồng thời văn hóa không chỉ phản ánh kinh tế mà còn là nhân tố tác động đến phát triển kinh tế. Với mối quan hệ đó, sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc chỉ có thể năng động hiệu quả, có tốc độ cao chừng nào quốc gia đó đạt được sự phát triển kết hợp hài hòa giữa kinh tế với văn hóa.

Với GDP/đầu người chỉ vào khoảng trên dưới 2.000USD mà chúng ta tiêu xài như một dân tộc đã phát triển thì e rằng đó là sự “vung tay quá trán”. Cách đây gần 20 năm, một nhà lãnh đạo Hàn Quốc đã kêu gọi dân chúng xứ họ nên xem lại việc chi tiêu vì GDP/đầu người của họ lúc đó chỉ khoảng 6.000USD nhưng một bộ phận dân chúng Hàn Quốc lúc bấy giờ - đặc biệt là thế hệ trẻ, mới lớn không thấy sự hy sinh, thắt lưng buộc bụng của thế hệ cha anh - lại tiêu xài như thể các quốc gia Tây Âu hay Mỹ... Đã có người nhận định “Thông minh là sống đúng sức mình” và khuyên chúng ta nên xây dựng “một nền kinh tế thông minh, điểm đậm”.

Xã hội nào cũng phải xây dựng trên một tầng lớp chủ yếu. Các nước Tây Âu và Mỹ lấy nền tảng là tầng lớp thị dân trung lưu vốn chiếm đa số tại nước họ. Ở Việt Nam, dù chúng ta nói công nhân là giai cấp lãnh đạo, chứ thực chất, tầng lớp chủ yếu vẫn là giai cấp nông dân khi họ chiếm tới 60-70% dân số, bất chấp xu hướng thị dân hóa đang phát triển. Chúng ta đang sống vượt thu nhập của mình! Kết quả là “...rất nhiều tinh hoa kinh doanh Việt, rất nhiều vốn liếng ít ỏi Việt, đã được tập trung vào thị trường xa hoa, đây vừa là thị

phần vô cùng nhỏ bé trong toàn bộ nền kinh tế, lại vừa làm thất thoát rất nhiều tiền của để nhập khẩu hoặc tiêu dùng ở bên ngoài quốc gia. Còn một thị phần rất lớn các nhu yếu phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu thì ít được lưu tâm, để sau cùng bị các công ty nước ngoài thâu tóm hết như hiện đang thấy” (Lưu Vĩ Lân, *Để có một nền kinh tế thông minh-điểm đậm*).

Ngày xưa, tuy cha ông ta không học về kinh tế, nhưng theo Lưu Vĩ Lân, “chúng ta đã có một xã hội thanh đạm và trầm tĩnh phù hợp với thực tế đó. Cha ông ta đã chứng minh rằng dù hầu hết là nông dân, công nhân, thị dân nghèo và tầng lớp trung lưu thấp, chúng ta có thể không giàu, sức mua chưa cao nhưng vẫn có thể có một phong cách tiêu dùng tao nhã, trí thức”.

Chợt nhớ những bài giảng văn ngày trước, chúng ta nghe các cụ ngâm nga rằng:

Sớm trưa dưa muối cho qua bữa

Chợ búa trâu chè chẳng dám mua...

(Nguyễn Khuyến)

nhưng vẫn vui vì,

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá

Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao...

(Nguyễn Bình Khiêm)

Các cụ thông tuệ, không sống vượt trên thu nhập của mình, không đòi hỏi những nhu cầu mà biết chắc rằng sẽ phải bươn chải nhiều hơn mới có. Thế nên bị phê phán rằng chúng ta nghèo vì tư duy “khỏi lam chiều, lũy tre xanh...” thiếu ý chí tiến thủ. Nhưng trong khi lực lượng sản xuất chưa phát triển, kinh tế hàng hóa trì trệ, thương nghiệp không phát triển thì ít ra sống như vậy không chup giứt, không phải dùng những phương tiện phạm pháp để lừa đảo, cướp đoạt của người khác, giữ cho lương tâm thanh thản.

Những nhà kinh tế hiện nay cũng biết rằng “*Hiện tượng phân hóa mạnh như thế ở các mảng thị trường vốn đã nhỏ bé, các đứt gãy lớn trong sức mua... sẽ làm giảm khả năng phát triển mạnh của thương mại, dịch vụ và sản xuất. Hãy để ý, các chuỗi thương hiệu lớn hiện chỉ có thể quần quanh trong vành đai trung tâm với chục cửa hàng là hết ‘không gian sinh tồn’, bước ra khỏi vành đai đó sức mua giảm sút và khó mà tồn tại nổi*” (LVL, bài đã dẫn).

Mà cũng chỉ có hai vành đai thượng lưu nằm ở Sài Gòn và Hà Nội; ngay cả Đà Nẵng hay Hải Phòng còn chưa có, thì khó có thể nói chúng ta đã đạt được mức của một thị trường trung lưu chứ nói gì đến hai chữ xa hoa.

Văn hóa trước hết có chức năng hỗ trợ phát triển kinh tế và hướng dẫn hành vi người tiêu dùng. Không phải tự nhiên mà Hàn Quốc xây dựng được chủ nghĩa tiêu thụ yêu nước (patriotic consumerism), khiến cho doanh nghiệp nội địa phát triển hình thành các tập đoàn (chaebol) toàn cầu như LG, Samsung, Hyundai...

Bà Caroline Kennedy, một nữ luật sư, con gái cố Tổng thống Kennedy, đã nói: “*Cũng quan trọng như việc*



cần có một nền kinh tế thịnh vượng, chúng ta còn cần sự thịnh vượng của lòng tốt và sự khiêm cung”.

Nếu chúng ta biết nhà đầu tư nổi tiếng nhất thế giới, tỷ phú, ông chủ của tập đoàn khổng lồ Berkshire Hathaway, Warren Buffett, hiện đang nắm tài sản trị giá hơn 75 tỷ USD. Nhưng “nhà tiên tri xứ Omaha” cho biết rằng ông vẫn hạnh phúc với 100.000USD mỗi năm. Trong một bài trả lời phỏng vấn của PBS Newshour, Warrant Buffett phát biểu: *“Về cơ bản, tôi có thể mua bất cứ thứ gì. Tôi đã từng đi trên những chiếc du thuyền sang trọng, và từng sống với người có 10 căn nhà ở khắp mọi nơi và có tất cả mọi thứ. Nhưng tôi vẫn sống tại căn nhà mà tôi mua từ năm 1958. Nếu tôi tiêu 100 triệu USD vào một ngôi nhà mà có thể khiến tôi hạnh phúc hơn, tôi sẽ làm điều đó, nhưng đối với tôi, được sống trong ngôi nhà hiện tôi đang ở là hạnh phúc nhất bởi nó chứa đựng những ký ức, đó là nơi mà mọi người sẽ quay trở về”.*

Ngoài việc vẫn sống trong một căn nhà mua từ rất lâu và không mấy xa hoa, các bữa ăn của Warren cũng rất giản dị. Ông thường ăn sáng với mức giá khoảng 3USD. Buffett cũng chia sẻ ông sẽ không để lại tài sản cho ba người con của mình bởi không muốn họ lười biếng. *“Nếu bạn vô cùng giàu có, và bạn có con, theo tôi bạn cho họ đủ để họ có thể làm bất cứ điều gì họ muốn, nhưng không phải là tất cả để họ không cần phải làm gì”*, ông nói. Warren Buffett là đồng sáng lập quỹ từ thiện Giving Pledge với Bill Gates, người thành lập Microsoft. Những tỷ phú này đều cam kết sẽ dành đến 90% hoặc hơn nữa trong tài sản của họ để làm từ thiện.

Chúng ta hay nói kinh tế thị trường cũng có những mặt tiêu cực như các hoạt động của hệ thống kinh tế ngầm, buôn lậu, lừa đảo, làm hàng giả, trốn thuế, kinh doanh trái phép... làm gia tăng sự băng hoại về đạo

đức, tha hóa về lối sống của nhiều người trong xã hội. Kinh tế thị trường cũng dẫn đến tình trạng phân hóa, bất bình đẳng xã hội; tình trạng suy thoái và cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường sống... Nhưng đó có khi chỉ là lý luận tạm an ủi hay có phần nào “ngụy biện” cho việc quản lý yếu kém, thiếu trách nhiệm, dung túng tệ nạn của chúng ta mà thôi!

Định chế văn hóa nào cho thịnh vượng?

Chúng ta biết UNESCO từng nhấn mạnh *“Văn hóa là động lực của kinh tế”*. Nói cách khác, văn hóa quyết định hướng đi cho kinh tế và xã hội.

Bàn về ba lãnh vực của đời sống - thiên nhiên, con người và tôn giáo - tác giả Nguyễn Thế Đăng nhận định: Văn hóa là sự thăng hoa, sự nhân tính hóa những hiểu biết về thế giới vật lý, thế giới tâm lý, làm cho con người ngày càng nhân tính hơn, càng đẹp hơn, càng đúng hơn, càng tốt lành hơn. (*Chân Thiện Mỹ*). Văn hóa là để biết sống. Sử dụng và biết sống với thiên nhiên (*Địa*), biết sống với người khác (*Nhân*) và biết sống với cái siêu việt, cái thiêng liêng ở trong chính mình (*Thiên*) (Tóm tắt theo Nguyễn Thế Đăng - *Xã hội hài hòa* - Trích trong *Con người toàn diện - Hạnh phúc toàn diện*, các tr.176-183).

Chúng ta không thể tách rời mối liên hệ giữa hạnh phúc của chúng ta với hạnh phúc cộng đồng. Phải chăng đó là ý nghĩa của tương tức tương sinh (Interbeing - tiếp hiện) trong nhà Phật. Một kẻ giàu có sống ích kỷ giữa quần sinh khác nào Robinson Crusoe trên hoang đảo. Anh phô trương sự giàu có mà không hề quan tâm đến sự nghèo khó của cộng đồng thì hạnh phúc ấy chỉ đơn giản là sự khoái lạc, sự thỏa mãn thói phô trương. Chưa kể cái giàu của anh do nhiều yếu

tổ bất minh và thậm chí phạm pháp, do tham nhũng, do buồn lậu...

Bất cứ một nền kinh tế nào mà nền tảng văn hóa của nó không lấy yếu tố con người làm trọng tâm sẽ thất bại. Vì sự phồn vinh là nhằm giúp cho con người sống tốt hơn, vui hơn và chan hòa hơn. Tìm hiểu về vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế, Francis X. Hezel đặt những câu hỏi: Tại sao một số quốc gia phát triển tốt, nhưng số khác lại thất bại, khi mà những điều kiện tiên quyết đều hội đủ? Giải thích thế nào về những quốc gia châu Phi, khi nhận rất nhiều viện trợ để phát triển, hay những quốc gia như Indonesia hay Philippines (*Việt Nam có thể rơi vào trường hợp này chăng?*) với nguồn lực tài nguyên dồi dào và dân chúng có học vấn, nhưng vẫn trì trệ trong phát triển?

Đây cũng là tình trạng chung của các nước ven Thái Bình Dương? Các nhà kinh tế giải thích về sự mất cân đối trong các điều kiện phát triển: trong đó việc lãnh đạo sáng suốt được xem như điều kiện hàng đầu; hệ thống chính trị ổn định; luật pháp ban hành rõ ràng và có tính thực thi cao; những hợp đồng hay thỏa thuận đều được tôn trọng; quan chức không tham nhũng. Ngoài ra đất đai luôn có mức giá bán hay cho thuê vừa phải, đầu tư nước ngoài được bảo vệ và khuyến khích; tránh tị nạn trong thủ tục hành chính và cấp giấy phép. Còn một số vấn đề cần bản cần nêu lên ví dụ như thiếu số trong nhân dân phát triển quá mức để đa số còn lại sống chật vật.

Amy Chua trong tác phẩm *Thế giới dầu sôi lửa bỏng* (World on Fire) nêu lên tình trạng người gốc Hoa ở Philippines và Indonesia, tuy chiếm tỷ lệ ít hơn 2% dân số nhưng lại quản lý hay chiếm hữu 60% nền kinh tế tư nhân, bao gồm 4 hãng hàng không lớn nhất và hầu hết khách sạn, ngân hàng, trung tâm thương mại. Tình trạng này cũng đang diễn ra ở các quốc gia Đông Nam Á khác như Thái Lan, Miến Điện và Mã Lai...

Còn Việt Nam chúng ta thì sao, liệu “nhóm lợi ích” như các đại biểu Quốc hội nêu ra chiếm hữu bao nhiêu phần trăm kinh tế tư nhân và cả quốc doanh? Những định chế như vừa nêu trong xu thế mới không kích thích tăng trưởng kinh tế vì hệ thống luật pháp đáng tin cậy, chính trị ổn định, thị trường vận hành tốt chỉ là điều kiện cần nhưng chưa đủ để kinh tế “cất cánh”.

Ở Anh quốc, người ta nhận thức về sự thay đổi tinh tiến những giá trị văn hóa sâu sắc, nhất là về ý thức cạnh tranh và đạo đức nghề nghiệp mạnh mẽ, những yếu tố cần thiết khi cuộc cách mạng công nghệ bùng nổ ảnh hưởng đến toàn xã hội. Một xã hội mà bạo lực dù đã giảm sút, tỷ lệ sát nhân cũng thấp người ta khăm khá hơn nhưng phải cạnh tranh với nhau kịch liệt hơn, trí thức hơn và đòi hỏi kiên nhẫn hơn! Những phẩm chất này cùng với sự phát triển tầng lớp trung lưu, cho phép người ta có lợi thế cạnh tranh, phản ứng nhanh hơn, sống có mục đích rõ ràng ngay từ thời tuổi trẻ và thích ứng ở nhiều môi trường khác nhau.

Người ta nêu ví dụ tại sao cuộc Cách mạng Công nghiệp ở Anh đầu thế kỷ XIX lại thành công vượt bậc mà đến khi đưa vào Ấn Độ lại không đạt được kết quả mong muốn. Đó là vì năng suất công nhân Ấn Độ quá thấp so với công nhân Anh dù lương chỉ bằng 1/4, chưa kể chi phí của các nhà máy ở Anh hiệu quả hơn nhiều, làm tăng sức cạnh tranh đáng kể. Chúng ta chợt nhớ có người đã đánh giá một công nhân Singapore có năng suất gấp 10 công nhân VN, chắc cũng vì những lý do tương tự.

Trong một tác phẩm gần đây, *Sự phồn vinh và khốn cùng của các quốc gia* (The Wealth and Poverty of Nations), David Landes kết luận rằng yếu tố văn hóa thúc đẩy sự thành công kinh tế nhiều hơn bất kỳ yếu tố nào khác. Tính tiết kiệm, làm việc chăm chỉ, bền bỉ, trung thực và bao dung là những yếu tố tạo nên sự khác biệt. Max Weber thì cho rằng sau cùng thì thái độ xã hội và giá trị văn hóa có tiếng nói quyết định đến việc một nền kinh tế thành công hay thất bại.

Nâng cao dân trí trở thành nguyên lý hành động của mọi người và của các cấp lãnh đạo. Con người là kết quả của sự tiến hóa thuần tâm, thuần vật và thuần sinh, là nguyên nhân đồng thời là kết quả của sự tiến hóa toàn diện, hướng thượng và hỗ tương của tất cả những yếu tố: nhân chủng, văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội. Trong điều kiện chúng ta, phải có đường hướng rõ ràng, tránh tư tưởng hư vô bất định về mặt kinh tế, điều hợp cân đối và hợp lý bốn khu vực kinh tế: quốc doanh, tư nhân, địa phương và liên doanh nước ngoài, phát triển hài hòa và quân bình nông nghiệp và công nghiệp.

Phân tích mọi mặt của đời sống của mình và những người chung quanh, gạt rửa bệnh thái tâm lý xa hoa, tinh tiến về tri thức và nhận thức, tu dưỡng nếp sống mới, nhân sinh quan mới, tận dụng thời gian, vui hưởng cuộc sống thanh bạch hàng ngày, làm việc hết sức mình nhưng không thái quá, tri túc để biết sống nếp sống giản dị thanh đạm, phù hợp với mức thu nhập và điều kiện chung quanh, sống không tranh chấp, cùng nhau tiến bộ... Chúng ta hiểu rằng không bao giờ văn hóa suy đồi mà kinh tế phát triển. Văn hóa bao giờ cũng là động lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế; mặt khác, kinh tế phát triển là mảnh đất thuận lợi cho sự phát triển văn hóa của cộng đồng. Lịch sử thế giới cũng như nước Việt Nam đã chứng minh nguyên lý đó.

Sự thịnh vượng kinh tế phải gắn với môi trường văn hóa - mang nặng tính nhân văn, tôn vinh các giá trị tốt đẹp của con người vì văn hóa như đã nói ở trên chính là động lực, còn những định chế của nó sẽ là nguồn lực nội sinh cho sự phát triển. Nền tảng văn hóa cho sự phồn vinh cần phải quan tâm xây dựng với tất cả tinh thần trách nhiệm, nếu không chúng ta sẽ chẳng bao giờ có một nền kinh tế “thông minh, điểm đậm” như kỳ vọng. ■



Tại chỗ mà vẫn đến sau

HỒ ANH THÁI

Công chúng đã ít nhiều quen với hình ảnh người đại diện thường trú ở nước ngoài của các cơ quan truyền thông ta. Thông tin, nếu ngay lập tức được truyền về trong nước, còn nóng hổi, thì có ích cho việc phân tích đánh giá tình hình, cũng có ích cho người dân quan tâm đến thế giới ta đang sống.

Nhưng phương pháp tác nghiệp cần phải thay đổi khi mà mạng lưới internet đã nhanh như điện, và hệ thống truyền thông quốc tế vận hành còn hơn thác lũ. Một sự kiện diễn ra, người Việt có thể tức khắc vào mạng internet hoặc mở một kênh phát thanh truyền hình nước ngoài, thế là có đủ thông tin. Nhìn thấy hình ảnh tại chỗ, nghe được những âm thanh tại chỗ, được thuyết minh tình hình tại chỗ. Vậy còn muốn gì hơn nữa?

Phóng viên thường trú của ta ở nước ngoài cũng nhanh chóng tìm đến hiện trường. Một vụ xả súng ở bang Florida nước Mỹ chẳng hạn. Một vụ tấn công khủng bố ở châu Âu chẳng hạn. Một biến cố trong quan hệ Nga - Mỹ chẳng hạn. Một vụ tàu đánh cá

Việt Nam bị bắt trong vùng biển Malaysia chẳng hạn. Phóng viên hình sẽ cầm micrô đứng trước hiện trường để đưa tin. Phóng viên phát thanh thì thu âm thanh xôn xao tại hiện trường và đề nghị những người có mặt trả lời phỏng vấn dăm câu ba điều. Phóng viên báo in thì thao tác ngay bằng những con chữ rồi gửi lên trang báo mạng.

Tất cả đều chứng minh rằng tôi đang thao tác nghiệp vụ, đang thực hiện nhiệm vụ, tôi đã có mặt ở hiện trường, kịp thời.

Nhưng người làm truyền thông thường trú mà chỉ chứng minh một điều như vậy thì chưa đủ, thậm chí là ít ý nghĩa, giữa thời buổi internet và truyền thông quá nhanh chóng như thế này.

Trước hết, nói rằng người truyền thông đã có mặt kịp thời cũng là chưa chính xác. Mạng internet và các đài báo bản địa còn kịp thời hơn ta nhiều. Vụ việc trong cùng thành phố, ta vác máy đến nơi thì tin tức người ta đã đưa đầy tràn trên mạng kèm theo ảnh và hình ảnh động, kèm theo bản thu thanh xôn xao sống động. Vụ việc xảy ra ở thành phố khác hoặc nước láng

giếng, người thường trú phải cần dăm ba tiếng sau mới bay đến nơi và bắt đầu truyền tin. Thế thì còn chậm hơn nữa, tin tức của ta chỉ mang thân phận của “người đến sau”.

Tin tức ấy được truyền về trong nước, trung tâm tiếp nhận vui lòng đưa lên sóng, vui lòng cập nhật vào báo mạng. Vui lòng và cảm lòng vậy mà thôi, thực ra người biên tập ở trong nước đã lấy được thông tin sớm hơn thế nhiều, như đã nói, lấy từ các kênh nước ngoài, từ các trang mạng trực tuyến nước ngoài.

Tức là những tin tức bạn gửi về thì chỉ cần ngồi ở trong nước cũng lấy được, lại còn sớm hơn thông tin của bạn.

Thông tin của bạn mới ở vòng gửi xe, mới ở bên ngoài băng chần ngăn cách hiện trường. Còn thông tin của truyền thông nước ngoài đã xông được vào tận bên trong phòng họp đại hội đồng, phòng họp nghị viện, văn phòng các lãnh đạo. Nếu bạn cũng đưa được máy quay máy thu vào trong phòng họp thì thông tin cũng sơ sài đơn giản hơn thông tin của người ta. Hầu hết đều tinh khôn mà mượn hình ảnh mượn âm thanh sẵn có của các đài nước ngoài để đưa vào bản tin của mình. Thôi thì lọt sàng xuống nia, khi cần thì mượn của nhau, đều là đồng nghiệp cả, họ nghĩ thế.

Chậm hơn người ta, thì mượn của người ta, hoặc mua của người ta. Những cái chậm này sẽ được thể tất nếu phóng viên thường trú làm được điều quan trọng bậc nhất: bình luận. Bình luận cho thật đắt.

Rất thường thấy trong các bản tin ấy, phóng viên có chen thêm đôi ba câu của riêng mình, phân tích, đánh giá, nhận định, bình luận. Cảm tưởng rất rõ về một bàn ăn toàn dăm-bông xúc xích bánh mì pho-mát lại chen vào đấy một bát nước mắm. Bạn đã dịch vội hầu như toàn bộ bản tin của người ta, kèm theo nỗi lo ngại rằng công chúng sẽ nhận ra điều ấy, bèn chen thêm vào dăm ba câu nhận định của mình. Rất dễ phát hiện ra cái râu ông này và cái cằm bà kia trong đó. Phần chen vào thường là sơ sài giản đơn về mặt tư duy. Những cuộc phỏng vấn hoặc các phóng sự chuyên đề của phóng viên ta hầu như không tiếp cận được những nhân vật đích đáng, những vấn đề tiêu điểm.

Nhiều bản tin dịch vội đã bê nguyên xi quan điểm của nước ngoài. Đây là vi phạm bản quyền. Đây là vay mượn chất xám mà nhập hàng không ghi nhận nguồn gốc. Đây còn là tự xóa bỏ mình khi lấy nguyên vẹn quan điểm của người khác và để cho nó trùm lấp lên cái phần rất bé nhỏ của mình.

Ta đã đi đến cốt lõi của vấn đề. Người phóng viên thường trú thời nay khó mà hơn một phóng viên ngồi trong nước theo dõi tình hình quốc tế, nếu

thiếu một kiến thức sâu rộng, thiếu tư duy sắc sảo được chuyển hóa thành nhận định, đánh giá, bình luận thật đích đáng.

Nói như vậy liệu có thể hiểu rằng một phóng viên ngồi trong nước nếu có đủ các phẩm chất trên thì chắc chắn lại hơn người được gửi ra nước ngoài thường trú? Rất nhiều khi lại đúng là như vậy. Rất nhiều khi người ở nhà phải biên tập lại để cho bản tin của người ở bên gửi về chính xác hơn, sâu sắc hơn. Kể cả nếu cơ quan thường trú có bộ phận biên tập và duyệt tại chỗ, thì cũng chỉ có ý nghĩa là sự nới rộng nhân sự.

Đây là tình trạng chung của cơ quan thường trú ở nước ngoài của các bộ các ngành. Có khi sự hiện diện ở nước ngoài chỉ là chứng tỏ có mặt ở hiện trường mà hiệu quả không tương xứng, thậm chí không bằng bộ phận ngồi tác nghiệp và nghiên cứu ở trong nước. Cần tránh, chỉ để duy trì một văn phòng đại diện, duy trì những nhân sự, mà phải tiếp tục chấp nhận sự thiếu hiệu quả và lãng phí.

Nhưng như vậy không có nghĩa là phủ nhận việc gửi phóng viên đi thường trú. Vấn đề là giữa thời đại internet, một cơ quan thường trú không cần phải là bộ máy công kênh. Không cần gửi đi những phóng viên chỉ biết đưa tin nhật tin, mà phải là những người có khả năng phân tích bình luận. Nhiều khi, văn phòng ảo với những cộng tác viên ảo cũng có thể đem lại hiệu quả lớn. Và vấn đề chính là phải có những người thường trú thực sự có kiến thức quảng bác.

Sự ứng biến khôn khéo chưa đủ. Nhiệt tình thôi chưa đủ. ■



Âm nhạc qua lăng kính thị giác

LÊ HẢI ĐĂNG



Vị nữ thần Muses trong thần thoại Hy Lạp vốn làm nhiệm vụ liên quan đến thi ca, âm nhạc và vũ đạo. Thuở xưa, âm nhạc nằm trong tổ hợp của ba loại hình nghệ thuật: thơ, nhạc và múa. Âm nhạc trên vòm trời huyền tưởng của thần thoại Hy Lạp cổ đại không phải loại hình nghệ thuật chuyên biệt, mà có chức năng tổng hợp.

Từ đó cho thấy, thơ, nhạc, múa có mối quan hệ thân thiết với nhau rất lâu đời. Suốt chặng đường dài, thơ ca, âm nhạc và múa đã đi theo những ngã rẽ khác nhau, nhưng sợi dây vô hình vẫn liên kết chúng lại trong những dạng thức mang tính tổng hợp. Bước vào xã hội hiện đại với sự thống trị của truyền hình, dạng thức nghệ thuật tổng hợp có cơ hội phát triển trở lại trong một diện mạo mới mà trọng tâm là sân khấu ca múa nhạc.

Ca múa nhạc trên truyền hình cùng một lúc chuyển tải cả âm thanh và hình ảnh qua hai kênh nghe-nhìn tổng hợp. Đứng ở góc độ đối tượng, các thành tố tham gia đều quy tụ ca, múa, nhạc. Tuy nhiên, trên thực tế, tính tổng hợp có khả năng liên kết các thành tố để bị

xem nhẹ; thay vào đó là tính hỗ trợ, phức hợp gia tăng.

Điện hình như các màn múa minh họa trên sân khấu. Trong nhiều trường hợp, múa đóng vai trò lấp đầy chỗ trống; hoặc không ăn nhập gì với tiết mục âm nhạc; hoặc chỉ chuyển tải thông điệp rời rạc, thiếu tính liên kết. Hình ảnh, bố cục sân khấu nhiều lúc chưa nhất quán về tính chất, nội dung. Chưa kể, trong nhiều trường hợp, múa gia nhập sân khấu ca nhạc như một hình thức tạm trú, quá cảnh để đến với khán giả.

Trong không gian nghệ thuật tổng hợp, người tiếp xúc huy động nhiều giác quan vào việc thưởng thức, cộng dồn cả kênh nghe và nhìn. Vì vậy, nếu thông điệp không nằm trong thể thống nhất sẽ khiến cho việc tiếp nhận bị phân mảnh, khó thể gom lại thành một điểm nhìn nhất quán và làm lạc mất ý nghĩa thông điệp. Tình trạng thể hiện ở nhiều màn múa minh họa cốt chạy theo vẻ đẹp hình thức, lắm khi vô nghĩa. Việc đó chẳng khác nào đặt người thưởng thức vào tình huống chia cắt kênh tiếp nhận, giống như việc sử dụng thánh giác người này kết hợp với thị giác người kia. Hiện tượng cấy ghép, nhảu lẫn kênh tiếp nhận xảy ra ở cả đối tượng tiếp xúc.



Như chúng ta biết, cơ quan tiếp nhận là giác quan của con người vốn mang tính tổng hợp, nên các loại hình nghệ thuật tác động cũng phải nằm trong chính thể của dạng thức tổng hợp, không được tạo nên dải phân cách. Tính tổng hợp này xuất phát từ mối quan hệ tương tác đa chiều, từ bản thân dạng thức nghệ thuật cho đến đối tượng tham gia, tiếp nhận (chủ thể - khách thể). Lấy ví dụ, chương trình ca nhạc “Chào 2017” chẳng hạn, ca sĩ Mỹ Tâm thể hiện ca khúc “Tiếng nước tôi” của nhạc sĩ Phạm Duy. Bối cảnh là cây đàn piano án ngữ ngay trung tâm sân khấu; ca sĩ nép mình bên cây đàn thể hiện ca khúc. Đứng ở góc độ thị giác, đó là một cách bố cục bắt mắt mà điểm nhìn trung tâm là ca sĩ và nhạc cụ. Song, đứng ở góc độ biểu trưng, cây đàn piano chẳng ăn nhập gì với nội dung ca khúc. Lẽ ra người thiết kế sân khấu chọn cây đàn biểu trưng của âm nhạc nước tôi nhằm tạo nên một mặt bằng “môn đăng hộ đối” về biểu trưng văn hóa. Tương ứng với “Tiếng nước tôi” có tiếng đàn nước tôi. Đó có thể là cây đàn bầu hay một nhạc cụ nào khác có cùng giá trị biểu trưng.

Tương tự như thế, cũng ở chương trình này, ca khúc “Về đây nghe em” của nhạc sĩ Trần Quang Lộc do ca sĩ Quang Dũng thể hiện cũng mắc một lỗi giống nhau. Người thiết kế cho ca sĩ đứng cạnh cây đàn harp, trong suốt quá trình thể hiện, ca sĩ Quang Dũng không hề rời khỏi cây đàn như một hình thức khu trú, tương tác qua lại giữa hai hình ảnh và nó nằm lọt vào khung hình đã được xác định đường biên. Ở ca khúc này, hình ảnh có bố cục hấp dẫn hơn cả “Tiếng nước tôi”, màn sương khói mênh mang tỏa khắp không gian sân khấu như tiên cảnh. Có điều, đặt trong bối cảnh của: “Về đây nghe em” với những ca từ “về đây mặc áo the, đi guốc mộc, kể chuyện tình bằng lời ca dao” thì có lẽ đã trật hệ thống. Nó chẳng khác nào tình huống diễn viên đóng vai Thạch Sanh, nhưng đi giầy Adidas, đeo đồng hồ Seiko... Nếu hình ảnh minh họa thuần túy mang tính chất trang sức, làm đẹp, nghệ thuật dễ sa đà vào căn bệnh hình thức, nhạt nhẽo, vô hồn.

Nghệ thuật hay sản phẩm mang tính chất minh họa đẹp thôi chưa đủ. Chúng ta có thể hình dung sang nhiều ngành nghề khác, như nghề báo chẳng hạn. Nếu việc chọn hình ảnh minh họa chỉ cần theo tiêu chí đẹp về thị giác, mang tính chất trang sức, Ban biên tập có lẽ chẳng việc gì phải lao tâm khổ tứ, cứ chọn hình mấy cô người mẫu xinh đẹp, tươi mát là xong!

Sân khấu nghệ thuật vốn mang giá trị biểu trưng, một miền huyền tưởng cho tâm hồn trú ngụ. Tô điểm, trang sức cho sân khấu cũng phải men theo chiều hướng tổng hợp các thành tố nhằm nhấn mạnh điểm nhìn trung tâm, chuyển tải bức thông điệp nhất quán, từ đó gắn kết các bộ phận, không cho bố cục bị chia cắt rời rạc, vụn vặt. Đương nhiên, các thành tố phải gắn kết với nhau một cách tự nhiên, chặt chẽ nhằm đáp ứng nhu cầu cả về thính giác lẫn thị giác. Các loại hình nghệ thuật đi kèm, như thơ ca, âm nhạc và múa phải nằm trong chính thể hợp nhất, hay nói cách khác, chúng cùng hướng tới một điểm nhìn trung tâm.

Nhớ một lần dựng Hội diễn văn nghệ, tôi đệm đàn cho ca sĩ thể hiện ca khúc “Hãy yêu nhau đi” của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Mãi đệm đàn chẳng thềm ngó ngang đến ngôn ngữ hình thể của người hát, đến gần hết bài mới ngẩng đầu lên nhìn, thấy ca sĩ tươi cười, hát: “Hãy nhìn vào mặt người lần cuối trong đời.”

Tôi ngỡ ngàng, hỏi: “Em có hiểu câu hát ấy nói gì không?” ...!

“Em đã tham dự nghi thức tiễn liệm người chết bao giờ chưa?”, tôi hỏi thêm.

“Anh nói gì mà ghê quá!”. Ca sĩ nói.

Nếu em từng chứng kiến nghi thức tiễn liệm người quá cố vào phút cuối trong cuộc đời này thì em sẽ hiểu được thâm ý của tác giả. Và có một điều chắc chắn, em sẽ không thể nào cười được khi hát: “Hãy nhìn vào mặt người lần cuối trong đời”. ■



Vùng tu thì chìm

NGUYỄN LINH

Với tuệ nhãn của bậc Chánh đẳng giác, Đức Phật thấy rõ sự tái sinh của các chúng sinh ở trong các cảnh giới khác nhau, hoặc bất hạnh khổ đau hoặc may mắn hạnh phúc, hoàn toàn tùy thuộc vào nghiệp lực của các chúng sinh ấy.

“Những chúng sanh làm các ác hạnh về thân, làm ác hạnh về lời nói, làm các ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này”.

Cũng với trí tuệ của bậc Giác ngộ, Đức Phật chứng thực về thế giới loài người:

“Ví như, này các Tỳ-kheo, trong cõi Diêm-phù-đề này, số ít là các khu vườn khả ái, các khu rừng khả ái, các vùng đất khả ái, các hồ ao khả ái. Và nhiều hơn là các chỗ đất cao đất thấp, các con sông khó lội qua, các khu vực rậm rạp những gậy gộc gai góc, các núi non lởm chởm. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, số ít là các chúng sanh sau khi chết từ loài Người được tái sanh trong loài Người. Và nhiều hơn là các chúng sanh, sau khi chết từ loài Người, bị tái sanh ở địa ngục... ở các loại bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ”.

Như vậy, dưới cái nhìn của bậc Giác ngộ thì sự sống là một dòng chảy tương tục trong thế giới luân hồi; phẩm chất của sự sống, khổ đau hay hạnh phúc của mỗi chúng sinh, là hoàn toàn tùy thuộc vào phẩm hạnh xấu hay tốt mà chúng sinh ấy đã thể hiện trong chuỗi các đời sống luân hồi. Lời Phật cũng lưu nhắc

cho chúng ta rằng được sinh ra làm người là vô cùng khó khăn³, thế nhưng phần lớn loài người không giữ được vị thế làm người sau khi thân hoại mạng chung; rất hiếm người tiếp tục duy trì được sự hiện hữu của mình ở trong cảnh giới loài người, đa phần phải đọa sanh ở các cảnh giới thấp kém đầy bất hạnh khổ đau như địa ngục, bàng sanh hay ngạ quỷ.

Do đâu mà xảy ra tình trạng không may mắn như vậy? Nói cách khác, hành nghiệp hay lối sống nào khiến cho loài người đánh mất đi cơ hội may mắn hiếm có của mình⁴, từ ánh sáng lại đi vào bóng tối⁵, tức là từ vị trí làm người rơi xuống các địa vị thấp kém đầy khổ đau như địa ngục, bàng sanh hay ngạ quỷ?

Theo lời dạy của Đức Phật thì sở dĩ con người tự để cho mình rơi vào tình trạng xuống dốc như vậy là do không biết nuôi dưỡng lòng tin trong các thiện pháp, không có lòng xấu hổ, không có lòng sợ hãi, không có tinh tấn trong các thiện pháp và không có trí tuệ⁶. Chính sự thiếu vắng các phẩm chất sáng suốt tốt đẹp như vậy trong tâm thức mà đời sống con người trở nên tối tăm, mất phương hướng, rơi vào mê lầm, bị cái ác lôi kéo và chi phối, trôi lăn theo cái ác; hệ quả là con người rơi dần vào vòng khổ đau bởi lối sống phi đạo đức của mình. Kinh *Pháp Cú* nói rằng người ác thấy là hiền và nghĩ là ngọt khi ác nghiệp chưa chín muồi, nhưng khi ác nghiệp chín muồi rồi thì người ác mới thấy ác, mới hứng chịu khổ đau⁷.

Không biết nuôi dưỡng lòng tin trong các thiện pháp nghĩa là không tin tưởng đối với những gì là chân chánh, hiền thiện, tốt đẹp, cao thượng, giải thoát, an lạc; không quyết đoán về một lẽ sống chân chánh, hiền thiện, giải thoát, an lạc; không hiểu được sự lợi ích của thiện pháp và sự nguy hại của ác pháp; không tha thiết học tập điều hay lẽ phải và không cố gắng tu chỉnh các lẽ thói bất thiện.

Không có lòng xấu hổ tức là không hề có cảm giác mắc cỡ hay hổ thẹn khi suy nghĩ những điều không chân chánh, nói những lời không chân chánh hay làm những việc không chân chánh; không cảm thấy ăn năn hối tiếc tự trách móc mình về những hành vi sai trái xấu ác thuộc thân, miệng, ý; thể hiện lối sống phóng dật, lỗ mãng, dễ dàng làm các ác nghiệp.

Không có lòng sợ hãi nghĩa là không hề lo lắng sợ hãi về những ý nghĩ, lời nói và việc làm sai trái xấu ác của mình; không thấy được hậu quả nguy hại của những hành vi ác, bất thiện để từ bỏ; cứ ngang nhiên sống theo ác pháp, bất chấp các hậu quả.

Không tinh tấn trong các thiện pháp có nghĩa là không nỗ lực tu tập thiện pháp và diệt trừ ác pháp, không nhiệt tâm tu tập thiện pháp và diệt trừ ác pháp, không kiên trì tu tập thiện pháp và diệt trừ ác pháp, không tinh tấn tu tập thiện pháp và diệt trừ ác pháp; kết quả là các thiện pháp ngày càng giảm thiểu, các ác pháp ngày càng tăng trưởng.

Không có trí tuệ nghĩa là không chú tâm tìm hiểu và nhận thức rõ những gì là chánh-tà, thiện-ác, hạ liệt-cao thượng, trói buộc-giải thoát, phiền não-an lạc; không phân biệt được đâu là chánh-tà, thiện-ác, hạ liệt-cao thượng, trói buộc-giải thoát, phiền não-an lạc; không thấy được lợi ích của thiện pháp và sự nguy hại của ác pháp; không chuyển tâm sống theo thiện pháp và dứt bỏ ác pháp.

Một cách chi tiết, bậc Giác ngộ tuần tự giải thích vì sao con người không biết nuôi dưỡng lòng tin trong các thiện pháp, không có lòng xấu hổ, không có lòng sợ hãi, không có tinh tấn trong các thiện pháp và không có trí tuệ, tự để cho mình rơi vào vòng tối tăm khổ đau, từ ánh sáng đi vào bóng tối, từ loài người rơi xuống địa ngục, bàng sanh hay ngạ quỷ:

"Ở đây, này các Tỳ-kheo, có kẻ vô văn phạm phu, không đi đến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đi đến các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, không biết rõ các pháp nên phục vụ, không biết rõ các pháp không nên phục vụ, không biết rõ các pháp nên thân cận, không biết rõ các pháp không nên thân cận. Vì không biết rõ các pháp nên phục vụ, không biết rõ các pháp không nên phục vụ, không biết rõ các pháp nên thân cận, không biết rõ các pháp không nên thân cận, vị này phục vụ các pháp không nên phục vụ, không phục vụ các pháp nên phục vụ, thân cận các pháp không nên thân cận, không thân cận các pháp nên thân cận. Vì này vì phục vụ các pháp không nên phục vụ, không phục vụ các pháp nên phục vụ, vì thân cận các pháp không nên thân cận, không thân cận các pháp nên thân cận, cho nên các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỳ-kheo, là vì người ấy không có trí đối với pháp này"⁸.

Thế nào là các pháp không nên phục vụ, không nên thân cận nhưng kẻ vô văn phạm phu thiếu trí lại phục vụ và thân cận, khiến cho các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý (phiền não khổ đau) tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý (hạnh phúc an lạc) bị tiêu diệt? Nói cách khác, lối sống nào kẻ vô văn phạm phu chuyển tâm theo đuổi để cuối cùng phải rơi vào bất hạnh khổ đau?

Bậc Giác ngộ nói đến bốn loại pháp hành hay bốn lối sống - (1) pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo cũng khổ; (2) pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo cũng khổ; (3) pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc; (4) pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo cũng lạc - và nêu rõ do vô trí, kẻ vô văn phạm phu rơi vào chấp trì pháp hành thứ nhất hoặc pháp hành thứ hai, khiến cho phiền não khổ đau đi đến tăng trưởng, hạnh phúc an lạc bị tiêu diệt:

"Ở đây, này các Tỳ-kheo, đây là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ. Do vô trí với pháp này, do si

mê, nên không tuệ tri như chân: ‘Đây là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ’. Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, nên phục vụ pháp này, không tránh né pháp này. Vì phục vụ pháp này, vì không tránh né pháp này, nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỳ-kheo, là vì vị ấy không có trí đối với pháp này.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ? Ở đây, này các Tỳ-kheo, có người với khổ, với ưu, sát sanh, và do duyên sát sanh, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu lấy của không cho, và do duyên lấy của không cho, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu sống theo tà hạnh trong các dục, và do duyên sống theo tà hạnh trong các dục, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu nói lời vọng ngữ, và do duyên nói lời vọng ngữ, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu nói lời hai lưỡi, và do duyên nói lời hai lưỡi, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, nói lời ác ngữ, và do duyên nói lời ác ngữ, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, nói lời phù phiếm và do duyên nói lời phù phiếm, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, có tâm tham ái, và do duyên có tâm tham ái, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu có tâm sân hận, và do duyên có tâm sân hận, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu có tà kiến, và do duyên tà kiến, cảm thọ khổ ưu. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỳ-kheo, ví như trái bí đắng có tẩm thuốc độc. Rồi một người đến muốn sống, muốn không chết, ưa lạc, hiềm ghét khổ, và có người nói với người ấy như sau: ‘Này bạn, trái bí đắng này có tẩm thuốc độc, nếu bạn muốn, hãy ăn. Trong khi ăn, bạn không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi ăn, bạn có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết’. Người ấy có thể ăn không có suy nghĩ, không có từ bỏ. Trong khi ăn, người ấy không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi ăn, người ấy bị chết, hay bị đau khổ gần như chết. Này các Tỳ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ.

Ở đây, này các Tỳ-kheo, đây là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ. Do vô trí với pháp này, do si mê nên không biết như chân: ‘Đây là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ’. Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, nên phục vụ pháp này, không tránh né pháp này. Vì phục vụ pháp này, vì không tránh né pháp này, nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy này các Tỳ-kheo, là vì vị ấy không có trí đối với pháp này.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ? Ở đây, này các Tỳ-kheo, có người với lạc, với hỷ, sát sanh và do duyên sát sanh, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, lấy của không cho và do duyên lấy của không cho, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, sống theo tà hạnh trong các dục, và do duyên sống theo tà

hạnh trong các dục, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời vọng ngữ, và do duyên nói lời vọng ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời hai lưỡi, và do duyên nói lời hai lưỡi, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời ác ngữ, và do duyên nói lời ác ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời phù phiếm, và do duyên nói lời phù phiếm, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, có tâm tham ái và do duyên có tâm tham ái, cảm thọ lạc và hỷ, với lạc, với hỷ, có tâm sân hận, và do duyên có tâm sân hận, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, có tà kiến, và do duyên có tà kiến, cảm thọ lạc và hỷ. Vị này sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ địa ngục.

Này các Tỳ-kheo, ví như một bình đồng đựng nước uống, có sắc, có hương, có vị, và nước uống ấy có tẩm thuốc độc. Rồi một người đến, muốn sống, muốn không chết, ưa lạc, hiềm ghét khổ. Và có người nói với người ấy như sau: ‘Này bạn, bình đồng đựng nước uống này, có sắc, có hương, có vị, và nước uống ấy có tẩm thuốc độc. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn sẽ được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, bạn có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết’. Người kia có thể uống, không suy nghĩ, không từ bỏ. Trong khi uống, người ấy được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, người ấy có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết. Này các Tỳ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ⁹.

Như vậy, do không biết thân cận gần gũi các bậc Thánh và các bậc Chân nhân, không được nghe lời khuyên dạy của các bậc Thánh và các bậc Chân nhân, không tu tập theo giáo pháp của các bậc Thánh và các bậc Chân nhân nên kẻ vô văn phạm phu không thiết lập được lòng tin trong các thiện pháp, không có lòng xấu hổ, không có lòng sợ hãi, không có tinh tấn trong các thiện pháp và không có trí tuệ; không phân biệt được đâu là thiện nên theo, đâu là ác cần phải từ bỏ, chấp trì lối sống sai lạc, gây tạo các ác nghiệp (10 ác nghiệp), phải lãnh thọ các quả báo đau khổ ở cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, tự đánh mất địa vị làm người hiếm có của mình, khiến cho mình phải chìm sâu vào khổ cảnh.

Kinh Pháp Cú nói như vậy:

Kẻ ngu si thiếu trí,
Tự ngã thành kẻ thù;
Làm ác nghiệp không thiện,
Phải chịu quả đắng cay¹⁰.

Nhìn chung, sự sống là một dòng chảy tương tục từ đời này sang đời khác với các hoàn cảnh khác nhau, hoặc may mắn hạnh phúc hoặc bất hạnh khổ đau, hoàn toàn tùy thuộc vào nghiệp duyên mà chúng sinh đã tích tập trong chuỗi các đời sống luân hồi. Được sinh ra làm người là một cơ hội may mắn hiếm có, vì người là sinh loại có lý trí, có nhiều thuận duyên để chuyển đổi vận mệnh của mình so với nhiều loại chúng

sinh ở các cảnh giới khác. Mặc dù còn nằm trong vòng khổ đau luân hồi, con người có khả năng và cơ duyên thuận lợi để định hướng và thiết lập lối đi giải thoát của chính mình. Vấn đề là phải nhận ra và khéo vận dụng cơ duyên ấy một cách chính đáng thì mới quyết chắc tương lai tốt đẹp của chính mình.

Dân gian ta có câu: *“Lênh đênh qua cửa Thần phủ; khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm”*.

Cửa Thần phủ là cửa chết mà sớm muộn ai cũng phải đi qua. Con thuyền ngũ uẩn nào rồi cũng đến lúc phải tan vỡ và hủy hoại. Số kiếp chúng sinh lênh đênh là thế, có ai thay đổi được? Nhưng con người chết đi không phải là hết. Chết chỉ là khởi đầu một tiến trình mới của sự sống trong luân hồi. Đó chính là lúc con người rời xa cõi đời này, quay về với nghiệp thức của chính mình để tiếp tục một đời sống mới ở cảnh giới này hay cảnh giới khác, tùy theo nghiệp lực mà mình đã tích tập. Chính nghiệp lực thiện hay bất thiện của mỗi cá nhân, tức những hành vi thiện hay bất thiện thuộc ý nghĩ, lời nói và việc làm mà con người đã tích tập sẽ quyết định tính chất cuộc sống tiếp theo. Bậc Giác ngộ tuyên bố: *“Cõi ác chờ đợi một tâm tư cấu uế; cõi lành chào đón một tâm hồn thanh tịnh”*¹¹.

Vì thế mà con người cần biết cách sửa soạn tốt cho đời sống tương lai của chính mình, như lời Đức Phật dạy:

*Ác hạnh không nên làm,
Làm xong, chịu khổ lụy;
Thiện hạnh, ắt nên làm,
Làm xong, không ăn năn*¹².

Con người may mắn hơn nhiều chúng sinh khác ở chỗ có đủ hiểu biết và lý trí để cân nhắc và quyết

định tương lai của chính mình. Không ai có quyền ban phúc hay giáng họa cho con người. Chỉ có ý thức và hành động của con người quyết định hạnh phúc hay khổ đau của chính người ấy. Nói cách khác, chỉ có con người tự gây họa cho chính mình bằng lối sống sai trái xấu ác hoặc kiến tạo hạnh phúc cho mình bằng nếp sống chơn chánh hiền thiện. Nhận thức rõ như thế thì con người sẽ có lòng tin trong các thiện pháp, có lòng xấu hổ, có lòng sợ hãi, có tinh tấn trong các thiện pháp và có trí tuệ, sẽ thiết lập được lối sống sáng suốt hiền thiện đưa đến hạnh phúc an lạc, gọi là khéo tu thì nổi.

Trái lại, không quan tâm tìm hiểu và nhận thức rõ quy luật nhân quả nghiệp báo của sự sống thì sẽ không có lòng tin trong các thiện pháp, không có lòng xấu hổ, không có lòng sợ hãi, không có tinh tấn trong các thiện pháp và không có trí tuệ, sẽ rơi vào lối sống mê lầm xấu ác dẫn đến bất hạnh khổ đau, gọi là vụng tu thì chìm. ■

Chú thích:

1. Kinh Khiếp đảm và sợ hãi, *Trung Bộ*.
2. Kinh Một pháp, *Tăng Chi Bộ*.
3. Kinh Hiền ngu, *Trung Bộ*.
4. Kinh Lỗ khóa, *Tương Ưng Bộ*.
5. Kinh Người, *Tương Ưng Bộ*.
6. Kinh Ví dụ với nước, *Tăng Chi Bộ*.
7. Kinh Pháp Cú, kệ số 69, 119.
8. Đại kinh Pháp hành, *Trung Bộ*.
9. Đại kinh Pháp hành, *Trung Bộ*.
10. Kinh Pháp Cú, kệ số 66.
11. Kinh Ví dụ tắm vải, *Trung Bộ*.
12. Kinh Pháp Cú, kệ số 314.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2017

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2017, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 46 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 40 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 11 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 10 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Vinh	: 10 cuốn/kỳ
Mỹ thuật tượng Zen Art	: 10 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương	: 9 cuốn/kỳ
Ô. Bùi Phong Lưu	: 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 6 cuốn/kỳ

Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
BS Trần Ngọc Đình	: 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ
Hoàng Mỹ - Thiên An	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 4 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Hoàn Ái - Huệ Minh	: 3 cuốn/kỳ
Ô. Tạ Hữu Chung	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên, Cty Cơ khí Mè Linh	: 2 cuốn/kỳ

Cty Nén Hạnh Phúc, Q.BT	: 2 cuốn/kỳ
Cty TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6	: 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
Cô Hoàng Thoại Châu	: 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuận	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: 388 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh;**

Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335

Email: toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập



Như huyễn trong kinh Kim Cương

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Kinh *Kim Cương* nói về tánh Không và những thực hành về tánh Không: không chỗ trụ; chẳng thể đắc; không thể nắm lấy; không có bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả; tánh Như; như huyễn... Như huyễn là một phương diện của tánh Không.

Nguyên văn chữ “như huyễn” được nói chỉ một lần trong bài kệ chấm dứt kinh:

*Tất cả pháp hữu vi
Như mộng, huyễn, bọt, bóng
Như sương, như điện chớp
Phải quán thấy như vậy.*

Nhưng, nghĩa như huyễn được nói đến rất nhiều trong kinh. Chẳng hạn:

“Phàm hề có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng là chẳng phải tướng tức thấy Như Lai”.

“Hư vọng”, không có thật nghĩa là như huyễn. “Chẳng phải” (phi) hầu như được nói khắp trong kinh,

là một nghĩa của như huyễn. “Chẳng phải tướng” nghĩa là các tướng chẳng phải thật như chúng ta tri giác, các tướng là như huyễn.

Tất cả những sự vật, con người, hành động... được nói trong kinh đều bị phá bỏ, đều bị giải cấu trúc (déconstruire) bằng chữ phi (chẳng phải):

“Tu-bồ-đề! Những vi trần Như Lai nói chẳng phải là vi trần, đó gọi là vi trần. Như Lai nói thế giới chẳng phải là thế giới, đó gọi là thế giới”.

“Tu-bồ-đề! Thật không có các pháp gọi là Bồ-tát, thế nên Phật nói tất cả pháp không có ngã, không có nhân, không có chúng sanh, không có thọ giả”.

Tại sao là chẳng phải, là như huyễn? Vì các hình tướng là không thật, mà sự vô thường thấy được là một chứng minh cho sự không thật ấy. Lại nữa, chúng được định danh, gán tên bằng ngôn ngữ quy ước và giới hạn. Tóm lại, tất cả đều là tướng và danh không thật.

Hình tướng như người bình thường chúng ta thấy là một sự dối trá, một sự đánh lừa. Kinh nói:

“Tu-bồ-đề thưa: Phật nói những bụi nhỏ tức chẳng phải bụi nhỏ, đó gọi là những bụi nhỏ.

Bạch Thế Tôn! Như Lai nói tam thiên đại thiên thế giới tức chẳng phải thế giới, đó gọi là thế giới. Vì sao thế? Nếu thế giới thật có thì ắt là một hợp tướng. Như Lai nói một hợp tướng tức chẳng phải một hợp tướng, đó gọi là một hợp tướng”.

“Tu-bồ-đề! Một hợp tướng ấy tức chẳng thể nói, chỉ do người phạm phu tham bám sự ấy”.

Tất cả thế giới, con người, sự vật... đều là những hợp tướng, do những vi trần (nguyên tử) hợp lại mà thành. Sự hợp tạo ấy là do nhiều nguyên nhân và điều kiện (nhân duyên) cho nên thực chất thế giới chỉ là những hạt bụi nhỏ tạm thời hợp lại mà thành. “Những hạt bụi nhỏ ấy chẳng phải là bụi nhỏ” bởi vì nguyên tử cũng là những hợp tướng của những hạt còn nhỏ hơn nữa, mà phân tích cho đến cuối cùng thì chỉ là năng lượng. Nói theo vật lý học hiện đại, “vật chất là năng lượng cô đặc lại theo những nguyên nhân và điều kiện”.

Như thế, cái chúng ta thấy và gọi là thế giới chỉ là những hạt nguyên tử và hạ nguyên tử hợp lại mà thành, xuống thấp hơn nữa thì chỉ còn là năng lượng không hình không tướng. Cái chúng ta thấy là thế giới chỉ là những hợp tạo, những duyên sanh tạm thời; thực chất không có cái gì gọi là thế giới, con người, sự vật. Thế giới, con người, sự vật là “chẳng phải”, là không thật, là như huyễn.

Cái thấy hợp tướng ấy là sự mê lầm thứ nhất. Sự mê lầm thứ hai là sự mê lầm của ngôn ngữ. Ngôn ngữ làm cho sự chấp thật, sự cứng đặc không thật có của sự vật trở thành những ám ảnh, cài đặt lối tư duy cho mọi sự là thật có vào tâm thức chúng ta.

Chữ “tướng” là do ngài Cưu-ma-la-thập dịch. Ngài Huyền Trang dịch là “tưởng”. Edward Conze trong bản dịch tiếng Anh dịch là “tưởng” (perception) là cái thứ ba trong năm uẩn. Chúng ta mê vì chẳng phải tướng mà thấy và tưởng là tướng. Chúng ta mê lầm vì sự gán tên cho những tướng và tưởng ấy, vì ngôn ngữ làm cho tướng và tưởng của chúng ta thêm củng cố, sự chấp thật càng thêm kiên cố.

Giải thoát là giải thể những kiến chấp kết đọng trong tâm thức. Quán huyễn là một phương pháp hiệu quả để giải thể, giải cấu trúc sự mê lầm, vô minh bao đời của chúng ta. Sanh tử chỉ là tướng và tưởng. Giải thoát khỏi sanh tử là giải thoát khỏi tướng và tưởng. Quán huyễn là để giải thoát khỏi tướng và tưởng, là những cái nhiễm ô trên bản tánh của tâm vốn thanh tịnh: “Liã hết thầy tướng, tướng, gọi là chư Phật”.

Cho nên càng quán huyễn đến đâu, càng chẳng phải tướng đến đâu, thì thật tướng (thực tại) hiện ra đến đó: “Bạch Thế Tôn! Nếu lại có người được nghe kinh này, tín tâm thanh tịnh liền sanh thật tướng. Phải biết người ấy thành tựu công đức hy hữu đệ nhất. Bạch Thế Tôn! Thật tướng ấy tức là chẳng phải tướng, thế nên Như Lai gọi là thật tướng”.

Tín tâm thanh tịnh là tin rằng các pháp là chẳng phải tướng, là như huyễn. Khi tin được chẳng phải tướng, như huyễn, thì thật tướng liền sanh, nghĩa là các pháp tức thì trở lại thật tướng của chúng: tất cả các pháp bốn lại thanh tịnh.

Kinh nói: “Như Lai nghĩa là Như của tất cả các pháp”.

Tin hiểu là bước quyết định thấy được tánh Không là Nền tảng của tất cả; và tiếp tục thọ trì như vậy cho đến khi toàn vẹn: “Bạch Thế Tôn! Nay con được nghe kinh điển như vậy, tin hiểu thọ trì, chưa phải là khó. Nếu vào đời sau, năm trăm năm sau, có chúng sanh nào được nghe kinh này, tin hiểu thọ trì, người ấy là hy hữu đệ nhất. Vì sao thế? Vì người ấy không có tướng ngã, không có tướng nhân, không có tướng chúng sanh, không có tướng thọ giả”.

Thấy bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả là không có thật, là như huyễn, đây là “công đức hy hữu đệ nhất”.

Quán huyễn, quán chẳng phải tướng để chứng huyễn này là một phương pháp tu hành truyền thống của Phật giáo Việt Nam. Ở đây, chúng ta trích ba bài kệ của ba Thiền sư thuộc ba phái Thiền Việt Nam.

Thiền sư Từ Đạo Hạnh (?-1117), dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi:

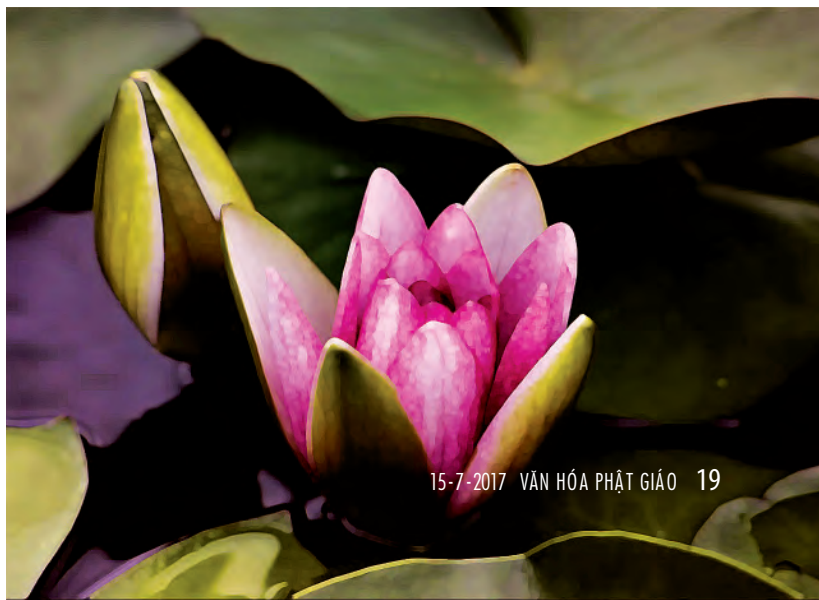
*Tướng có, hạt bụi có
Thấy không, tất cả không
Có không, trắng trong nước
Chớ vướng có, không không.*

Thiền sư Hiện Quang (?-1221), dòng Vô Ngôn Thông:

*Pháp huyễn đều là huyễn
Tu huyễn đều là huyễn
Hai huyễn đều chẳng phải
Tức trừ tất cả huyễn.*

Thiền sư Pháp Loa (1284-1330), tổ thứ hai dòng Trúc Lâm Yên Tử:

*Vạn duyên cắt đứt, một thân nhàn
Hơn bốn mươi năm mộng huyễn gian
Nhấn bảo các người thôi chớ hỏi
Bên kia trăng gió lại thênh thang. ■*





Căn bản triết lý và kinh điển của Thiền tông

TRỊNH ĐÌNH HỠ

Từ “*thiền*” (Pali: *jhāna*, Sanskrit: *dhyāna*, Hoa: *chán*, Nhật: *zen*, Hàn: *sōn*), có thể dùng để chỉ định hai thực thể khác nhau: 1) phương pháp *thiền định*, và 2) tinh thần mang bởi các tông phái *Thiền* Phật giáo tại Đông Á, tức là *Thiền tông*.

Khởi đầu, *thiền định* là một phương pháp tu luyện tâm thức (*bhāvanā*), bắt nguồn từ Ấn Độ cách đây vài ngàn năm, phát triển chủ yếu trong *Yoga* và đạo Phật, nhưng cũng được dùng trong một số truyền thống tâm linh khác. Một thời gian dài sau khi đạo Phật được truyền bá, mới xuất hiện tại Đông Á các tông phái *Thiền*, chủ trương một triết lý sống đặc biệt, với những biểu hiện có phần khác biệt so với ban đầu.

Tinh thần *Thiền*, được nhà Phật học *Daisetz T. Suzuki* gọi là một “*thuyết vô tâm*” (*doctrine of no-mind*) do tính chất phản-trí thức của nó, rất khó định nghĩa và chỉ cảm nhận được qua những câu chuyện, những

cuộc đối thoại giữa thầy trò (*công án*, *thoại đầu*), hoặc những bài kệ (*gatha*) để lại bởi các vị thiền sư.

Sự khác biệt giữa hai cách biểu hiện đó có thể gợi lên cho chúng ta một số câu hỏi:

1. Tại sao các tông phái *Thiền* tại phương Đông lại xuất hiện muộn như vậy, hơn mười thế kỷ sau khi Đức Phật diệt độ?

2. Làm thế nào từ một phương pháp tu luyện tâm thức, nhằm tận diệt khổ đau, người ta đã đi tới một triết lý sống chủ trương giải phóng tâm thức bằng sự buông xả tất cả?

3. *Thiền tông* đã lấy những triết lý nào để làm nền tảng, hay nói một cách khác, đã dựa lên những kinh điển nào?

4. Cuối cùng, *Thiền tông* có chia sẻ một số khái niệm chung với các trường phái Đại thừa khác hay không? Và có những khác biệt nào?

Thiền định Phật giáo lúc ban đầu

Nhìn lại lịch sử Phật giáo, thì chúng ta nhận ra ngay một điều: trong một thời gian dài, không có một trường phái Thiền nào nảy sinh tại Ấn Độ cũng như tại các vùng đạo Phật được truyền bá. Lý do giản dị là: *thiền định* đóng một vai trò cốt yếu trong sự tu tập, và là một phần không thể tách rời của giáo lý đạo Phật.

Định (samādhi) chính là một trong ba môn “vô lậu học”, cùng với *giới (śīla)* và *huệ (pañña)*. Đó cũng là một trong 5 *lực (bala)*, 6 *Ba-la-mật (pāramitā)*, 7 *Bồ-đề phần* và 8 *chánh đạo*.

Một trong những bài dạy đầu tiên về *thiền định* bởi Đức Phật được ghi trong kinh *Tứ niệm xứ (Satipaṭṭhanā)*, thuộc *Bộ Kinh (Nikāya)* Pali, và được coi là con đường duy nhất (*ekāyano-magga*), trực tiếp nhất đưa tới giải thoát. Hành giả phải giữ chú ý (*niệm, sati*) trong bốn lãnh vực của cơ thể, cảm giác, tâm thức và hiện tượng, để đạt được sự hiểu biết trọn vẹn (*huệ, pañña*) về sự thật của cuộc đời theo đạo Phật, tức là *Ba dấu ấn* của các hiện tượng (*tilakkhaṇa*) và *Bốn sự thật chân chánh (cattāri ariyasaccāni)*.

Phát triển *chánh niệm (samma-sati)*, thuộc vào *Tám chánh đạo (aṭṭhaṅgika magga)*, là dấu mốc chính, là kim chỉ nam của mọi phương pháp thiền định theo đạo Phật. Chữ Hán “*niệm*” gồm có phía trên chữ “*kim*” có nghĩa là “hiện tại”, và phía dưới chữ “*tâm*” có nghĩa là “tâm thức”. Do đó *chánh niệm* bao hàm ý nghĩa “giữ tâm trong hiện tại”, đừng để tâm lang thang trong quá khứ và tương lai, dĩ nhiên là tưởng tượng. Như vậy, chúng ta mới hiểu được vì sao các vị *Thiền sư* không ngừng lôi kéo tâm thức của các đệ tử về với thực tại, bằng những câu trả lời phi lý, lằng xet, không ăn nhằm gì tới câu hỏi, hoặc bằng cách la hét, bộp tai, vện mũi, phang hèo...

Sau này, phương pháp *thiền định* này sẽ được hệ thống hóa trong cuốn Luận chính của Phật giáo Nguyên thủy, là *Thanh tịnh đạo (Visuddhimagga)*, soạn bởi *Phật Âm (Buddhaghosa)* vào thế kỷ thứ V, trong đó có phân biệt *samatha* và *vipassana*. Tại Trung Hoa vào thế kỷ thứ VI, *Trí Giả*, vị tổ thứ ba của phái *Thiền Thai*, cũng sẽ phân biệt *chỉ* và *quán*, và phát triển bốn loại *tam muội (samādhi)*, trong một số tác phẩm về *thiền định*.

Các triết lý trong kinh điển Đại thừa

Từ khoảng thế kỷ thứ I trước Tây lịch, tức là năm trăm năm sau khi Đức Phật diệt độ, và trong nhiều thế kỷ, có nhiều văn bản bằng tiếng Phạn của phong trào Đại thừa (*Mahāyāna*) ra đời và được dịch sang tiếng Hán và truyền sang Trung Hoa ngay từ thế kỷ thứ II sau Tây lịch, qua Con đường tơ lụa. Công trình dịch thuật công phu này được thực hiện bởi một số Tăng sĩ xuất thân từ Tây Bắc Ấn Độ hoặc Trung Á, như *Ấn Shigāo, Lokakṣema, Dharmarakṣa, Kumārajīva*, v.v. và vài vị tăng từ Trung Hoa sang Ấn Độ thỉnh kinh như *Pháp Hiển, Huyền Trang, Nghĩa Tịnh*.

Các Kinh (*sūtra*) và Luận (*śāstra*) này có thể được chia ra làm hai nhóm chính: nhóm phát triển triết lý “tánh Không” (*śūnyatā*), và nhóm chuyên chở khái niệm “Như Lai tạng” hay “hạt mầm Như Lai” (*Tathāgatagarbha*).

1. Triết lý “tánh Không” (śūnyatā)

Nhóm đầu tiên gồm bộ kinh *Bát-nhã Ba-la-mật-đa (Prajñāpāramitā)* cùng các tác phẩm triết học của Long Thụ (*Nāgārjuna*), dẫn đầu trường phái Trung quán (*Madhyamaka*). Đối với Edward Conze, một nhà Phật học chuyên về Bát-nhã Ba-la-mật-đa, đây là một công trình được biên soạn bởi nhiều thế hệ tác giả, từ thế kỷ thứ I trước Tây lịch cho tới ít nhất thế kỷ thứ VI sau Tây lịch, và tiến hóa theo nhiều thời kỳ. Bản xưa nhất, gồm 8.000 câu (*Aṣṭasāhasrikā, Bát thiên tụng*), được gia tăng dần cho đến 10.000 câu, rồi sau đó thu lại cho tới 300 câu của *Kinh Kim Cang (Vajracchedikā)*; mặc dù theo các nhà nghiên cứu Nhật Bản, bài kinh này xuất hiện sớm hơn. Cùng với bài kinh ngắn nhất, *Bát-nhã Tâm Kinh (Hṛdaya)*, đó là hai bài Kinh nổi tiếng nhất trong *Bát-nhã Ba-la-mật-đa*, được thường xuyên tụng niệm tại các chùa Đại thừa.

Trong những tác phẩm được gán cho *Nāgārjuna* (sống vào cuối thế kỷ thứ II, tại vùng Đông Nam Ấn Độ), chỉ có một số ít là đáng tin cậy, quan trọng nhất là *Trung luận (Mūlamadhyamaka-kārikā)*, trong khi *Đại trí độ luận (Māhaprajñāpāramitopadeśa)* đã được chứng minh không phải là của ngài, mà được viết bằng Hán ngữ.

Mặc dù khái niệm “tánh Không” được xem như là đỉnh cao, là tinh hoa của triết lý Đại thừa, đồng thời là nền tảng của *Thiền tông*, nhưng cũng nhiều khi bị hiểu sai.

Đối với *Bát-nhã Ba-la-mật-đa* và *Nāgārjuna*, tất cả các hiện tượng đều “không” (*śūnya*), hay có tính chất “không” (*śūnyatā, tánh Không*). “Tánh Không” không có nghĩa là mọi sự vật đều hoàn toàn không có, là không hiện hữu, nhưng có nghĩa là mọi sự vật đều không có tự thể, cá tính, không độc lập, không thường còn. Quan điểm “không” này hoàn toàn khác biệt với đạo Lão, mà trong đó người ta chỉ mượn chữ *không* để dịch từ *śūnya* sang tiếng Hán. Trong đạo Lão, người ta nhấn mạnh vào tầm quan trọng của “sự trống không” của một vật thể, để đối lại với phần “đầy đặn” của nó, ví dụ như một cái cửa, một đồ chứa đựng, một ổ khóa. Thiếu nó, vật thể đó sẽ không hiện hữu. Dĩ nhiên, đạo Lão chắc hẳn đã ảnh hưởng lên *Thiền tông* do khía cạnh tự nhiên, hỗn nhiên, gần gũi với thiên nhiên, và vượt khỏi hình thức và ngôn từ. Nhưng chữ “không” hoàn toàn khác ý nghĩa nhau trong hai hệ thống tư tưởng Phật và Lão.

“Tánh Không” của Bát-nhã và *Nāgārjuna* là một cái “không-phủ định”, mà người ta có thể thay thế bằng trạng từ “không có...”, “không...”, và hoặc một trong các chữ Hán “*vô... , bất... , phi...*”. Mặc dù từ *śūnyatā* ít khi gặp trong Kinh tạng Pali, nhưng theo *Nāgārjuna*,

khái niệm này có thể suy luận ra ngay từ *lý duyên khởi* (*paṭicca-samuppāda*) và con đường *trung đạo* (*madhyama-pratipad*), dạy bởi Đức Phật. Ngay trong câu đầu tiên của *Trung luận*, ngài đã tuyên bố: “Tôi kính lễ Đức Phật toàn giác, vị thuyết giáo tối thượng. Ngài đã thuyết lý duyên khởi, diệt mọi hý luận, mang lại an lành”. Và tiếp theo: “Mọi pháp xuất hiện do duyên khởi, mà ta gọi là “tánh Không” (*śūnyatā*), hoặc giả danh (*prajñāpti*), hoặc *trung đạo* (*madhyama-pratipad*)”.

Con đường *trung đạo* cũng được dạy bởi Đức Phật, đặc biệt trong *Kinh Kaccāyanagotta*, thuộc *Tương Ưng Bộ kinh* (*Samyutta Nikāya*): “Thế giới này thường hướng về hai quan điểm: mọi sự vật hiện hữu (thuyết vĩnh cửu) và mọi sự vật không hiện hữu (thuyết hư vô). Tránh xa hai thái cực này, Như Lai giảng dạy cho ông con đường *trung đạo*. Đó là *lý duyên khởi*...”.

Đối với Đức Phật và *Nāgārjuna*, khuynh hướng tự nhiên nhìn sự vật như thực thể, độc lập, thường còn, là một sai lầm căn bản, gọi là *kiến* (Pali: *ditṭhi*, Sanskrit: *dṛṣṭi*), đưa tới phiền não và khổ đau. Điều quan trọng phải hiểu là “tánh Không” không phải là một khái niệm tạo dựng thêm, làm người ta bám chặt vào, mà là một *phương pháp tri liệu*, phá bỏ mọi kiến chấp, mang lại sự tĩnh lặng và an lành.

2. Triết lý “Như Lai tạng” (*Tathāgatagarbha*)

Nhóm kinh điển thứ nhì của Đại thừa là nhóm gọi là “*Như Lai tạng*” (phôi thai hay hạt mầm Như Lai) (*Tathāgatagarbha*), mặc dầu không có trường phái nào mang tên thuyết đó. Theo thuyết “*Như Lai tạng*”, tất cả các chúng sanh đều có trong mình tiềm năng trở thành Phật, tức là tất cả đều là “Phật sẽ thành”. Đó cũng là “*Phật tánh*” (*buddhata*), “*tự tánh*” (*svabhāva*), không sanh không diệt, trong bản chất trong sáng và thanh tịnh. Thuyết này phát triển đồng thời với thuyết *tam thân* (*trikāya*), trong đó *Pháp thân* (*dharmakāya*) chính là bản thể của mọi hiện tượng.

Những khái niệm mới đó được trình bày trong *Kinh Như Lai tạng* (*Tathāgatagarbha-sutta*), và nhiều bài kinh nổi tiếng của Đại thừa như: *kinh Pháp Hoa* (*Saddharma-puṇḍarīka*), *kinh Đại Bát Niết-bàn* (*Mahāparinirvāṇa*) tiếng Sanskrit, *kinh Lăng-già* (*Lañkāvatāra*), *kinh Thắng-man Phu nhân* (*Śrīmālā-devī-simhanāda*), *kinh Hoa Nghiêm* (*Avataṃsaka*), *kinh Thủ Lăng Nghiêm* (*Śūraṅgama*), v.v. và cuốn luận có ảnh hưởng nhất của Đại thừa, là *Đại thừa Khởi tín luận* (*Mahāyāna-śraddhotpāda*), trước kia được xem là tác phẩm của *Āśvaghoṣa* (*Mã Minh*), nhưng nay được công nhận là đã được biên soạn tại Trung Hoa.

Ngoài ra một số kinh còn mang lại thêm nét đặc biệt của mình: quan điểm *Nhất thừa* (*ekayāna*) của Đức Phật toàn giác và “*phương tiện thiện xảo*” (*upāya-kauśalya*) trong *kinh Pháp Hoa*; khái niệm A-lại-da thức (*ālaya-vijñāna*) của trường phái Duy thức trong *kinh Lăng-già*; và quan điểm vũ trụ đồng nhất, sự tương hữu, xen kẽ

của mọi sự vật trong vũ trụ, “Tất cả là một, một là tất cả”, trong *kinh Hoa Nghiêm*.

Hai triết lý “tánh Không” và “*Như Lai tạng*” trong *Thiền tông*...

Để hiểu rõ nguồn gốc của tinh thần *Thiền*, chúng ta hãy xét lại bài kệ nổi tiếng, thường được cho là của Bồ-đề Đạt-ma, nhưng thật ra xuất hiện muộn hơn, sau Lục tổ Huệ Năng:

“Bất lập văn tự,
Giáo ngoại biệt truyền,
Trực chỉ nhân tâm,
Kiến tánh thành Phật”.

Không dựa lên văn tự,
Biệt truyền ngoài giáo pháp,
Chỉ thẳng vào tâm thức,
Nhìn thấy tánh thành Phật.

Chúng ta thấy ba câu đầu thể hiện ảnh hưởng mạnh mẽ của “tánh Không” phát triển trong văn chương Bát-nhã và triết lý Trung quán. Do đó, tất cả các câu chuyện *Thiền*, các công án, đều chủ yếu nhằm hướng tới sự buông xả, sự phá bỏ mọi thành kiến và khái niệm, chỉ là những ảo tưởng do trí thức tạo dựng. *Kinh Kim Cang* đã dạy: “Tất cả những gì có hình tướng đều là hư vọng” (*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*), và “Không nên trụ vào đâu mà sanh nên tâm ấy” (*Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*) là câu đã gây nên giác ngộ nơi Lục tổ Huệ Năng và vua Trần Thái Tông. Tinh thần *trung đạo* cũng thấy rõ trong bài thi kệ của Thiền sư Từ Đạo Hạnh, đời nhà Lý, thế kỷ thứ XI: “*Tác hữu trần sa hữu, Vi không nhất thiết không, Hữu không như thủy nguyệt, Vật trước hữu không không*”. (Có thì cát bụi cũng có, Không thì tất cả đều không. Có không như trăng nước, Đừng chấp có chấp không).

Ngược lại, câu cuối của bài kệ, “Nhìn thấy tánh thành Phật” cho thấy rõ ảnh hưởng của các kinh Đại thừa chủ trương “*Như Lai tạng*” (*Tathāgatagarbha*) hay “*Phật tánh*” (*Buddhata*), tức là khả năng giác ngộ có tiềm tàng trong mỗi người, nhưng bị che lấp bởi vô minh và phiền não, nên chỉ cần ý thức được là thấy nó hiện ra sáng tỏ, và đạt được “giác ngộ” (Nhật: *satori*).

Trong cuốn yếu lược về *Zen* của ông, *Daisetz T. Suzuki* đã vạch rõ sự khác biệt giữa hai khái niệm “*khán tâm*” và “*kiến tánh*”. Chữ Hán *khán* gồm có chữ *thủ* (tay) trên chữ *mục* (mắt), hình ảnh một bàn tay để nghiêng trên mắt để nhìn xa rõ hơn, trong khi chữ *kiến* chỉ gồm chữ *mục* trên chữ *nhân* (người đi). Như vậy *Thiền* đã đi từ giai đoạn “chú ý nhìn vào cái tâm mình” cho đến giai đoạn “(tự nhiên) nhìn thấy cái tánh mình”. Giai đoạn đầu gợi lên hình ảnh của Bồ-đề Đạt-ma ngồi thiền định 7 năm quay mặt vào vách đá, và giai đoạn sau câu nói của Huệ Năng, bỗng nhiên hoát ngộ sau khi nghe giảng *kinh Kim Cang*: “*Nào ngờ tự tánh vốn thanh tịnh, nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt, nào ngờ tự tánh*

vốn tự đầy đủ, nào ngờ tự tánh vốn không dao động, nào ngờ tự tánh sanh ra muôn pháp!”. Trong câu này, Huệ Năng làm nổi bật lên “tự tánh”, trong khi trong bài kệ đối lại bài của Thần Tú: “Bồ-đề vốn không cây, Gương sáng vốn không đài, Xưa nay không một vật, Nơi nào dính bụi trần?”, ngài đã nhấn mạnh vào “tánh Không”.

... cũng như các tông phái Đại thừa khác

Như vậy, có thể nói rằng trong *Thiền* có cả hai thành phần “tánh Không” và “tự tánh”, cũng như trong các trường phái Đại thừa khác, mặc dù ở mức độ rất khác nhau. “Tánh Không” là cốt tủy của *Thiền tông*, trong khi “tự tánh” là tinh hoa của các tông phái khác, như Thiền Thai, Hoa Nghiêm, Tịnh Độ tông, tuy rằng trong Tịnh Độ điều cốt yếu là sự sùng tín Đức Phật A-di-đà (*Amitābha, Amitāyus*), ngự trên cõi Tây phương Cực lạc.

Điều cũng đáng chú ý là liên hệ mật thiết giữa “tự tánh”, còn gọi là “chân tâm”, “tâm sáng chói”, “tánh giác”, và tôn chỉ “đốn ngộ” của *Thiền tông* phía Nam của Huệ Năng, đối lại với “tiệm ngộ” của *Thiền tông* phía Bắc của Thần Tú. “Kiến tánh” (Nhật: *kensho*) chính là “đốn ngộ” và “thành Phật”.

Thế nhưng, đứng về mặt triết lý, thì phải công nhận có một sự *mâu thuẫn sâu xa*, thậm chí có một sự bất đồng hoàn toàn giữa hai khái niệm đó. Quan điểm của Bát-nhã và Trung quán, cũng như của Đức Phật về “tự tánh” của sự vật (*svabhāva*), chính là sự phủ nhận “tự tánh” (*nisvabhāva*) đó. Theo lý *duyên khởi*, không có gì có thể có mặt như một cá thể, độc lập, thường còn, bất biến. Mọi sự vật chỉ có thể hiện hữu do sự liên kết của nhiều yếu tố, cùng nhau tạo nên nó một cách tạm thời. Như vậy, không thể có “tự tánh”, “Phật tánh”, “Như Lai tạng”, v.v. Chấp nhận “Phật tánh”, chính là phủ nhận lý *duyên khởi*, và ngược lại.

Kết luận

Thật ra, tất cả tùy thuộc quan niệm của mỗi người về “sự thật” mà người ta tìm kiếm, một cách ý thức hay không, với ít nhiều niềm tin.

Đối với Đức Phật, sự thật là những điều mà chính ngài đã tự mình khám phá ra, thử nghiệm và giảng dạy. Đó chủ yếu là: *Ba dấu ấn* của các hiện tượng, *Bốn sự thật* chân chánh, và lý *duyên khởi*. Và khi Ngài khuyên nên nhìn sự thật “như nó là” (*yathā bhūtam*), thì Ngài nói về sự thật mà mỗi người cảm nhận một cách trực tiếp trong mỗi giây lát, chứ không phải một sự thật tuyệt đối, tối hậu, bàng bạc trong vũ trụ hay ở trong một thế giới nào khác. Sự thật “như nó là” của Đức Phật không phải là “Như Như” hay “Chân Như” (*tathāta*) của Đại thừa, đồng nghĩa với sự thật tuyệt đối, tối hậu, vĩnh cửu, không thể nghi bàn, sự thật mà các tác giả của kinh điển Đại thừa - chúng ta hãy nói thẳng như vậy - đã lặng lẽ đưa vào qua khái niệm “tự tánh” và “Như Lai tạng”.



Đức Phật chỉ quan tâm hiện tượng khổ và sự diệt khổ, chứ không đề cập tới bản thể của sự vật, do đó đạo Phật được xem như là một *hiện tượng luận*. Cũng trong tinh thần đó, *Nāgārjuna* trong khi phân biệt hai sự thật giảng dạy bởi Đức Phật, sự thật “tương đối, theo qui ước” (*saṃvṛiti-satya*) và sự thật “tuyệt đối, tối hậu” (*paramārtha-satya*), khẳng định rằng chỉ có một sự thật “tuyệt đối” đó là “*tánh Không*”, và không có gì khác.

Chúng ta phải công nhận rằng các kinh Đại thừa xiển dương “Như Lai tạng” đã thành công một cách rất tài tình, với tánh thuyết phục cao, trong sự triển khai một thuyết mang đầy nghịch lý, là “*chân không diệu hữu*”, đưa tới sự chấp nhận rằng sự phủ định chính là sự khẳng định! Từ phủ định ban đầu “tánh Không”, người ta đã đi tới khẳng định “không tức là có” với sự xuất hiện của cái “có huyền diệu”...

Thuyết này, bằng cách làm trở dậy thuyết “bản thể”, “tuyệt đối” của thời kỳ Vệ-đà, bị đè nén một thời bởi đạo Phật nguồn gốc, đã nhận được trong những thế kỷ sau một tiếng vang đặc biệt trong đa số quần chúng.

Lý do là phần lớn người ta ưa tin vào một điều gì huyền diệu (mặc dù rất có thể chỉ là một ảo tưởng), hơn là vào một cái “không-phủ định” đơn thuần, dẫn tới một thái độ buông xả hoàn toàn, điều mà họ khó lòng chấp nhận và thực hành được trong đời sống hàng ngày. ■



ĐỖ HỒNG NGỌC

"Từ bi bất ngờ" ...

Giót nước biển cuộn mình trong sóng, ào ạt xô vào bờ. Muốn dừng lại một chút cũng không được. Vun vút trôi đi. Lúc đỉnh cao. Lúc vực sâu. Lúc tung tóe trắng phau. Lúc thu mình mặng chát. Cứ cuộn cuộn thế, vừa tự hào, vừa kiêu hãnh, vừa hoang mang. Từ đâu? Đi đâu? Về đâu? Kia làn sóng hung hãn ào ào phía trước. Kia làn sóng nhu mì lặng lẽ nổi sau... Nó không muốn đi. Cũng không định đến. Nó bị cuốn trôi. Cái gì làm nó cuốn? Cái gì làm nó trôi? Chẳng biết. Người ta bảo cái *nghiệp*. Nghiệp gì làm nó lỏng, nghiệp gì làm nó mặng? Chẳng biết. Đào dạt. Phấn nộ. Ru êm. Cho đến khi xô vào bờ cát, xô vào bãi đá, tung tóe phân thân trăm nghìn hạt nhỏ li ti, hoặc căng mình mênh mông trải rộng trên bờ cát nóng. Làn sóng sau cũng vừa ầm ầm ập tới. Không chút xót thương! Nó thở hắt ra. Nhắm mắt đưa chân. Và bỗng nhiên bị nhắc bổng lên. Tách mình ra khỏi lớp muối mặng chát lâu nay vẫn khư khư mang vác tưởng của riêng mình, tưởng là mình. Nó bốc lên. Không. Nó bay lên. Cao lên. Cao lên nữa. Thế là xong. Nhưng ơ kìa. Không. Không chỉ một mình nó bay. Mà cả lũ cả bọn cả lúa cùng bay. Dắt díu bay. Ngơ ngác bay. Nó không *lỏng* nữa. Nó *hơi* rồi. Bỗng dưng không biết từ đâu, những bọt bèo trôi giạt lại gom tụ thành từng đám. Từng đám bay. Thênh thang bay. Thì ra bây giờ nó đã là mây. Mây thì bay. Như nước thì cuốn. Vậy thôi. Nó chẳng còn nhớ chút gì về giọt nước biển mặng chát ngày xưa. Cũng chẳng nhớ chút gì về những làn sóng cuộn cuộn xô đẩy nhau ập vào bờ đá bãi cát. Bây giờ nó thênh thang, nghênh ngang, chễm chệ. Nó vui vầy tạo ra muôn hồng ngàn tía, muôn hình vạn trạng. Nó bay. Vừa tự hào, vừa kiêu hãnh... Nó cùng đám bạn

giăng tay ca hát, từ tầng trời này sang tầng trời khác, tung tăng vui thú, thanh thơi. Những tưởng đời đời kiếp kiếp vậy bỗng một cơn gió lạnh vút qua, đám mây co rúm lại, lổm bổm rơi thành mưa, níu kéo không kịp nữa. Nó rơi. Lại một phen hốt hoảng. Cả đám rời nhau, dắt díu nhau rụng lộp bộp. Vậy là xong một đời mây! Nó khóc như mưa. Mặc kệ. Mưa cứ rơi. Chẳng thương tiếc. Nhưng ơ hay, mưa đã làm hồi sinh bao nhiêu cây cỏ, bao nhiêu cánh đồng, lúa mì lúa mạch lúa gạo, ngô bắp sắn khoai chẳng cần phân biệt. Nó thấy mình có ích. Nó len lỏi giữa những hàng cây, lặn ngụp khắp bãi bờ, vun vén, nuôi nấng những mầm xanh, những sinh vật, đàn ông đàn bà các thứ... Nhưng chưa yên. Nó lại bị cuốn đi, gom lại, cùng bạn bè róc rách thành suối ngọt, thành sông sâu để lại trôi về biển cả...

Thì ra nó không mất đi đâu cả. Nó chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu... Nó luẩn quẩn loanh quanh. Nó thay hình đổi dạng. Khi mặng chát, khi ngọt lịm, khi lỏng khi đặc khi hơi, khi bay khi chạy... Tại người ta đặt tên cho nó, người ta gọi nó nào nước nào mây, nào mưa nào tuyết, nào suối nào sông... Nó vẫn vậy. Nó vô ngã. Nó vô tướng. Vô tướng mà không phải không có tướng. *Thế gian tướng thường trụ*. Nhưng là tướng *Không*. *Duyên sinh*. Lúc bầu tròn lúc ống dài. Lúc xuôi ra biển lúc tuôn về nguồn. Những nguyên tố cứ kết tập. Những nguyên tử cứ xà quần. Những hạt những sóng... Vật chất và năng lượng, năng lượng và vật chất. Như Lai tìm tìm cười! Vô sở tùng lai diệc vô sở khứ. Chẳng đến từ đâu chẳng đi về đâu.

Còn chẳng, một chút "Từ bi bất ngờ" (TCS)! ... ■



Những bình diện của *tâm linh*

DALAI LAMA
THÍCH NGUYỄN TẠNG TRÍCH dịch

Thưa các anh chị em, tôi muốn nói về đề tài những giá trị tâm linh qua việc định nghĩa hai bình diện hoạt động tâm linh hay tôn giáo. Để bắt đầu, tôi xin nói rằng mục tiêu chính yếu của con người là chúng ta muốn có một đời sống hạnh phúc. Tất cả chúng ta đều muốn có hạnh phúc. Chúng ta đều mưu cầu để đạt được hạnh phúc, đó là điều tự nhiên. Đó là mục đích trong cuộc sống của chúng ta. Lý do rất rõ ràng khi không còn hy vọng với đời sống này, chúng ta trở nên đau khổ, buồn chán và có thể còn nghĩ đến chuyện tự tử nữa. Vì vậy sự sống của chúng ta bắt rễ sâu trong sự hy vọng hay mong cầu. Dù không có gì bảo đảm rằng tương lai sẽ mang lại một cái gì đó, nhưng vì có hy vọng nên chúng ta vẫn tiếp tục sống. Vì thế có thể nói rằng mục tiêu trong đời sống của chúng ta là hạnh phúc.

Con người không phải là những sản phẩm của máy móc. Chúng ta còn có một cái gì đó vượt lên trên khối vật chất. Chúng ta có tình cảm và kinh nghiệm. Vì vậy chỉ có sự thỏa mãn về vật chất không thôi thì không đủ. Chúng ta cần có một cái gì sâu xa hơn, một thứ mà tôi thường gọi là tình yêu con người, hay lòng từ bi. Với tình yêu nhân loại hay lòng từ bi, tất cả những lợi thế vật chất mà chúng ta đã có sẵn có thể có tính chất xây dựng và có thể tạo ra những kết quả tốt. Nhưng nếu không có tình yêu nhân loại thì lợi thế vật chất kia không giúp cho chúng ta có sự an lạc hạnh phúc. Sự thật là sung mãn về vật chất mà thiếu vắng tình yêu chỉ có thể tạo ra thêm những vấn đề rắc rối mà thôi. Vì vậy tình yêu nhân loại hay lòng từ bi là chìa khóa đưa đến hạnh phúc của cuộc đời.

Bình diện tâm linh thứ nhất:

Giá trị các tôn giáo trên thế giới đối với loài người

Đối với mọi người ở khắp nơi, bình diện thứ nhất của tâm linh là niềm tin vào một trong những tôn giáo của thế giới. Tôi nghĩ rằng mỗi tôn giáo trên thế giới đều có một vai trò quan trọng. Nhưng để cho những tôn giáo

này có sự đóng góp hữu hiệu cho lợi ích của loài người, cần phải xem xét hai nhân tố quan trọng sau đây:

Nhân tố thứ nhất là mỗi tín đồ của các tôn giáo - tức là chính chúng ta - phải tu tập một cách thành tâm. Giáo lý tôn giáo phải là một phần gắn liền với đời sống của chúng ta, và không nên phân cách với đời sống. Có khi chúng ta đến nhà thờ hay chùa để cầu nguyện hay phát tâm, sùng tín, và rồi đi ra khỏi nơi tôn nghiêm đó, đời sống của chúng ta không liên hệ gì đến tôn giáo đó nữa. Đây không phải là cách thực hành tôn giáo đúng đắn. Giáo nghĩa của tôn giáo phải gắn liền với chúng ta dù chúng ta đang ở nơi đâu. Giáo lý của tôn giáo mà chúng ta đã tin theo phải có mặt ngay trong đời sống của chúng ta để khi nào chúng ta thực sự cần có sự ban ơn hay sức mạnh nội tâm, những giáo lý đó sẽ có sẵn trong những lúc như vậy. Vì thế mỗi khi chúng ta gặp một sự khó khăn nào đó, những giáo lý đó sẽ có mặt, vì chúng luôn hiện diện. Chỉ khi nào tôn giáo trở thành một phần gắn liền với đời sống của chúng ta thì tôn giáo đó mới thực sự có hiệu quả.

Chúng ta cũng cần phải chứng nghiệm sâu xa hơn ý nghĩa và giá trị tinh thần của truyền thống tôn giáo mình theo, chúng ta cần phải biết những giáo lý đó không chỉ ở mức tri thức mà còn phải qua chứng nghiệm sâu xa. Có khi chúng ta hiểu những giáo lý tôn giáo khác nhau một cách phiến diện hay chỉ ở mức tri thức. Không có sự cảm nhận sâu xa hơn thì hiệu quả của tôn giáo sẽ bị giới hạn. Vậy chúng ta phải tu tập một cách chí thành và tôn giáo phải trở thành một phần của đời sống của chúng ta.

Sự quan trọng của

mối liên hệ mật thiết giữa các tôn giáo

Nhân tố thứ hai liên quan nhiều đến sự tương tác giữa các tôn giáo. Ngày nay vì có sự gia tăng những biến đổi kỹ thuật và tính chất của nền kinh tế thế giới, chúng ta tùy thuộc lẫn nhau nhiều hơn trước kia. Các quốc gia, các lục địa đã có sự giao tiếp với nhau chặt

chê hơn. Thực tế là đời sống của một khu vực trên thế giới tùy thuộc vào sự sống còn của những khu vực khác. Vì vậy thế giới đã trở nên gắn gũi hơn, tùy thuộc vào nhau nhiều hơn. Kết quả là có thêm sự tương tác giữa mọi người. Trong hoàn cảnh như vậy, ý tưởng đa nguyên giữa các tôn giáo là điều rất quan trọng. Trước đây các cộng đồng sống phân cách nhau và các tôn giáo xuất hiện một cách tương đối đơn độc, ý tưởng cho rằng chỉ có một tôn giáo mà mình tin theo là rất hữu dụng, nhưng ngày nay tình trạng ấy đã thay đổi, và hoàn cảnh cũng đã khác biệt. Vì vậy chúng ta cần phải chấp nhận sự thật là có sự hiện hữu của nhiều tôn giáo khác nhau, và để phát triển sự tôn trọng lẫn nhau thực sự giữa các tôn giáo, phải có sự tiếp xúc mật thiết giữa các tôn giáo đó. Nhân tố thứ hai này sẽ làm cho các tôn giáo của thế giới có hiệu quả nhiều hơn trong việc làm lợi ích cho loài người.

Hồi tôi còn ở Tây Tạng, tôi không tiếp xúc với các tín ngưỡng khác, thái độ của tôi đối với tôn giáo đã không tích cực lắm. Nhưng ngay khi tôi có cơ hội tiếp xúc với những người thuộc các tín ngưỡng khác và học được từ sự tiếp xúc trực tiếp và từ kinh nghiệm, thái độ của tôi đối với các tôn giáo khác đã thay đổi. Tôi đã nhận ra rằng các tôn giáo khác có ích lợi nhiều cho loài người và mỗi tôn giáo đều có tiềm năng đóng góp cho việc thiết lập một thế giới tốt đẹp hơn. Trong mấy thế kỷ vừa qua, các tôn giáo đã đóng góp nhiều cho phúc lợi của loài người và ngay cả ngày nay vẫn có đông đảo tín đồ của Ky-tô giáo, Hồi giáo, Do Thái giáo, Phật giáo, Ấn Độ giáo và các tôn giáo khác. Hàng triệu người đang nhận được lợi ích từ các tôn giáo này. Một thí dụ về sự gặp gỡ giữa những người thuộc các tín ngưỡng khác nhau là việc tôi gặp Linh mục Thomas Merton đã làm cho tôi nhận ra rằng ông là một người có những đức tính tuyệt vời. Một lần khác tôi gặp một tu sĩ Ky-tô giáo khác ở Monserrat, một trong những tu viện nổi tiếng của Tây Ban Nha. Tôi được biết vị tu sĩ này đã ẩn tu trên một quả đồi ở ngay phía sau tu viện. Khi tôi đến thăm tu viện, ông ra khỏi am thất và xuống đồi để gặp tôi. Tôi nhận thấy tiếng Anh của ông ta còn dở hơn tiếng Anh của tôi.

Điều này làm cho tôi có thêm can đảm để nói chuyện với ông ta. Chúng tôi đối diện với nhau và tôi hỏi “trong mấy năm nay ngài làm gì ở trên quả đồi đó?”, ông ta nhìn tôi rồi trả lời “chiêm nghiệm về lòng từ bi và bác ái”. Khi nghe mấy lời này và qua ánh mắt của ông ta tôi hiểu được ý tưởng của ông. Tôi thực sự khâm phục con người này và những người giống như ông ta. Những cuộc gặp gỡ như vậy giúp tôi khẳng định rằng tất cả các tôn giáo của thế giới đều có tiềm năng sản sinh những người tốt, dù triết lý và giáo thuyết của các tôn giáo đó có khác nhau. Mỗi tôn giáo đều có thông điệp giá trị của mình để truyền cho mọi người.

Theo quan điểm của Phật giáo thì ý niệm về một đấng sáng tạo là vô lý, cách phân tích nhân duyên của Phật

giáo làm cho người không theo Phật giáo cảm thấy khó hiểu ý niệm về lời dạy này. Tuy nhiên chúng ta không thảo luận những vấn đề về triết lý ở đây. Điểm quan trọng ở đây là đối với những người tin theo những giáo lý mà ở trong đó chính yếu là tin vào một đấng sáng tạo, điều này có nhiều hiệu quả. Theo những truyền thống đó, con người do Thượng đế tạo ra.

Thêm nữa, như những người bạn Ky-tô giáo của tôi đã cho tôi biết, họ không chấp nhận thuyết luân hồi, và do đó họ không tin là người ta sẽ có những kiếp quá khứ và những kiếp sống ở tương lai. Họ chỉ chấp nhận một kiếp hiện tại này mà thôi. Họ cho rằng kiếp sống này là do Thượng đế tạo ra, và ý tưởng đó làm cho họ có cảm giác gần gũi với Thượng đế. Giáo lý quan trọng nhất của họ là Thượng đế muốn họ có ở đây, vì vậy tương lai của họ đều tùy thuộc vào đấng sáng tạo, chính vì thế mà đấng toàn năng được xem là thiêng liêng và tối thượng nên họ phải kính yêu. Tiếp theo những điều này là giáo lý dạy rằng họ phải yêu thương mọi người khác và đó là thông điệp chính trong giáo lý của họ. Lý do là nếu yêu thương Thượng đế, chúng ta cũng phải yêu thương đồng loại, vì họ giống như chúng ta, cũng do Thượng đế tạo ra. Tương lai của họ cũng giống như chúng ta, tùy thuộc vào đấng sáng tạo, và vì vậy số phận của họ giống số phận của chúng ta. Như vậy niềm tin của những người nói “tôi kính yêu Thượng đế”, nhưng không biểu lộ tình yêu chân thật đối với đồng loại là điều đáng nghi ngờ. Người tin vào Thượng đế phải biểu lộ sự thành tâm kính yêu Thượng đế của mình qua sự yêu thương trực tiếp dành cho đồng loại, Cách thể hiện này gây ấn tượng mạnh, có phải thế không?

Vậy chúng ta xét mỗi tôn giáo từ nhiều góc độ khác nhau với cùng một cách, không chỉ từ quan điểm triết lý của mình mà từ nhiều quan điểm khác nhau, chúng ta sẽ thấy chắc chắn rằng tất cả các tôn giáo lớn đều có tiềm năng cải thiện con người. Điều này là hiển nhiên. Qua sự tiếp xúc thân mật với những người thuộc các tín ngưỡng khác, chúng ta có thể phát triển một thái độ dễ cảm thông và tôn trọng lẫn nhau đối với các tôn giáo khác. Việc tiếp xúc thân mật với các tôn giáo khác nhau giúp tôi học được những ý tưởng mới, những pháp thực hành mới, những phương pháp hay kỹ thuật mới mà tôi có thể phối hợp với pháp môn tu tập của chính mình.

Tương tự, một số những người bạn Ky-tô giáo đã chấp nhận một số pháp tu nào đó của Phật giáo, thí dụ như pháp trụ tâm và những phương pháp phát triển lòng khoan dung, từ bi và tình yêu thương. Chúng ta sẽ đạt được nhiều lợi ích khi tín đồ của các tôn giáo đến với nhau để làm công việc trao đổi theo loại này. Thêm vào sự hòa hợp giữa họ là những chính trị gia và các nhà lãnh đạo của các quốc gia thường nói về “sống chung” và “đến với nhau”. Tại sao những người theo tôn giáo của chúng ta không nói được như vậy? Tôi nghĩ rằng đã đến lúc nên chia sẻ và thực hành.

Thí dụ, ở Assisi vào năm 1987, các nhà lãnh đạo và đại biểu của các tôn giáo đã gặp nhau để cầu nguyện cùng với nhau, dù tôi không biết chắc “cầu nguyện” có phải là từ ngữ chính xác để diễn tả nghi thức của tất cả các tôn giáo hay không. Nhưng điều quan trọng ở đây là các đại biểu của các tôn giáo đã đến với nhau ở một địa điểm và cầu nguyện theo niềm tin của mình. Điều này đã xảy ra và tôi nghĩ rằng đây là một sự kiện rất tích cực. Tuy vậy, chúng ta vẫn cần có thêm nỗ lực cho việc phát triển sự hòa hợp và thân thiện giữa các tôn giáo, vì nếu không có nỗ lực đó, những vấn đề gây chia rẽ loài người sẽ vẫn tồn tại.

Nếu tôn giáo được xem là phương thuốc duy nhất để giảm thiểu sự tranh chấp giữa loài người, mà chính phương thuốc đó lại trở thành một nguồn tranh chấp nữa, thì rõ ràng đó là một tai họa. Ngày nay cũng như trong quá khứ, những cuộc tranh chấp đã diễn ra nhân danh tôn giáo vì những khác biệt niềm tin, đây là điều rất đáng buồn. Nhưng như tôi đã nói, nếu chúng ta suy nghĩ một cách rộng rãi và sâu xa hơn một chút, chúng ta sẽ nhận thấy rằng tình trạng trong quá khứ hoàn toàn khác với ngày nay. Chúng ta không còn cô lập nữa mà tùy thuộc lẫn nhau. Vì vậy ngày nay điều quan trọng là nhận thức mối liên hệ thân mật giữa các tôn giáo là thiết yếu, để các cộng đồng tôn giáo khác nhau có thể làm việc với nhau và tạo nỗ lực chung để mang lại lợi ích cho loài người.

Vậy, một mặt là sự thành tâm và niềm tin trong tu tập tôn giáo, và một mặt khác là sự khoan dung và sự hợp tác giữa các tôn giáo, hai điều này là bình diện thứ nhất của giá trị thực hành tâm linh cho loài người.

Bình diện thứ hai:

từ bi như là một tôn giáo toàn cầu

Bình diện thứ hai quan trọng hơn mức thứ nhất, bởi vì dù một tôn giáo có thể thâm diệu đến đâu, tôn giáo đó cũng chỉ được một số người rất giới hạn chấp nhận. Phần lớn của sáu tỷ người trên hành tinh chúng ta không thực hành một tôn giáo nào hết. Theo truyền thống của gia đình, họ có thể xem mình là tín đồ của tôn giáo này hay tôn giáo khác: “Tôi là người Ấn Độ giáo”, “Tôi theo Phật giáo”, “Tôi là tín đồ Ky-tô giáo”, nhưng ở bên trong đa số của những người này không thực hành một tín ngưỡng nào cả. Điều này không phải là tội lỗi, một người có tin theo một tôn giáo hay không, đó là quyền cá nhân của người đó. Tất cả các vị thầy vĩ đại ngày xưa như Phật Thích-ca, Mahavira, Jesus Christ, và Mohamed, đã không thể làm cho toàn thể loài người hướng tâm đến tôn giáo. Sự thật là không ai có thể làm được điều này. Những người “không tin” đó có được gọi là vô thần hay không thì không phải là điều quan trọng. Thật vậy, theo một số học giả Tây phương thì những tín đồ Phật giáo cũng là vô thần, vì họ không tin có một đấng sáng tạo. Vì vậy, có những khi tôi dùng thêm một từ ngữ nữa để mô tả những người không tin này, đó là “cực đoan”. Tôi gọi họ là những người không tin cực đoan. Họ không chỉ



không tin mà còn có quan điểm cực đoan cho rằng tôn giáo không có giá trị gì cả. Tuy nhiên chúng ta phải nhớ rằng những người này cũng là một phần của nhân loại, và giống như tất cả mọi người, họ cũng muốn có hạnh phúc và có đời sống an lạc. Đây mới là điểm quan trọng.

Tôi nghĩ rằng nếu người ta vẫn cứ là người không tin vào tâm linh thì cũng không tai hại gì, nhưng khi người ta là một phần của nhân loại, còn là một con người thì người ta vẫn cần đến tình cảm của con người, lòng từ bi của loài người. Đây chính là giáo lý cốt tủy của tất cả các truyền thống tôn giáo. Không có tình cảm con người thì ngay cả những tín điều tôn giáo cũng có thể trở thành loại hình có tính chất hủy diệt. Như vậy ở bên trong hầu hết các tôn giáo, điều cốt yếu là tấm lòng tốt. Tôi xem tình cảm con người hay lòng từ bi, chính là tôn giáo toàn cầu, tôn giáo phổ quát. Dù có tín ngưỡng hay không tín ngưỡng, ai cũng cần có tình cảm con người và lòng từ bi, bởi vì từ bi giúp cho ta có sức mạnh nội tâm, hy vọng và an lạc tâm trí. Vậy, đối với mọi người, đây là tính chất không thể thiếu vắng.

Chúng ta hãy xét sự hữu ích của lòng tốt trong đời sống hằng ngày. Khi thức dậy vào buổi sáng, nếu chúng ta có tâm trạng tốt, có cảm giác nồng ấm, thì trong ngày hôm đó cánh cửa nội tâm của chúng ta tự động mở ra. Ngay khi cả một người không thân thiện xuất hiện, chúng ta cũng không cảm thấy phiền lòng mà lại còn có thể nói những lời tốt đẹp nào đó với người đó. Chúng ta có thể trò chuyện với người lạ đó và có thể có một cuộc đàm thoại có ý nghĩa. Nhưng trong một ngày khi tâm trạng của chúng ta không hoan hỷ và chúng ta có cảm giác khó chịu, thì ngày đó cánh cửa nội tâm của chúng ta tự động đóng kín lại.

Hậu quả là dù gặp người bạn thân nhất chúng ta cũng cảm thấy không dễ chịu và căng thẳng như thường. Những thí dụ này cho thấy thái độ bên trong của chúng ta tạo ra những khác biệt lớn trong đời sống hằng ngày như

thế nào. Vì vậy để tạo bầu không khí dễ chịu trong tâm trí, trong gia đình và trong cộng đồng, chúng ta phải nhận thức rằng nguồn gốc của bầu không khí dễ chịu đó là ở bên trong mỗi cá nhân, ở bên trong mỗi con người chúng ta. Nguồn gốc đó là lòng tốt, từ bi hay tình yêu con người. Một khi chúng ta tạo bầu không khí dễ chịu và thân thiện, nó sẽ tự động giúp giảm trừ sự lo âu và sợ hãi. Như vậy chúng ta dễ có thêm bạn bè và dễ có thêm những nụ cười. Dù sao chúng ta cũng là những sinh vật có đời sống hợp quần xã hội. Nếu không có bạn bè và những nụ cười thì đời sống của chúng ta sẽ trở nên khó khăn hơn, cảm giác cô đơn sẽ hành hạ chúng ta. Đó là quy luật tự nhiên, tức là theo luật tự nhiên, chúng ta tùy thuộc vào người khác để sống còn. Nếu trong một hoàn cảnh nào đó, có một điều gì không ổn trong tâm tư, chúng ta có thái độ đối nghịch với người khác, vốn là những người mà chúng ta tùy thuộc, làm sao chúng ta có được an lạc và hạnh phúc. Theo bản tính của con người hay luật tự nhiên, thì tình cảm và lòng từ bi là chìa khóa mở cửa hạnh phúc. Y học ngày nay nói rằng trạng thái tâm dễ chịu hay an lạc nội tâm cũng có ích lợi cho sức khỏe cơ thể chúng ta. Nếu tâm trí luôn xao động sẽ làm hại đến sức khỏe; an lạc nội tâm là điều rất quan trọng. Thể xác vật chất cũng biết cảm nhận và đáp ứng tình cảm con người và an lạc nội tâm.

Bản tính con người

Khi nhìn vào bản tính con người, chúng ta thấy tính chất của con người hiền hòa nhiều hơn là thù hận. Thí dụ khi xem xét những động vật khác, chúng ta thấy những loài có tính hiền hòa hơn thì có cấu trúc cơ thể tương ứng với tính chất đó, còn những loài thú săn mồi thì có thân hình phát triển tùy theo tính hung bạo của chúng. Hãy so sánh loài cọp với loài nai, chúng có cấu trúc cơ thể rất khác nhau. Khi so sánh thân thể con người với những sinh vật khác, chúng ta thấy con người giống con nai và con thỏ hơn là giống con cọp.

Răng của chúng ta cũng giống như răng của nai và thỏ và không giống như răng cọp; móng tay của chúng ta là một ví dụ khác, chúng ta không thể bắt nổi một con chuột chỉ bằng móng tay của mình. Tất nhiên vì có trí thông minh của loài người, chúng ta có thể chế tạo và dùng những công cụ để làm nhiều việc, thí dụ để săn bắt những loài vật khác. Vậy con người thuộc loại động vật hiền hòa chứ không thuộc loại ác thú. Tôi nghĩ rằng đây là bản chất của loài người, như cấu trúc cơ thể con người đã cho thấy điều đó.

Từ bi và giải pháp loại bỏ sự xung đột

Với tình trạng thế giới ngày nay, sự hợp tác là điều cần yếu, đặc biệt là ở trong những lãnh vực kinh tế và giáo dục. Hiện tại, ý kiến cho rằng cần phải có sự khác nhau đã không còn được ủng hộ nữa, như chúng ta đã thấy phong trào hướng về sự hợp nhất của quốc gia Tây Âu. Tôi nghĩ rằng phong trào này rất hợp lý và đúng lúc.

Nhưng sự hợp tác giữa các quốc gia này không phát xuất từ đạo đức tôn giáo hay lòng từ bi mà từ nhu cầu cần thiết. Thế giới đang có sự gia tăng khuynh hướng về ý thức toàn cầu.

Trong hoàn cảnh hiện tại một mối liên hệ mật thiết giữa các quốc gia đã trở thành nhân tố của sự sống còn của loài người. Vì vậy ngày nay điều cần yếu là ý niệm trách nhiệm toàn cầu dựa trên từ bi và ý thức về tình huynh đệ giữa mọi người. Thế giới có đầy những sự mâu thuẫn về ý thức hệ, về tôn giáo, và cả những sự xung đột ngay bên trong gia đình do bất đồng ý kiến. Vậy những sự xung đột này có nhiều nguyên nhân khác nhau, kể cả những nguyên nhân ở bên trong bản thân của chúng ta. Nhưng mỗi chúng ta có tiềm lực và khả năng đến với nhau trong sự hòa hợp. Tất cả những điều khác chỉ có tính chất tương đối. Có nhiều nguyên nhân gây ra sự đối địch hay tranh chấp, nhưng cũng có nhiều giải pháp đưa đến sự thống nhất và hòa hợp. Đã đến lúc cùng hướng đến mục tiêu hợp nhất. Ở đây cũng phải nói đến tình cảm giữa mọi người. Thí dụ, có thể bạn có lý tưởng hay ý kiến tôn giáo khác một người nào đó. Nếu bạn tôn trọng quyền tự do của người đó và thành thực có thái độ từ bi đối với người đó thì ý kiến của người đó có phù hợp với bạn hay không, không còn là điều quan trọng nữa.

Khi người đó tin vào ý kiến của mình, khi người đó nhận được sự lợi ích từ ý kiến ấy thì đó là quyền tuyệt đối của người ấy. Vậy chúng ta phải tôn trọng quyền của người khác và chấp nhận sự kiện có những ý kiến khác với mình. Trong lãnh vực kinh tế cũng vậy, người ta phải tôn trọng những người cạnh tranh với mình, miễn là họ không dùng những phương cách bất hợp pháp. Khi chúng ta có cái nhìn rộng rãi dựa trên lòng từ bi, sự việc sẽ trở nên dễ dàng hơn. Xin nhắc lại một lần nữa, từ bi là nhân tố chính yếu.

Phi quân sự hóa

Hiện tại tình trạng thế giới đã lắng dịu đáng kể. Bây giờ chúng ta có thể nghỉ và nói một cách nghiêm chỉnh về phi quân sự hóa. Năm năm trước đây, hay chỉ mới hai năm trước đây, người ta khó có thể nghĩ đến điều này, nhưng bây giờ chiến tranh lạnh giữa Liên Xô cũ và Hoa Kỳ đã qua rồi. Đối với Hoa Kỳ, tôi luôn luôn nói với những người bạn Mỹ của tôi rằng “sức mạnh của các bạn không phải là vũ khí hạt nhân mà là ý tưởng cao quý về tự do và dân chủ của các vị tổ phụ của các bạn”. Khi tôi viếng thăm Mỹ quốc vào năm 1991, tôi đã có cơ hội gặp cựu Tổng thống George Bush. Lúc đó chúng tôi thảo luận về Trật tự Thế giới mới (A New World Order) và tôi nói với ông ấy rằng “một trật tự thế giới mới là điều rất tốt. Tôi không thể nói chắc chắn như vậy về một trật tự thế giới mới mà không có lòng từ bi”.

Tôi tin rằng đã đến lúc nghỉ và nói về phi quân sự hóa. Đã có một dấu hiệu về sự giảm thiểu vũ khí, và lần đầu tiên, phi hạt nhân hóa. Từng bước một, chúng ta thấy sự

giảm thiểu vũ khí, và tôi nghĩ rằng mục tiêu của chúng ta là làm cho thế giới không có vũ khí nữa. Nhưng điều này không có nghĩa là chúng ta nên hủy bỏ mọi hình thức vũ trang. Có thể chúng ta cần giữ lại một chút nào đó, vì luôn luôn có những người và những nhóm trong chúng ta có ý định xấu. Để phòng bị và giữ an ninh, chúng ta có thể thiết lập một hệ thống với những lực lượng cảnh sát quốc tế do khu vực điều hành, không nhất thiết là phải thuộc về một quốc gia mà điều khiển tập thể và được một tổ chức như Liên Hiệp Quốc hay một tổ chức quốc tế tương tự giám sát. Như vậy khi không có sẵn vũ khí, sẽ không có nguy cơ đối địch quân sự giữa các quốc gia và cũng sẽ không có những cuộc nội chiến.

Cho đến nay chiến tranh vẫn là một phần của lịch sử loài người, nhưng tôi nghĩ rằng đã đến lúc phải thay đổi những tư tưởng dẫn đến chiến tranh. Có những người xem chiến tranh là một cái gì vinh quang, họ nghĩ rằng chiến tranh có thể làm cho họ trở thành anh hùng. Thái độ thiên về chiến tranh này quả thật là sai lầm. Mới đây một phóng viên nói với tôi “Người Tây phương rất sợ chết, còn người Đông phương có vẻ ít sợ hơn” (Westerners have a great fear of death, but Easterners seem to have very little fear death).

Tôi đáp với giọng nửa đùa “Tôi thấy có lẽ đối với người Tây phương, chiến tranh và quân đội là những điều rất quan trọng. Chiến tranh có nghĩa là chết, vì người ta giết nhau chứ không vì những nguyên nhân tự nhiên. Như vậy có thể nói người Tây phương chính là những người không sợ chết, vì họ ưa thích chiến tranh. Người Đông phương chúng tôi, đặc biệt là người Tây Tạng, không nghĩ đến chiến tranh. Chúng tôi không có quan niệm về chiến tranh, vì chiến tranh là hủy diệt, là chết, là thương vong và kéo theo những khổ đau khác. Vì vậy đối với chúng tôi, ý tưởng chiến tranh rất tiêu cực. Như vậy có nghĩa là người Đông phương sợ chết hơn người Tây phương”. Vì những nguyên nhân nào đó, ý tưởng chiến tranh của loài người chúng ta không đúng. Vì vậy đã đến lúc để suy nghĩ một cách nghiêm túc về phi quân sự hóa.

Tôi đã suy nghĩ nhiều về việc này trong khi và sau khi chiến tranh vùng vịnh Ba Tư diễn ra. Tất nhiên nhiều người đã buộc tội Saddam Hussein và rõ ràng Saddam Hussein đã phạm lỗi. Ông ấy đã làm nhiều điều sai lầm. Hơn nữa, ông ấy là một nhà độc tài, mà một chế độ độc tài thì là một sự sai lầm. Tuy nhiên, nếu không có quân đội, không có vũ khí thì làm sao Saddam Hussein có thể hành động như một nhà độc tài như vậy? Ai cung cấp những vũ khí ấy? Người cung cấp vũ khí cũng phải chịu trách nhiệm. Một số quốc gia Tây phương nào đó đã cung cấp vũ khí cho ông ấy mà không nghĩ đến hậu quả.

Chỉ nghĩ đến tiền, đến lợi nhuận từ việc bán vũ khí là điều thật kinh khủng. Có lần tôi gặp một người Pháp đã sống nhiều năm ở Beirut, thủ đô của Lebanon. Bà ta buồn bã nói với tôi rằng trong cuộc biến động ở Beirut, ở một đầu của thành phố có những người bán vũ khí

để kiếm lời, và mỗi ngày, ở đầu kia của thành phố có những người vô tội bị giết chết từ những vũ khí ấy. Tương tự, ở một bên hành tinh này chúng ta có những người sống giàu sang bằng nghề bán vũ khí trong khi bên kia những người vô tội bị giết từ những viên đạn vô tình. Vậy trước hết phải ngừng bán vũ khí. Có lúc tôi nói đùa với những người bạn Thụy Điển của tôi rằng “Ồi các ông thật là tuyệt vời. Trong giai đoạn cuối của cuộc chiến, các ông giữ thế trung lập, và các ông luôn xem trọng nhân quyền và hòa bình thế giới. Rất tốt, nhưng các ông lại bán nhiều vũ khí quá. Như vậy có phải là hơi mâu thuẫn hay không?”.

Vì vậy, kể từ chiến tranh vùng Vịnh, tôi đã thề nguyện với chính mình rằng cho đến cuối đời tôi sẽ đóng góp cho việc đẩy mạnh ý tưởng phi quân sự hóa. Còn về tổ quốc của tôi thì tôi đã nhất quyết nghĩ rằng trong tương lai, Tây Tạng sẽ phải là một khu vực hoàn toàn phi quân sự. Một lần nữa, để thực hiện phi quân sự hóa, nhân tố then chốt là lòng từ bi.

Kết luận:

ý nghĩa của từ bi

Tôi đã nói nhiều về từ bi mà không giải thích ý nghĩa chính xác của từ ngữ này. Tôi muốn kết luận bằng việc giải thích ý nghĩa của từ bi, vốn là từ ngữ thường bị hiểu lầm. Lòng từ bi đích thực không dựa trên ý tưởng và ý muốn của riêng mình, mà dựa trên quyền lợi của người khác: dù người khác là bạn thân hay kẻ thù, nếu người đó muốn hòa bình và hạnh phúc hay muốn thoát khỏi khổ đau, chúng ta sẽ thực sự quan tâm đến vấn đề người đó. Đó là lòng từ bi đích thực.

Thông thường khi chúng ta quan tâm đến một người bạn thân, chúng ta cho đó là từ bi. Đây không phải là từ bi mà là một hình thức tham ái. Trong hôn nhân, những cặp vợ chồng sống lâu dài với nhau là không vì tham ái, dù tham ái thường có mặt, mà vì có lòng từ bi. Những cuộc hôn nhân sẽ ngắn ngủi nếu không có từ bi mà chỉ có cảm xúc tham ái dựa trên vọng niệm và ý muốn của riêng mình. Khi giữa những người bạn thân chỉ có sự tham ái thì ngay cả những vấn đề nhỏ cũng làm cho người ta thay đổi ý tưởng; khi có sự thay đổi thì tham ái không còn, vì sự tham ái đó chỉ dựa trên vọng niệm và mong cầu.

Không thể có từ bi mà không có tham ái, và tương tự không thể có sự nổi giận mà không có sự ghét bỏ, vì vậy chúng ta phải nhận rõ sự khác nhau giữa từ bi và tham ái, giữa nổi giận và ghét bỏ. Sự phân biệt rõ ràng này có ích lợi trong đời sống hằng ngày của chúng ta, và trong nỗ lực tiến đến hòa bình thế giới của chúng ta. Tôi xem đây là những giá trị tâm linh căn bản cho hạnh phúc của mọi người, dù là người có tín ngưỡng hay là người không có tín ngưỡng. ■

Nguồn: *A Human Approach to World Peace*, His Holiness Dalai Lama, Wisdom Publications London.



Phật tử và thiền

CAO HUY HÓA

Tôi đoán chừng, khoảng mấy chục năm sau này, Phật tử mới nghe nhiều đến thiền. Trước đó, tôi không thấy ai ngồi thiền. Chùa không có thiền đường, không có thiền hành. Thế mà ngày nay, thiền tràn ngập các thông tin trên mạng, trên sách báo và lịch sinh hoạt tại nhiều chùa, tự viện và các cơ sở Phật giáo ở trong và ngoài nước. Các sáng tác văn hóa, văn nghệ cũng mang dáng dấp của thiền: thơ thì có thơ thiền, nhạc thì có thiền ca, họa thì có tranh thiền, vườn thì có vườn thiền, trà thì có thiền trà...

Sở dĩ khái niệm thiền được phổ biến rộng rãi là vì:

- Phật giáo nước ta đã làm sống lại thiền, như là phương tiện tinh hoa của đạo Phật, đặc biệt là hệ thống Trúc Lâm thiền viện theo con đường tu hành của Hòa thượng Thích Thanh Từ, và Phật giáo Nam tông, Phật giáo Khất sĩ giữ truyền thống thiền như ở các nước châu Á khác, vì thế thiền Tứ Niệm Xứ được dạy cho người tu hành và Phật tử ngày càng nhiều. Các lớp tu dài ngày, ngắn ngày, tu gieo duyên ở các chùa Phật giáo Nam tông đều có thực tập thiền Tứ Niệm Xứ, với các cấp độ khác nhau.

- Thiền của đạo Phật Tây Tạng, Nhật Bản và các nước châu Á theo Nam tông đã phát triển mạnh mẽ ở Mỹ và châu Âu. Mọi Tăng Ni và Phật tử ở Mỹ và phương Tây đều biết hành thiền, và tu thiền rất chín chắn. Không những thế, thiền còn đi vào khoa học, vào điều trị, vào tăng cường sức khỏe, có khi đi xa khỏi Phật giáo. Hiện nay, sách, báo, tài liệu trên mạng về Phật giáo nói chung, và thiền nói riêng rất phong phú và tương đối dễ đọc; nhiều sách của các vị sư danh tiếng phương Đông và các nhà Phật học và Tỳ-kheo phương Tây được phổ biến rộng rãi.

- Internet, công nghệ thông tin và truyền thông, cùng các tiện ích như các website, e-mail, facebook, Youtube... đã nối kết mọi người, mọi Phật tử trên khắp thế giới. Thông tin về Phật sự, các khóa tu, hội thảo khoa học, ấn phẩm Phật giáo... được phổ biến rộng rãi. Hoạt động thiền ở khắp nơi được nhiều người theo dõi, đọc thông tin, hoặc trực tiếp tham dự. Phương tiện giao thông nhanh chóng và thuận lợi giúp cho quý Tăng Ni và Phật tử trong nước và ngoài nước học hỏi và giao lưu, và nhiều thiền giả đi dạy thiền khắp đó đây..

Tuy nhiên, *số người thực sự đến với thiền* thì không nhiều. Nhiều người có nghe thiền, có đọc sách về thiền, trong đó nhiều người say mê về cuộc đời của các Tổ sư thiền, các giai thoại, công án về thiền, nhưng không đi xa thêm để học và thực tập thiền. Có nhiều người dự những khóa thiền nhưng sau đó thiền không trở thành hoạt động thường xuyên, hầu như lại rơi vào quên lãng. Mà thật ra, người nào thiền thì tự người đó biết, và chẳng cần bận tâm đến dư luận. Có lẽ một thiền giả được biết đến qua biểu hiện trong đời sống, mà chỉ người gần gũi mới có thể nhận ra.

Tưởng rằng thiền như bức màn sương khói mờ ảo đối với rất nhiều người, nhưng không, càng ngày thiền càng thể hiện là một hoạt động rõ rệt trong đời sống tôn giáo, và dần dần cả trong cuộc sống đời thường. Thông tin cho biết thiền là liệu pháp chữa trị tâm thần - một dẫn chứng cụ thể là giáo sư Jon Kabat-Zinn, dạy thiền tại Đại học Massachusetts (Mỹ) đã thành lập bệnh viện chữa stress năm 1979 -, thiền đi vào giáo dục, đến nỗi cả trẻ em cũng ngồi thiền, thiền cho tù nhân, thiền cho các nhà quản trị, ngay cả cho các chính trị gia. Cựu Tổng thống Bill Clinton đã mời một vị Tăng sĩ Phật giáo đến hướng dẫn cho riêng cá nhân ông phương pháp hành thiền, và ông đã ngồi thiền, ăn chay¹. Rồi đến bà Hillary Clinton cũng đề cao thiền tập. Một nhà báo ghi lời bà Clinton nói với phóng viên Joan Hamburg của WABC: "Tôi thường xuyên tập như trước kia đã tập, thiền đã giúp tôi nhiều... Chậm lại, hít hơi thở sâu, có thể cho bạn cảm giác thư giãn và trầm xuống... Bạn không cần ngồi trên một căn phòng vắng lặng nào. Thực sự, bạn có thể tập như thế trên máy bay, hay trong xe hơi"¹. Steve Jobs (1955-2011), nhà sáng lập, chủ tịch và giám đốc điều hành Công ty Apple, đã tập thiền và khuyến khích nhân viên trong công ty Apple tập thiền.

Ngày nay, nhiều người quay cuồng làm việc với cường độ cao, với sức ép lớn, nhiều người phải chịu stress thường xuyên; các người trẻ phải đấu tranh để dành một chỗ đứng trong xã hội, trong môi trường cạnh tranh gay gắt; xã hội lại gánh những nguy cơ về tan vỡ hạnh phúc gia đình, nạn hành hung thô bạo; thanh niên hung hăng xử sự bằng vũ lực, nạn ma túy, say sưa..., trong hoàn cảnh như thế, phải chăng mọi người phải được "học" để biết dừng lại, biết tĩnh tâm, biết sống chậm một chút để hành trình trên con đường dài gay go?

Sống có chánh niệm là phương thuốc chữa bệnh thời đại. "Chánh niệm có nghĩa là mình biết nhìn lại mình, xét lại quan niệm sống của mình, và ý thức được tính chất toàn vẹn của mỗi giây, mỗi phút trong cuộc sống. Và trên hết, chánh niệm có nghĩa là tiếp xúc được với thực tại, những gì đang xảy ra chung quanh ta" (Giáo sư Y khoa và Thiền học Jon Kabat-Zinn). Chánh niệm là "phẩm chất và nội lực của tâm nhận biết cái gì đang

xảy ra, không phán xét và không can thiệp" (Giáo sư Phật học Joseph Goldstein).

Tu tập chánh niệm tùy theo căn cơ, hoàn cảnh và trình độ mỗi người, bậc tu hành thì luôn luôn tự vấn sống trong chánh niệm, còn người Phật tử bình thường thì tâm không thể luôn luôn an định nhưng cũng phải có lúc trở về với chánh niệm.

Thiền là phương tiện để tu tập chánh niệm, như vậy thiền cũng có nhiều cấp độ, và cũng quá nhiều pháp thiền. Tôi chỉ tìm hiểu một pháp thiền được thực hành nhiều. Đó là *Tứ Niệm Xứ*.

Vipassanā (Tứ Niệm Xứ, Minh Sát Tuệ), là thực hành về chú tâm liên tục đến cảm thọ, thông qua đó cuối cùng ta nhìn thấy bản chất thực sự của thực tại. Chính Đức Phật đã dạy các đệ tử thực hành thiền này, và mặc dầu sau này dạng thức thực hành có thể thay đổi, nhưng Vipassanā vẫn giữ căn bản truyền thống của thiền Phật giáo.

Kinh *Tứ Niệm Xứ* là một trong những kinh trọng yếu nhất mà Đức Phật đã thuyết giảng hơn 2.500 năm về trước để rèn luyện, uốn nắn, làm cho quân bình và thanh lọc thân tâm.

Mở đầu bài *Kinh Quán Niệm* (Satipatthana Sutta) có chỉ dẫn rõ ràng:

"Sau đây là những lời mà tôi đã được nghe Đức Thế Tôn dạy, hồi Ngài còn đang cư ngụ ở Kammassadhamma, một khu phố của giống dân Kuru. Một hôm Đức Thế Tôn gọi chư Tăng: 'Này các Tỷ-kheo'. Chư Tăng đáp: 'Thưa Đức Thế Tôn, có chúng con đây'. Phật nói: 'Này quý vị, đây Ta chỉ cho quý vị con đường duy nhất để có thể gạt bỏ bản thân, vượt thoát mọi phiền não, tiêu diệt ưu khổ, đạt tới chánh đạo và chứng ngộ Niết-bàn: Đó là pháp Niệm Xứ'².

Pháp Niệm Xứ có bốn phần, đó là tinh chuyên niệm vào:

1/ Thân (Kàyànupassanà). Niệm thân. Quán thân bất tịnh.

2/ Thọ hay cảm giác (Vedanànupassanà). Niệm Thọ. Quán thọ thị khổ.

3/ Tâm (Cittànupassanà). Niệm Tâm. Quán tâm vô thường.

4/ Pháp (Dhammànupassanà) là những đối tượng của Tâm. Niệm Pháp³. Quán pháp vô ngã.

Một Phật tử như tôi không đủ khả năng và thẩm quyền để đi sâu vào thiền Tứ Niệm Xứ, chỉ xin tự đặt câu hỏi: Vì sao thế giới Phật giáo và rộng hơn, cả xã hội rất nhiều nước: Mỹ, phương Tây, phương Đông... đều quen với thực tập thiền, nhiều Phật tử và nhiều đối tượng trong xã hội, đặc biệt là trí thức và giới trẻ, dành thời gian - dẫu là ít ỏi - để thiền, hầu mong được thanh tịnh và an lạc để tăng cường nội lực, đối phó với vô vàn phức tạp của đời thường... thì tại nước ta, hầu như mọi người không mấy ngó ngàng đến thực tập thiền?



Có lẽ Phật tử nước ta theo Phật giáo truyền thống, từ ông bà, cha mẹ chỉ biết đến chùa, lễ Phật, tụng kinh, đọc sách Phật... và không thấy thiền nên tưởng thiền là xa lạ với đời sống tu tập. Đến khi thiền trở thành không thể thiếu trong đời sống tâm linh khắp mọi nơi, thì nhiều người thấy thiền khó quá, có cảm tưởng bị “dội”, *bày đặt chi cho mệt*, lại không thấy bước đầu rõ ràng, cho nên khó theo.

Tôi nghĩ rằng, Phật tử bình thường và người dân ở nước người ta, khởi đầu thiền đơn giản thôi, và người ta thấy lợi ích thật sự. Khởi đầu ấy là *thiền hơi thở* (breathing meditation). Mục đích của thiền hơi thở là đem lại tịnh tâm và phát triển bình an nội tại. Hơi thở là sợi dây kết nối giữa thân và tâm. Chỉ một câu cô đọng cho thiền hơi thở: “*Ngồi xuống, im lặng và tập trung chú ý*”. Chú ý ở đây là chú ý hơi thở (thở vào, thở ra); đó là *khởi đầu đơn giản của niệm thân, niệm thứ nhất của Tứ Niệm Xứ*. Có nhiều tư thế để thiền, xin đề nghị tư thế đơn giản nhất:

1. Chọn một nơi yên lặng và tương đối cao để thực tập thiền. Ngồi chéo chân trên tọa cụ (đệm nhỏ), hoặc nếu việc đó là khó khăn, hãy ngồi trên ghế thẳng lưng, với bàn chân đặt phẳng trên nền, không dựa vào lưng ghế.

2. Đặt bàn tay mở ra trên đùi và giữ thế thẳng với lưng thẳng, thư giãn nhưng vững vàng. Mắt nhắm hờ. Hai tay để nhẹ, lòng bàn tay phải đặt trên lòng tay trái, hai ngón cái khẽ chạm nhau.

3. Tập trung chú ý vào hơi thở. *Thở tự nhiên, nhận biết hơi thở vào, hơi thở ra qua lỗ mũi, đừng cố gắng kiểm*

soát hơi thở. Cảm giác nhận biết đó chính là đối tượng của thiền.

4. Ban đầu, bạn có thể thấy khó chịu, tự nhiên cảm thấy mỏi, thấy đau chỗ này chỗ nọ, chân tay muốn ra khỏi tù túng... hoặc hoàn cảnh bên ngoài tác động (có ai đến, tiếng chó sủa...), hoặc thường gặp trạng thái tâm đi lang thang vẩn vơ suy nghĩ, vọng tưởng... bạn có thể ghi nhận nhưng đừng theo nó, và tức khắc trở về theo dõi hơi thở, và giữ đúng tư thế. Những lần thiền tiếp theo, bạn sẽ thực hiện giai đoạn này dễ dàng hơn, và bạn càng tập trung vào hơi thở hơn.

5. Vào cuối phiên thiền, tiếp tục giữ yên lặng, tỉnh thức và vui vẻ.

Sau khi thực tập được như thế, bạn có thể nâng cấp bằng cách *chú ý vào cái bụng*. Hơi thở vào thì bụng phồng, hơi thở ra thì bụng xẹp. Tất nhiên, bạn chỉ mới ở vòng ngoài của niệm thân: chú tâm vào hơi thở như nó đang là, chú tâm vào cái bụng phình lên xẹp xuống như nó đang là; còn những 4 niệm xứ: niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp thì bạn cần nhiều tự lực và trợ duyên.

Chỉ bằng cách thiền hơi thở trong mười hay mười lăm phút mỗi ngày, chúng ta sẽ có thể làm giảm căng thẳng đầu óc. Bạn sẽ trải nghiệm một cảm giác an lành, thoáng đạt, dần dần bạn sẽ tự tin đối phó với những tình huống khó khăn trong cuộc đời, điềm tĩnh trong công việc và nhẹ nhàng giao tiếp với người khác.

Tôi chỉ chia sẻ với Phật tử bình thường chuyện thiền hơi thở đơn giản mà thôi, và không dám đề cập những gì cao xa. Thiền như thế, ai thực tập cũng được, ai cũng hưởng được lợi ích. Còn đi sâu vào Tứ Niệm Xứ hoặc các pháp môn thiền khác, nếu bạn có duyên và cảm thấy nhu cầu thiết thân, bạn sẽ tìm thấy và các bạn đồng tu để bước đầu được hướng dẫn kỹ lưỡng và đúng hướng. Nhưng cuối cùng, vẫn là thiền một mình, thường xuyên, bình thường như tập thể dục buổi sáng. ■

Chú thích:

1. <http://kienthuc.net.vn/thien/cuu-tong-thong-my-bill-clinton-tap-ngoi-thien-an-chay-185158.html>.
2. <http://thuvienhoasen.org/p122a25884/ba-hillary-clinton-tap-thien>.
3. <http://www.daophatngaynay.com/vn/phap-mon/thien-dinh/nguyen-thuy/10815-Thien-Tu-Niem-Xu.html>.

Tài liệu tham khảo:

- Lion's Roar Staff, *Buddhist Teaching on Mindfulness*, August 11, 2016.
- Sayadaw U Pandita, *How to Practice Vipassana Insight Meditation*, website Lion's Roar, April 17, 2016.
- Sakyong Mipham Rinpoche, *How to do Mindfulness Meditation*, website Lion's Roar, March 1, 2016.
- Thích Trí Siêu, *Thiền Tứ Niệm Xứ*, website Đạo Phật Ngày Nay...

Vùng Đông Nam Á và Nam Á:

Nơi giao hòa của Văn hóa và Phật giáo

THÍCH THIỆN NHƠN

Từ buổi bình minh của nhân loại, khi hai nền văn hóa Đông Tây gặp nhau trên hành tinh này - nhất là tại khu vực Đông Nam Á, Nam Á - thì Việt Nam là một đất nước ở vào vị thế đặc biệt, là cửa ngõ của Đông Nam Á, nhìn ra Biển Đông luôn tiếp nhận các luồng tư tưởng văn hóa, văn minh nhân loại ở những thế kỷ đầu Tây lịch. Lung dựa vào các nước Đông Dương và Đông Nam Á, làm điểm tựa tiếp cận văn hóa đa dạng và phát triển bền vững của khu vực.

Qua đó, từ đầu thế kỷ thứ I, các thương nhân người Ấn trong đó có các nhà sư truyền giáo đã đến Việt Nam theo các thuyền buôn, xuất phát từ Nam Ấn đến duyên hải Việt Nam, Trung Bộ, Bắc Bộ Việt Nam. Di tích thành Nê Lê tại Đồ Sơn, Hải Phòng là một minh chứng. Thứ đến là đường bộ từ Trung Quốc sang, như Pháp sư Đàm Hoằng (425 TL), Đạo Thiển, Dhammadeva (550 TL), Tỳ-ni-đa-lưu-chi (580 TL), Vô Ngôn Thông (820 TL) v.v... Ngược lại các Thiền sư Việt Nam như Vân Kỳ, Khuy Sung, Trí Hoằng, Tuệ Diễm, Trí Hành, Đại Thặng Đăng, Khương Tăng Hội... cũng đã sang truyền đạo tại Trung Quốc, cho đến Sri Lanka và Ấn Độ...

Qua đó cho thấy Phật giáo vào những thế kỷ đầu cho đến thế kỷ thứ X, thuộc Đinh, Tiền Lê (969 TL), Phật giáo mang màu sắc Mật tông, dù có tư tưởng Thiền, tạm gọi là Thiền Mật song hành, chủ đạo là Mật tông. Thời Lý (1010-1225), Phật giáo mang đậm màu sắc của ba dòng Thiền Tỳ-ni-đa-lưu-chi (580 TL), Vô Ngôn Thông (820 TL) và Thảo Đường (1069 TL). Do đó, có thể nói Phật giáo thời Lý mang đậm màu sắc Thiền trí thức, ẩn tàng Tịnh độ và cả Mật giáo, nhưng nổi bật là Thiền Tịnh, gọi là Thiền Tịnh song hành, Tịnh độ hóa nhân gian. Tuy ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa, nhưng Việt Nam đã biến cải thành một nền văn hóa độc lập, và các phương thức hành hành trì riêng của Phật giáo Việt Nam, Thiền theo phong cách Việt Nam, Tịnh độ Việt Nam, Mật tông Việt Nam (Kim Cang thừa Việt Nam). Do đó, tuy hòa nhưng không đồng hóa trong bối cảnh văn hóa tổng thể của khu vực.

Bước sang Phật giáo thời Trần (1225-1400 TL), do vua Trần Nhân Tông xuất gia tu hành chứng ngộ, gọi là Điều ngự Giác hoàng, Vua Phật Việt Nam, đã thống nhất ba Thiền phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Vô Ngôn Thông,



Thảo Đường thành Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (1299), thống nhất Phật giáo thời Trần thành một mối, gọi là Giáo hội Trúc Lâm, trụ sở đặt tại chùa Quỳnh Lâm-Đông Triều-Quảng Ninh, là trường đại học Phật giáo đầu tiên của Việt Nam, trung tâm văn hóa đặt tại chùa Vĩnh Nghiêm - Đức La, Bắc Giang, đặc biệt hoàn toàn mang màu sắc văn hóa Việt Nam và đạo Phật Việt Nam.

Cuối cùng đến thời Hậu Lê, Tây Sơn, triều Nguyễn... do hoàn cảnh chiến tranh, nô lệ thực dân phương Bắc, phương Tây nên Phật giáo tiềm ẩn trong dân gian làng mạc, núi rừng. Tuy nhiên, tinh thần và sức sống tiềm tàng của Phật giáo vẫn còn, đã tạo thành tinh thần hộ quốc an dân, đánh thắng bao đế quốc xâm lược cũ và mới, thống nhất đất nước Việt Nam.

Phật giáo ngày nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức Phật giáo duy nhất đại diện cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong các mối quan hệ trong và ngoài nước. GHPGVN có 63 đơn vị Phật giáo tỉnh, thành hội và 546 quận, huyện hội trong cả nước, có Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và 4 trường đại học Phật giáo, 31 trường Trung cấp Phật học, hơn 100 trường, lớp tiểu học; với 86 Tăng Ni có học vị tiến sĩ, trên 186 thạc sĩ và hàng ngàn



trung học, cử nhân Phật học; có 53.941 Tăng Ni, 18.466 cơ sở tự viện trong toàn quốc. Về sắc thái Phật giáo trong ngôi nhà chung GHPGVN là Bắc tông, Nam tông Kinh, Nam tông Khmer, Phật giáo Khất sĩ, Phật giáo người Hoa, Phật giáo người Chăm; truyền thống tu tập là Thiền tông Nguyên thủy, Thiền Trung Hoa - Tổ sư Thiền, Thiền phái Trúc Lâm, Pháp môn Tịnh độ, Đạo tràng Pháp Hoa, Đạo tràng Dược Sư, Đạo tràng Đại Bi, Kim Cang Thừa... gồm hai Hệ: Hán tạng ảnh hưởng Phật giáo Trung Quốc, nhưng Việt Nam đã biến cải thành sắc thái, phương thức hành trì độc lập theo phong cách của Phật giáo Việt Nam. Pali tạng ảnh hưởng văn hóa Phật giáo Ấn Độ, Thái Lan, Lào, Campuchia, Myanmar, Sri Lanka mang đậm màu sắc Phật giáo Nam truyền, sinh hoạt hài hòa, ổn định trong sự đoàn kết hòa hợp của các hệ phái Phật giáo Việt Nam.

Trong quá trình quan hệ giao lưu văn hóa, hội nhập Phật giáo thế giới cũng như khu vực trước hết phải nói rằng:

- Phật giáo Việt Nam là thành viên sáng lập Hội Phật tử Châu Á vì Hòa bình năm 1970, trụ sở đặt tại Ulan Bator - Mông Cổ, có Trung tâm ABCP Việt Nam tại Hà Nội.

- Đối với Tổ chức Liên minh Phật giáo Toàn cầu (IBC) dưới sự bảo trợ của Chính phủ Ấn Độ, và Hội Asoka Mission, có trụ sở đóng ở New Delhi - Ấn Độ. Việt Nam là thành viên sáng lập và là đồng Chủ tịch của tổ chức.

- Phật giáo Việt Nam là thành viên sáng lập Hội Phật giáo Thế giới Truyền bá Chánh pháp (WBC), có trụ sở đặt tại Kobe, Osaka, Nhật Bản, thành lập năm 1998, có 34 quốc gia, vùng lãnh thổ là thành viên của Hội.

- Đối với Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới, thành lập năm 1950 tại Comlombo - Sri Lanka, trụ sở đặt tại Comlombo, sau này trụ sở dời qua Rangoon, Myanmar, cuối cùng là Bangkok, Thái Lan. Việt Nam là thành viên sáng lập tổ chức này.

- Về Ủy ban Tổ chức Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc ICDV - thành viên cố vấn UNESCO Liên Hiệp Quốc. Trụ sở đặt tại Bangkok, Thái Lan. Việt Nam là thành viên tham gia sáng lập năm 2004. Đặc biệt, Việt Nam đã đăng cai tổ chức thành công hai lần Đại lễ Vesak năm 2008 tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia - Hà Nội, và 2014 tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế chùa Bái Đính, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam, đã quảng bá hình ảnh Việt Nam, văn hóa Việt Nam và phương thức hành trì của các truyền phái Phật giáo Việt Nam cho hơn 80 quốc gia và vùng lãnh thổ tham dự.

- Trong các mối giao lưu văn hóa thế giới, Việt Nam là một trong những nước sáng lập Hội Hữu nghị Giao lưu Văn hóa Châu Á, do Hòa thượng Đại Nguyên, trụ trì chùa Lục Tổ, Quảng Đông, Trung Quốc làm Chủ tịch, có văn phòng đặt tại Hồng Kông. Phật giáo Việt Nam là nước đồng Chủ tịch sáng lập.

- Theo đề nghị của Chính phủ Sri Lanka về việc các nước Phật giáo châu Á tham gia trưng bày hình ảnh văn hóa Phật giáo mỗi nước tại Bảo tàng Phật giáo thế giới ở Kandy, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có phòng trưng bày hình ảnh, pháp khí, tôn tượng văn hóa Phật giáo Việt Nam tại Bảo tàng Phật giáo thế giới ở Kandy - Sri Lanka.

- Hòa thượng Thích Thiện Tâm, Phó Chủ tịch Hội Hữu nghị các nước Thái Lan, Lào, Campuchia, Myanmar, Ấn Độ... hoạt động có hiệu quả, tạo được mối giao lưu văn hóa, quan hệ tốt đẹp với các nước trong khu vực, đa phần là theo Phật giáo Nam truyền. Các Thiền sư Phật giáo Myanmar đã sang Việt Nam hành đạo và hướng dẫn tu thiền định cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam.

- Kể từ khi được Phật giáo Việt Nam giúp đỡ phục hồi đến nay, Phật giáo Campuchia đã hỗ trợ Phật giáo Việt Nam thỉnh 358 bộ Đại tạng kinh và hơn 100 đầu sách đủ loại bằng chữ Khmer cho chư Tăng, Phật tử nghiên cứu đọc tụng và làm Pháp bảo tại các chùa Phật giáo Nam tông Khmer đồng bằng sông Cửu Long cũng như tôn trọng các truyền thống văn hóa dân tộc Khmer, Tết Chol Nam Thmay, Ock Om Bock, Sen Dolta, lễ Kathina...

- Về quan hệ tổ chức, hội đoàn. Hiện nay GHPGVN có mối quan hệ mật thiết với Hội Phật tử Việt Nam tại Vientiane, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, do Thượng tọa Minh Quang lãnh đạo. Văn phòng đặt tại chùa Phật Tích, thủ đô Vientiane.

- Tại Campuchia, có Giáo hội Phật giáo Maha Annam Nikaya, do Hòa thượng Từ An Lạc làm Hội trưởng, Văn phòng đặt tại chùa Quan Âm, TP. Phnom Penh, đang có quan hệ thân thiện với GHPGVN.

- Tại Thái Lan, có Giáo hội Phật giáo An Nam tông, do Tăng thống Thiền sư Kính Chiếu người Việt Nam lãnh đạo 23 cơ sở tự viện tại thủ đô Bangkok và các tỉnh thuộc Vương quốc Thái Lan.

- Hội Phật tử Việt Nam tại Nhật Bản do Sư cô Tâm Trí làm Hội trưởng, Văn phòng đặt tại chùa Nhật Tân (Nissinkutsu), thủ đô Tokyo, do Hòa thượng Yoshimizu Daichi, nguyên Hội chủ Tổng hội Tịnh Độ tông Nhật Bản, trụ trì chùa Nhật Tân làm cố vấn chứng minh cho Hội.

- Hội Phật tử Việt Nam tại Hàn Quốc do Sư cô Thích nữ Giới Tánh làm Hội trưởng. Văn phòng đặt tại chùa Pháp Môn - Seoul - Nam Hàn. Hòa thượng Sunam Sunim, trụ trì Tổ đình Phụng Nguyên, Hòa thượng Thích Trí Quảng, Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Phật giáo Quốc tế chứng minh cho Hội.

- Lễ đón tiếp phái đoàn đi bộ vì Hòa bình của Phật giáo Nhật Bản do Hòa thượng Suzuki, Hòa thượng Yamadha, Hòa thượng Yoshimizu Daichi dẫn đầu. Đặc biệt là mối quan hệ mật thiết giữa Việt Nam, Phật giáo Việt Nam với Ấn Độ và Nhật Bản. Qua đó các lễ hội Văn hóa, lễ hội Yoga, lễ Dhammadasan - Ấn Độ, Lễ hội Văn hóa, Lễ hội Hoa Anh đào - Nhật Bản được tổ chức hằng năm tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và TP. Hội An, tỉnh

Quảng Nam - Đà Nẵng. Nhất là Lễ kỷ niệm 1.200 năm ngày Thiền sư Phật Triết mang Phật giáo, âm nhạc và vũ đạo truyền sang đất nước Nhật Bản năm 733 Tây lịch.

Qua đó cho thấy, Việt Nam là một trong những nước Đông Nam Á, Nam Á là nơi hội tụ, giao hòa giữa các nguồn văn hóa trong khu vực, đồng thời là nơi tiếp cận các truyền thống hệ phái Phật giáo, cũng như các phương pháp hành trì từ xưa đến nay và mãi mãi về sau. Không những thế, mà còn góp phần củng cố hòa bình cho khu vực và thế giới, đóng góp công sức vào sự thúc đẩy Cộng đồng ASEAN ngày càng phát triển, ổn định trong thời kỳ hội nhập quốc tế, xứng đáng là thành viên tích cực của Cộng đồng ASEAN, thực hiện hữu hiệu chủ trương Liên Hiệp Quốc về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, giảm thiên tai, giảm tăng độ nóng quả đất, sự cạn kiệt tài nguyên môi trường, góp phần cho nhân loại tồn tại lâu dài trên hành tinh chúng ta. Do đó, cuộc hội thảo với chủ đề: Đông Nam Á và Nam Á - nơi giao hòa của văn hóa và Phật giáo ở Đông Nam Á và các chủ đề khác thật là thiết thực và hữu ích, vượt qua những rào cản về văn hóa khác nhau cũng như những phương thức hành trì của truyền thống Phật giáo và nền văn hóa các nước, tạo ra một không gian thông thoáng và sự hiểu biết lẫn nhau trong Cộng đồng ASEAN cùng tiến tới tương lai. GHPGVN vô cùng trân trọng và lắng nghe những ý kiến phát biểu, các tham luận, thảo luận của Hội thảo để làm bài học kinh nghiệm cho sự duy trì, phát triển và hội nhập quốc tế của Phật giáo Việt Nam ở hiện tại và tương lai, trong một Cộng đồng ASEAN giàu mạnh, ổn định và không ngừng phát triển. ■

Tài liệu tham khảo:

- *Lược sử Phật giáo Trung Quốc*, HT. Thích Thanh Kiểm (2011).

- *Sử luận Phật giáo Việt Nam*, GS. Nguyễn Lang, Nxb Văn Học (2008).

- *Lược sử Phật giáo Việt Nam*, GS. Lê Mạnh Thát, Nxb TG (2006).

- *Lược sử Phật giáo Thái Lan*, Nguyễn Thị Quế, Nxb KHXH (2007).

- *Phật giáo khắp thế giới*, Thích Nguyên Tạng, Nxb Phương Đông (2006).

- *Lịch sử Myanmar*, Vũ Quang Thiên, Nxb KHXH - Hà Nội (2005).

- *Phật giáo Lào dưới góc nhìn văn hóa*, Nguyễn Văn Toàn, Đại học Quốc gia Hà Nội (2006).

- *Người Khmer gốc Việt*, Lê Hương, Sài Gòn (1966).

- *Phật giáo Khmer Nam Bộ vấn đề cần nhìn lại*, Nguyễn Mạnh Cường, VKHXH VNCTG (2008).

- *Tôn giáo ở Trung Quốc*, Lữ Văn, Nxb TG (2003).

- *Phật giáo Trung Quốc*, Trần Quang Thuận, Nxb TG (2008).

- *Đời sống tôn giáo Nhật Bản hiện nay*, Phạm Hồng Thái, Nxb KHXH 2005.



Trọn một giấc mơ

THÍCH NHƯ ĐIỀN

Khi sinh tôi ra, chắc cha mẹ tôi không nghĩ rằng đứa trẻ ấy lúc lớn lên sẽ đi xuất gia đầu Phật. Và ngay cả trong thân tộc tôi cũng không ai nghĩ rằng trong một gia đình mà đã có đến hai người đi xuất gia; thế nhưng chỉ có thể hệ của tôi và thầy Bảo Lạc; còn thể hệ con cái và cháu chắt của anh chị tôi thì chưa có người nào xuất gia cả.

Trong làng tôi có đến hơn 50 người đi xuất gia, và gần 50 năm sau, theo tôi được biết thì chỉ có độ 3 người hoàn tục; còn lại những người khác vẫn mang trên mình chiếc áo nâu sồng cũng như giữ tròn trai giới chốn thiền môn. Vì vậy có nhiều người nói, làng tôi đã phát đức. Mà hẳn vậy; có gia đình thì phát tài, có làng thì phát làm quan; nhưng ở đây, gia đình tôi và làng tôi lại phát đức. Tôi tin điều ấy.

Người ta giàu có bao nhiêu đi chẳng nữa, cũng có một lúc nào đó cũng phải túng thiếu và hết của. Do vậy mà tục ngữ Việt Nam nói rằng: “Không ai giàu ba họ; chẳng ai khó ba đời” là vậy.

Như trên một đoạn đường đi, có nơi bằng phẳng, có chỗ gồ ghề; đời con người cũng thế, có lúc phơi phơi bước lên danh vọng, có khi phải đi xuống tận cùng tuyệt vọng, hố sâu của tâm hồn và địa ngục của tâm thức. Vì lẽ sau cơn mưa trời lại sáng mà. Không có gì để phải hận đời và hận người cả. Chỉ tiếc cho mình là thiếu đức tu; nên không chuyển hóa được người khác và thế giới khổ đau này mà thôi.

Chỉ có cái đức và trí tuệ thì người ta mới có thể san sẻ cho kẻ khác mà vẫn không thiếu thốn, hao hụt gì cả. Vì cho dù gạo đầy chum, ăn hoài ắt phải cạn; nhưng ánh sáng trí tuệ và đời sống đạo đức cứ lan truyền mãi từ đời này sang đời khác mà tựa hồ như chẳng mất mát một chút nào.

Tôi ngập chìm trong một làng có cái đức như thế và may mắn sinh vào một gia đình có cái đức được phát triển như vậy; nên mới có cơ hội đi xuất gia tu học cho đến ngày nay.

Tôi vào chùa với một tâm hồn trong trắng của tuổi 15. Tất cả đều xanh tươi, tất cả đều mới lạ. Ngôi chùa

đối với tôi là cả một cảnh giới thần tiên mầu nhiệm. Tăng chúng, huynh đệ ở chung quanh tôi là một cộng đồng xã hội thu hẹp mà tôi luôn luôn nghĩ rằng mình được điểm phúc sống trong sự hòa hợp ấy. Vì lẽ cái vui của họ cũng là cái vui của mình và cái khó khăn của họ cũng là cái khó khăn của mình vậy. Cũng có một phen tôi gặp phiền não tại chốn già-lam, nhiều lần tìm cách trốn chạy thực tại; nhưng thời gian qua đã làm cho tâm thức tôi dịu dần với tiếng kinh, lời kệ và của tiếng đại hồng chung. Lúc ấy thấy đời là một sự thay đổi. Tôi chấp nhận khó khăn, khổ ải để vươn lên với ý thức đơn côi của một kẻ lữ hành.

Tôi không nhìn đời bằng cặp mắt màu xanh, mà cũng chẳng đón nhận thế sự với lòng nghi ngờ hay oán trách. Vì lẽ tôi biết cuộc đời vốn là thế. Dở, hay, xinh đẹp, xấu xí, giàu có, nghèo nàn... tất cả cũng chỉ là một tấn tuồng mà mỗi người phải cố gắng diễn cho xong cái vai trò mà mình đang đóng. Đời có gì phải bi lụy, có gì để hoan hô! Tất cả phải nhìn dưới con mắt như thị. Tuổi thanh niên tôi đã biết chấp nhận thế; nên đến tuổi trung niên và lão niên như bây giờ thì việc chấp nhận mọi sự hiện hữu trong thế gian này lại càng dễ dàng hơn nữa. Vì lẽ ai sinh ra trong cuộc đời này rồi cũng chết; chứ ai có thể sống mãi không già, không chết đâu?

Khi sinh ra đời đứa bé chưa biết gì cả mà đã biết tham. Vì hai tay nắm lại. Rồi suốt trong một cuộc hành trình sinh tử ấy, vào ra nơi chốn trần gian náo nhiệt này, người ta phải cố tranh phần thắng về mình. Cái tốt nhất là của mình; còn cái xấu phải là của thiên hạ. Rồi danh, lợi, tiền, tài, địa vị... nhưng rồi một ngày nào đó tất phải ra đi thôi. Khi ấy dầu có muốn nắm hai tay lại nữa cũng chẳng được gì. Vì tử thần đã gõ cửa; nhưng mấy ai ý thức được điều này. Sự sống và sự chết ấy dù có xảy ra trong nháy mắt mà cũng có thể là 10 năm hay nhẫn đến trăm năm thì cũng thế thôi. Nếu con người không ý thức được sự vô thường giống như giấc mộng ấy thì sống càng lâu càng chẳng có ý nghĩa gì với cuộc đời này cả.

Hạnh phúc là những thứ mà người ta thường hay đi tìm; nhưng trên thực tế thì hạnh phúc không phải là những thứ người ta đang đi tìm, mà là những gì người ta đang có trong hiện tại. Nghĩa là anh đang có một người vợ rất đảm đang, nét na thủy my; nhưng vì sống lâu ngày, tình yêu ban đầu không còn đẹp nữa như xưa, do vậy anh có ý bỏ bê tình cũ, đi tìm tình mới. Do vậy mới có những đám ly dị và lúc ấy chỉ nói đến tiền tài, của cải, chứ không còn chữ yêu đương của tình nghĩa vợ chồng thuở ban đầu nữa. Vả chẳng cái gì người ta thường có, người ta không hay trân quý; nên mới ra nông nỗi ấy. Đồng nghĩa với việc này, người đàn bà cũng thế. Nếu sống trong hiện tại với một người chồng được cho là lý tưởng đi. Vì trước đây năm mười năm, do mình chọn lựa để đi đến hôn nhân mà; nhưng sau bao nhiêu năm tháng sống chung, đã xảy ra nhiều cảnh trái ý nghịch lòng; cho nên thấy chồng của mình không đẹp hơn

chồng của bạn, nên có ý đổi thay là vậy. Do thế mà tục ngữ Việt Nam có câu: "Giàu đổi bạn, sang đổi vợ" cũng đúng với lòng dạ của con người chẳng? Vì lẽ thường thường con người chẳng ai hài lòng với hiện tại. Trong Thiền gia có câu rằng: Quá khứ là những gì đã đi qua, tương lai thì chưa đến; chỉ có hiện tại mới là giờ phút tuyệt vời thôi! Đó là một câu thoại đầu rất tốt, dùng để quán nhân duyên, quán sanh diệt cho suốt cả một đoạn đường sanh tử cũng không bao giờ hết được. Vì lẽ người hay nuối tiếc quá khứ nên khổ tâm. Kê lo lắng cho tương lai; nhưng toàn là những điều không thực tế. Chỉ có những gì ta đang có trong tầm tay là điều hạnh phúc nhất. Nếu ai hiểu và thực hành được những lời dạy này; quả là kẻ có trí tuệ chứ không phải bạc vàng.

Vàng bạc, ngọc như ý, ngọc bảo châu, ngọc châu ma ni... cũng chỉ là những thứ trần bảo của thế gian, chứ không phải của xuất thế gian. Vì những của quý này có lúc ta sẽ bị đánh mất đi, do thời gian và năm tháng đổi thay. Còn bát-nhã, trí tuệ là những giá trị miên viễn của tinh thần, ta cho hoài vẫn không hết, ta sống ở thế giới này hay thế giới khác vẫn an nhiên tự tại như thường, không sợ ai xâm chiếm tài sản vô giá ấy của mình.

Mà trí tuệ ấy từ đâu có được? Có ai ban phát cho mình chẳng? Hay phải khổ tâm luyện tập? Thật ra như kinh *Viên Giác* hay luận *Đại trí độ* đã nói rằng: Chúng ta vốn từ trong vô thủy kiếp đã là những bậc giác ngộ; những người hiểu biết; nhưng mãi rong ruổi trong kiếp luân hồi, rồi bị vô minh ràng buộc; nổi trôi vào ra sanh tử; nên tánh giác ấy, trí tuệ ấy bị che khuất đi. Bây giờ chúng ta chỉ cần khơi dậy tâm từ, lòng dũng cảm, ý chí quyết định dẫn thân, chẳng chóng thì chầy cái trí ấy sẽ bừng bừng sống dậy. Ta cứ ngỡ là Bồ-tát hay Phật đã cho mình; nhưng không phải thế. Các Ngài chỉ là người dẫn lối soi sáng cho ta đi vào đời đầy thôi. Còn chính ta mới là kẻ phải hạ thủ công phu kia mà.

Khi tôi đi xuất gia rồi được học đời cũng như học đạo thì tự biết rằng đó là nhân duyên đưa đẩy đầy thôi; chứ lúc ấy tôi nghĩ rằng: Đi tu rồi còn phải đi học làm gì nữa. Ý nghĩ ngông cuồng ấy bị Thầy tôi rầy rà. Tôi vâng lời Thầy và cũng không ngờ rằng nhờ sự vâng lời ấy mà ngày nay hàng hàng lớp lớp chữ nghĩa của ngôn ngữ này hay ngôn ngữ kia đang nép mình để tôi chọn lựa khi ngoại giao, lúc làm việc đạo, lúc tư duy hay khi chuyện vãn với mọi người. Từ miệng mình thốt ra những lời dạy của Phật, hay ngôn ngữ, ý tứ, tác phong của lời nói... tất cả là một sự tự nhiên, mà sự tự nhiên ấy có điều kiện. Đó là sự chăm học và hạ thủ công phu của mình. Thuở ấy tôi chẳng mơ mình thành gì cả. Chỉ biết rằng có học mà thôi. Tu là chuyện đương nhiên rồi. Vì lẽ trên mình của mình đang mặc chiếc áo tu sĩ mà.

Rồi tôi được xuất ngoại để đi du học tại Nhật Bản. Một đất nước mà trước đó tôi đã chẳng có một ý niệm rõ ràng nào. Mặc dầu Nhật Bản nằm không xa quê hương Việt Nam mấy. Tôi đến đó để học và tập, tu và



luyện. Tôi ở chùa Nhật cũng như chùa Việt. Không phải là Milarepa, mà là một người Việt Nam thuần túy, đi vào những nơi thử thách hiểm nghèo. Nhiều lúc tôi nghĩ rằng có lẽ do nhân duyên nên vậy. Cho nên tôi thường hay chấp nhận hơn là chối chối. Mà cứ chấp nhận những trở ngại thì lại có một sự thành tựu khác.

Cũng như thế đó khi tôi đặt chân xuống phi trường Hamburg vào ngày 22 tháng 4 năm 1977, tôi đã chẳng nghĩ rằng phải ở lại Đức cho đến ngày hôm nay. Ngày ấy nếu tính trở lại quá khứ đã hơn 25 năm rồi đó. Hai mươi lăm năm ấy tôi gọi là một giấc mộng. Cũng có thể lắm, giấc mộng này cũng khá dài. Cứ mỗi năm có 365 ngày. Con số ấy đem nhân cho 25 thì ta sẽ có 9.125 ngày. Nếu trong gần 10.000 ngày ấy, tức gần một phần ba của sự sống trong ba vạn sáu ngàn ngày thì ta có được gì ở trong cõi thế này. Nếu ta so với cuộc sống của chư Thiên ở cõi trời Tứ Thiên Vương. Một ngày ở đó bằng 50 năm ở đây và một ngày ở cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên bằng 1.600 năm ở đây. Quả thật thời gian và không gian ấy không còn có thể đếm được nữa. Nếu ta chẳng biết làm gì trong một ngày ở cõi Tha Hóa Tự Tại hay 1.600 năm ở cõi thế đầy hư hư, ảo ảo này thì hóa ra chẳng có ý nghĩa gì cả sao ?

Có lẽ rằng Phật, Bồ-tát đã bổ xứ tôi đến xứ Đức này. Đến đây để gặp gỡ mấy ngàn sinh viên Việt Nam hiện đang du học ở đây trước năm 1975 và cho đến bây giờ đã liên hệ với hơn 100.000 người không phân biệt tuổi tác, tôn giáo. Đó là một nhân duyên của trùng trùng duyên khởi và trùng trùng biến hiện vậy, mà nhân duyên cũng kể từ khi tôi sinh ra trong cõi đời cũng như lúc xuất gia học đạo, tôi chưa bao giờ nghĩ tới. Tôi đâu có biết một cõi xa xăm như thế để mà ở, mà đi, mà về đâu. Tôi cũng đâu có tự chọn lựa cho mình một cái tốt hơn, mà tất cả chỉ là nhân duyên và nghiệp lực. Tôi vẫn còn là một chúng sanh; nên vẫn còn những nghiệp chướng, phiền não; nhưng tôi sẽ đứng trên và thoát ra những đối đãi thị phi ấy để tôi nhìn rõ được bộ mặt thật của cuộc đời này. Phải đánh giá nó, chấp nhận nó hay than vãn, nỉ non để rồi trốn chạy nó chẳng?

Lá số tử vi của tôi do một ông cụ tại Canada chấm.

Trong ấy có mấy điều tôi tâm đắc nhất: Mệnh vô chánh diệu; nghĩa là không có một ngôi sao nào chính chiếu mệnh cả; nhưng lại tốt với một người tu. Vi được tam không. Đó là Địa không, Tuân không và Triệt không. Ba cái không này nó cũng ứng với cái không của nhà Phật. Vì tất cả những gì có hình tướng trên thế gian này, cuối cùng rồi cũng trở về không.

Tôi chưa là tiến sĩ; nhưng học trò, đệ tử của tôi là những tiến sĩ sắp hàng dài dài ở phía sau mình để đi vào Đạo và Đời trong tương lai. Vậy tôi là gì? Thật ra tôi chẳng là gì cả. Hiểu như vậy mới thấy nhân duyên và từ đây mới trân quý phước đức. Hãy

đừng coi trọng tiền bạc hơn sự học hành. Vì giáo dục bao giờ cũng là con đường nhân bản, nó giúp ta thăng tiến được niềm tin, sự sống và mở cánh cửa đi vào sự giải thoát. Do vậy tôi thường hay giảng và kết luận rằng: Sự học không làm cho ta giải thoát được; nhưng nếu muốn mở cánh cửa giải thoát kia mà thiếu sự tu và sự học là không được rồi.

Tôi không định đến xứ Đức đây để xây chùa, không định nhận đệ tử xuất gia cũng như tại gia, không định làm Thầy giảng đạo và cũng không định có quan hệ ngoại giao cả mấy chục nước trên thế giới như ngày hôm nay và cũng chẳng hề có ý định làm báo Viên Giác. Ấy thế mà những điều không dự định ấy đã trở thành khẳng định và bây giờ cũng như mai hậu những thứ ấy sẽ trở thành giả định. Vì tất cả đều phải bị chi phối bởi luật vô thường, thành, trụ, hoại, không.

Ngôi chùa Viên Giác nầy từ chỗ không mà có, rồi mai đây cũng từ chỗ có sẽ trở thành không. Tất cả là của chung; nhưng của chung ấy nó sẽ biến đổi theo sự thành tựu và hủy hoại của quả đất nầy. Đi vận động thành lập chùa từ thuở không có một đồng nào. Bây giờ sau khi xây dựng xong, giá trị của nó là 9 triệu Đức mã thuở xưa; hay 5 triệu rưỡi đô-la Mỹ thuở ấy và độ 4 triệu rưỡi euro bây giờ. Trước mặt chúng ta là một phạm vũ huy hoàng đó; nhưng nó sẽ tồn tại được bao lâu thì chẳng ai biết được. Thế mà tôi đã là một phần tử chính trong kiến trúc nầy đó. Khi ngôi chùa xây xong tôi cũng nghĩ rằng đây chỉ là một giấc mộng.

Tôi cũng đã chẳng nghĩ rằng mình làm được Thầy của nhiều người khác. Viết văn, viết sách cũng thế. Có người đọc sách tôi bảo rằng văn viết hay; nhưng đồng thời cũng có nhiều người không nói ra và chê là câu văn nhà quê, dở quá. Nội dung, bố cục luộm thuộm... Cũng như thế ấy, có một hôm tôi đi dự đám tang của Hòa thượng Thích Trung Quán, viện chủ chùa Hoa Nghiêm ở Paris vừa viên tịch. Có một Thầy cả hơn 10 năm rồi chưa gặp lại tôi, sau khi chào hỏi và bảo rằng trông Thầy già hơn xưa quá nhỉ! Tôi đáp lại bằng cái nhoen miệng cười và tiếp rằng đã 54 tuổi rồi còn gì nữa. Tóc đã bạc gần hết rồi. Độ 10 phút sau có một Thầy khác sống ở Paris cũng gặp tôi nơi phòng khách của chùa Hoa Nghiêm bảo rằng Thầy trẻ quá nhỉ! Tôi chỉ cười và tự nhiên thấy có hơi không thực tướng. Không biết có phải là mình đây chăng? Hay là một Như Điển nào khác thì cũng chỉ là một giả danh thôi mà. Mới 10 phút trước có kẻ chê mình già và 10 phút sau có người bảo mình trẻ. Vậy thì mình nên trẻ hay già theo cảm nhận của người khác, hay trở về sống thực tế với con người của mình để mình tự liễu tri về cuộc đời sắc sắc không không nầy vậy!

Làm Chủ nhiệm báo *Viên Giác* suốt 25 năm qua cũng thế. Lúc nào tôi cũng phải viết Thư Tòa soạn và trong 25 năm ấy chỉ riêng Thư Tòa soạn không đã in thành một cuốn sách rồi. Nhiều khi bận việc muốn nhờ người khác trong Ban Biên tập viết; nhưng ai cũng thối thác

bảo rằng Thư Tòa soạn khó viết. Vì nó ngắn, chỉ có một trang mà phải viết nhiều sự kiện khác nhau xảy ra trong một lần. Do vậy nhiều người không thích viết. Vậy nên tôi phải viết; nhưng có bao giờ tôi học làm báo là gì đâu mà bây giờ phải làm Chủ nhiệm một tờ báo đã sống đến 25 tuổi vậy? Tôi không tài, không giỏi, không là gì hết. Do vậy tôi để cho nó đến, rồi cũng để cho nó đi.

Đúng ra thì cuộc sống của tôi có nhiều niềm vui hơn nỗi buồn. Vì tôi cười nhiều hơn và hình như chưa khóc một lần nào vì bị thất bại. Chỉ duy nhất có lần khi mất mẹ năm 1966 và động lòng trắc ẩn khi hay tin thân phụ lìa đời tại quê nhà vào năm 1986. Chỉ thế thôi! Và có vài lần khóc nữa khi động tâm lúc đến dưới cội Bồ-đề, nơi Đức Phật Thành đạo và nơi Đức Phật nhập Niết-bàn. Có lẽ tôi không có nhiều thì giờ để buồn, để lo, để hoài niệm hay để khóc thương một cái gì đó của dĩ vãng, mà lúc nào tôi cũng bận rộn; không tụng kinh, ngồi thiền thì cũng dạy chúng. Không đọc sách thì cũng xem báo. Không đi ra vườn thì cũng để mắt xem công việc làm của những người đang làm công quả tại chùa. Suốt ngày, suốt tháng, suốt năm chỉ có trách nhiệm và bổn phận; nhưng bỗng chốc rồi ta cũng sẽ là ta khi chính mình đối diện với mình và phải dọn cho mình một lối đi khi mình còn tỉnh táo và sáng suốt. Có lẽ tôi đã trọn một giấc mơ. Giấc mơ ấy đã giúp cho chính mình tôi và mọi người lên được thuyền Bát-nhã. Khi qua bên kia bờ rồi thì mới thấy ra chiếc thuyền ấy cũng chỉ là phương tiện để đưa hành giả sang sông thôi. Đầu có gì để luyến tiếc.

Tôi tự bỏ mọi thứ để trở về với bản lai diện mục của mình, để cho mọi người ý thức rằng mình không bỏ nó thì sớm muộn gì nó cũng bỏ mình. Có ai luôn luôn làm chủ được tất cả mọi thứ biến đổi trên thế gian nầy đâu. Có cái tâm mà không làm chủ được thì lo gì đi làm chủ thiên hạ. Một Napoléon, Đại đế của nước Pháp, bây giờ còn lại gì? Một chế độ độc tài của Hitler mãi cho đến bây giờ thế giới và nhân dân Đức vẫn còn kinh sợ. Đời là thế đó! Còn Đạo phải khác đi chứ. Nếu cũng như thế thì còn gì là đạo đức, là luân lý, là trí tuệ, mà vốn dĩ những thứ nầy đang sẵn có trong cuộc đời; nhưng vì bị chôn vùi, bị che lấp bởi vô minh phiền não đấy thôi.

Tôi đến xứ Đức nầy cũng như một giấc mộng, tôi làm việc trong 25 năm qua cũng chỉ là một giấc mộng mà thôi và bây giờ đây hay mai hậu tôi không còn ở lại với đời nầy cũng chỉ là một giấc mộng và giấc mộng ấy đối với tôi đã tròn lành. Tuy có thay đổi đấy; nhưng là một hình ảnh đẹp của 25 năm trong cuộc sống thế trần tại một quê hương đất nước tạm dung như thế nầy.

Mong rằng một mai đây ở một nơi chốn xa xăm nào đó, ta có cơ hội lại nhắc cho nhau nhớ một đoạn đường của một kiếp nhân sinh trong nẻo luân hồi nầy rằng chúng ta đã hội ngộ nơi đây và những ân nghĩa nghìn trùng ấy dấu cho chúng ta có thành Phật, thành Bồ-tát đi chăng nữa thì vẫn là một chất liệu dưỡng sinh khi còn hô hấp ở chốn Ta-bà nầy. ■



Một lời đúng lúc

RATNAGHOSA
NGUYỄN VĂN NHẬT dịch

Có lẽ chúng ta thường nói nhiều; một số người còn nói quá nhiều. Có cả một dòng thác ngôn từ thường trực vây quanh chúng ta: những lời được nói ra trong các cuộc trò chuyện, trên máy thu phát thanh hay máy truyền hình, tại những buổi họp; và hết thảy những ngôn từ được viết ra trong những quyển sách, những tạp chí, thư điện tử, thư từ văn bản các loại.

Hình như George Bernard Shaw là người từng nói về một kẻ nào đó đã bị choáng ngợp bởi 'sự hào hứng nhiệt tình của thói đông dãi của chính mình'. Chúng ta có thể phỏng theo câu nói ấy để bảo rằng cả thế giới này đang bị choáng ngợp với sự hào hứng nhiệt tình của thói đông dãi.

Và tại sao sự thể lại xảy ra đến như vậy? Những gì đang được truyền đạt với cả một trận lụt ngôn từ như vậy? Phần lớn những điều ấy đều là bảo chúng ta nên nghĩ gì, mặc gì, ăn gì, đọc gì; cho chúng ta biết chúng ta nên có phong thái như thế nào, và điều gì sẽ làm cho chúng ta hạnh phúc. Phần lớn những điều ấy là nhằm cố gắng thuyết phục chúng ta về việc này việc nọ - nên bỏ phiếu cho ai, nên mua sắm những gì. Và phần lớn những điều đó chung quy chỉ là những chuyện tầm phào vô nghĩa của những tay giới thiệu bài hát trên đài phát thanh hoặc những nội dung cũng trống rỗng như thế của những kênh truyền thông đại chúng khổng lồ. Và những điều được nói được viết vây quanh chúng ta ấy sẽ đi vào trong ý thức của chúng ta rồi biến thành nội dung trong những câu chuyện của chính chúng ta. Tính chất tầm thường sáo rỗng của phần lớn những điều được truyền đạt bằng ngôn từ ấy chẳng phải là điều gì mới mẻ; cái mới chính là hiện nay khối lượng khổng lồ những điều ấy luôn có sẵn cho chúng ta. Thế nhưng tính xoàng xĩnh hay sâu sắc của sự truyền đạt bằng ngôn từ ấy lại luôn luôn tùy thuộc vào những con tim, những khối óc cung cấp nội dung cho nó, mang lại sự phát biểu cho nó.

Trong Phật giáo, sự kiện này đã được nhìn nhận; và cũng tương tự những học giới về lời nói, có những học giới dành cho tâm thức. Quan trọng nhất trong số đó là học giới nói rằng, "Tôi nguyện từ bỏ tà kiến". Tà kiến là những quan điểm không giúp ích gì cho việc phát triển tâm linh hướng đến giác ngộ. Thuộc về tà kiến là quan điểm cho rằng có một linh hồn hay tự ngã thường hằng, là niềm tin vào một vị thượng đế sáng tạo toàn năng, là việc phủ nhận hậu quả của hành động có tác ý, là việc phủ nhận rằng cuộc sống còn có những ý nghĩa vượt ngoài các giá trị vật chất thế tục, và là không tin rằng con người có khả năng đạt tới sự giác ngộ.

Cho nên, trong lúc cố gắng gìn giữ những học giới liên quan đến lời nói, chúng ta cũng được cổ vũ để từ bỏ tà kiến. Xét cho cùng, chúng ta nói là để phát biểu quan điểm và niềm tin của mình, là những điều đồng nhất với tự thân của chúng ta. Cho nên, có thể nói một cách dứt khoát rằng chúng ta chính là những quan điểm và niềm tin của chúng ta. Cho nên, từ bỏ những tà kiến có nghĩa là một sự thay đổi sâu rộng và trọn vẹn đối với toàn bộ bản chất của chúng ta; nó không chỉ đơn giản như việc thay đổi một nhãn hiệu sản phẩm quen dùng, hay việc chuyển đổi một liên minh chính trị. Khi chúng ta dần dần từ bỏ mọi tà kiến và có sự thay đổi sâu sắc trong tâm thức, mọi hành động và ngôn từ của chúng ta cũng tự nhiên chịu ảnh hưởng và trở nên ngày càng có ích cho sự phát triển hướng đến giác ngộ; điều đó cũng có nghĩa là hành động và ngôn từ của chúng ta ngày càng phù hợp với đạo đức hơn.

Điều mang tính đạo đức chính là điều có lợi cho hạnh phúc tâm linh. Thuật ngữ dùng trong đạo Phật để trở điều mang tính đạo đức là từ *thiện xảo*, nghĩa là những hành vi và ngôn từ vừa khéo vừa tốt. Điều đó cho thấy rằng trong đạo Phật, đạo đức hoàn toàn không có nghĩa là sự tuân phục trước những luật tắc định trước về những điều đúng và sai; mà đúng hơn đó là vấn đề khéo ứng dụng mọi giới luật một cách thông minh trong các hành động về thân, khẩu và ý. Về những hành động thuộc thân, các học giới bao gồm việc tôn trọng sự sống, việc tôn trọng tài sản của người khác, và việc biết kềm chế dục vọng; về lời nói, những học giới bao gồm nói lời chân thật, nói lời hoà ái, nói lời hữu ích, và nói lời tạo sự đoàn kết hoà hợp; về tâm, những học giới bao gồm luôn rộng rãi hào phóng để sẵn sàng bố thí, luôn hoà nhã bao dung, và luôn có trí tuệ. Những nguyên tắc ấy phải được áp dụng một cách thông minh trước những tình thế và hoàn cảnh đặc biệt trong cuộc sống. Khả năng ứng dụng những nguyên tắc ấy ngày càng dễ dàng hơn và tự nhiên hơn khi chúng ta dần dần tịnh hoá được tâm thức trước mọi khuynh hướng dẫn đến tham sân si và tà kiến.

Từ sự bắt đầu như thế, sau một thời gian dài, việc áp dụng những học giới liên quan đến lời nói của chúng ta còn là một vấn đề đòi hỏi kỷ luật và sự cố gắng nhiều hơn là việc bày tỏ tự nhiên của sự tịnh hoá tâm thức. Ở đây, chúng ta sẽ bàn thêm một nguyên tắc khác cần được áp dụng cho việc sử dụng phương tiện thiện xảo khi truyền đạt bằng lời nói. Đó là nguyên tắc hợp thời hay nói lời đúng lúc cần thiết. Nguyên tắc này cần kết hợp áp dụng với tất cả mọi học giới liên quan đến lời nói. Chúng ta cần phải nói vào lúc thích hợp.

Chẳng hạn, có thể là không thích hợp khi buột miệng nói ra một điều gì đó, kể cả đó là một điều hoàn toàn đúng sự thật. Thời điểm nói ra điều đó có thể không đúng, khiến điều nói ra có thể gây hại hoặc tạo nên đau khổ. Hoặc khi một ai đó đang có cảm giác tự mãn, sẽ là không thích hợp để đưa ra một lời khen. Hoặc khi hai người đang ở đỉnh cao căng thẳng của một cuộc cãi vã kịch liệt, những cố gắng hoà giải quá sớm có thể sẽ là không đúng chỗ. Cũng vậy, cố gắng khích lệ một ai đó vừa trải qua một mất mát đau khổ cũng không phải là hợp thời.

Điều đó không có nghĩa là chúng ta nên thiếu thành thật hay đừng quan tâm. Điều đó có nghĩa là trong tất cả mọi cố gắng truyền đạt của mình, trước hết chúng ta cần phải thể hiện sự thông cảm của mình đối với người khác. Việc giao tiếp không bao giờ xảy ra giữa hư không; chúng ta luôn luôn truyền đạt điều gì đó với một ai đó, cho dù là trong một cuộc trò chuyện, một buổi diễn thuyết, hay một bài viết. Luôn luôn phải có khán thính giả hay độc giả. Nếu không sẽ không có sự giao tiếp. Để thông cảm với người khác, chúng ta phải nhận biết về họ.

Một số những hình thức truyền đạt có thể không giúp cho việc nhận thức nhiều bằng những hình thức khác. Chẳng hạn, đôi khi một người có thể sử dụng thư điện tử một cách quá vội vã khiến bức thư đó tạo nên một thông điệp vô tình hay thiếu suy nghĩ mà người ấy không kịp nhận ra. Cũng vậy, việc trò chuyện qua điện thoại là điều khó khăn vì chúng ta không nhận biết hết những biểu cảm từ nét mặt và ngôn ngữ cử chỉ của người ở đầu dây bên kia. Mọi cuộc trao đổi quan trọng hoặc đầy cảm xúc, tốt nhất không nên cố gắng tiến hành qua điện thoại.

Bất kể chúng ta đang sử dụng phương thức nào để truyền đạt, chúng ta đều cần đưa vào càng nhiều nhận thức về người khác hay khán thính độc giả của mình càng tốt. Việc nhận thức trong lúc truyền đạt chính là việc lắng nghe. Điều này có vẻ là rất hiển nhiên, nhưng lại không phải là một thói quen phổ biến. Đó là lý do tại sao, mặc dù có cả những dòng thác ngôn từ vây quanh chúng ta, thực sự vẫn có rất ít sự giao tiếp. Lắng nghe chính là một nửa còn lại của việc giao tiếp. Thật vậy, nếu không có nhận thức đến từ việc lắng nghe một cách thích hợp, những gì mà chúng ta nói lên hay viết ra sẽ có rất ít giá trị giao tiếp.

Hiển nhiên, việc lắng nghe có nghĩa là có sự chú ý đến nội dung những gì người khác đang nói, nhưng nó cũng còn có nghĩa là có sự chú ý đến giọng nói, đến không khí xúc cảm, đến sự biểu hiện của nét mặt, đến ngôn ngữ cử chỉ của người khác, và ngay cả đến những phản ứng xúc cảm của chính mình. Nếu chúng ta biết lắng nghe như vậy, bấy giờ cuộc trò chuyện của chúng ta mới có thể tiến sâu,

trở nên có ý nghĩa thực, và mang lại sự hài lòng hoàn toàn cho cả hai phía. Nếu không, cuộc trò chuyện có thể trở nên nhạt nhẽo, vô vị.

Và tất nhiên, nhờ lắng nghe, chúng ta đạt được sự thông cảm để có được sự thích hợp trong việc truyền đạt về phần mình, chúng ta nói ra những lời đúng lúc, hợp thời.

Cùng với việc nhận thức về người khác bằng cách lắng nghe họ, chúng ta cũng cần nhận thức về hoàn cảnh và môi trường. Chẳng hạn, với một người đang hết sức buồn khổ, sẽ chẳng thích hợp khi hện trò chuyện với người ấy ở một quán nước ồn ào. Hoặc nếu ngẫu nhiên chúng ta đang trò chuyện trong một quán nước ồn ào hay một nơi nào tương tự như vậy mà có điều gì bất ngờ xảy đến trong câu chuyện đòi hỏi phải có sự chú tâm hơn, tốt nhất là chúng ta nên rời đi nơi khác hơn là cứ để cho việc giao tiếp trở nên vấp vả hơn mà chẳng mang lại lợi ích gì vì phải chống chọi với những điều làm xao lãng và ngắt quãng.

Để lắng nghe, chúng ta cần sự yên tĩnh. Trong việc giao tiếp, sự lặng yên cũng quan trọng như việc trình bày bằng lời nói. Trong lúc lặng yên, chúng ta tìm được không gian để cho sự nhận thức xuất hiện, giúp cho lời nói của ta thích hợp hơn, và nhờ thế mà thiện xảo hơn. Sự yên lặng là mảnh đất màu mỡ ở đó chúng ta nuôi dưỡng những lời nói thích hợp. Và không chỉ cái lưỡi của chúng ta cần phải rơi vào im



lặng, mà ngay cả những toan tính và những điều huyền diệu trong tâm trí của ta cũng phải dừng bật. Đôi khi người ta có vẻ lắng nghe, có vẻ lặng yên, nhưng trong suốt thời gian ấy họ không ngớt cân nhắc, nghĩ ngợi về những lời cần đáp trả. Khi cả hai người trò chuyện với nhau theo cung cách ấy thì có rất ít đối thoại mà chỉ là sự độc thoại của hai người. Sự im lặng đó thể gây nên cảm giác bức bối vì trong lúc im lặng có chúng ta trở nên nhận thức rõ về tình cảm, và nhiều người cảm thấy không thoải mái về những tình cảm của họ, cho dù đó là yêu hay ghét, giận dữ hay khao khát. Thế nhưng chính vì lý do đó mà sự yên lặng lại là mảnh đất màu mỡ cho việc phát triển sự tự biết mình; và sự tự biết mình ấy có thể giúp chúng ta nhận thức rõ hơn về người khác, thấu cảm hơn và thích hợp hơn trong việc chọn lời mà nói. ■

Nguyên tác: *A Word In Time*, Ratnaghosa.

Tác giả: Ratnaghosa là một Luận sư tại London Buddhist Centre, một chi nhánh của Friends of the Western Buddhist Order. Ông là người gốc Ái Nhĩ Lan, là chuyên viên kế toán trước khi quy y Phật pháp với một vị Tăng người Tích Lan tại Đức. Ông đã phụ trách vai trò Chủ tịch Hội đồng quản trị London Buddhist Centre từ năm 1994 đến năm 2003.

Nguồn: <http://ratnaghosa.fwbo.net/wordone.html>.

Ngôi chùa niệm Phật

NHỤY NGUYỄN

Mỗi lần về phố cổ Bao Vinh thăm chùa Thiên Giang, tôi luôn có cảm tưởng như được trở về mái nhà xưa thân thương nghỉ tạm để tiếp thêm nghị lực hướng về cõi Tịnh.

Chùa Thiên Giang được xem như dấu son trên hình hài phố cổ. Cuộc bộ dọc phố cổ, lội vào chợ rồi trở ra trước bến đò ngang cũ nay chỉ còn trong ký ức của mấy người già luôn ngồi sâu trong những ngôi nhà rường cổ kính. Những ngôi nhà ngủ sớm. Hơn chín giờ phố đã vắng; còn chẳng là mấy người đàn ông sau khóa niệm Phật ở lại nhâm nhi tách trà, nói chuyện đạo pháp. Ngày chưa có cầu, người dân làng Hải Dương cách mười lăm cây số, khổ hơn là lội hụi qua đò Ca Cút, mưa gió cũng đến bằng được ngôi chùa đặc biệt này niệm Phật đều đặn.

Câu đối ghi trên một trụ biểu chùa:

Nam hải liên hoa cửu phẩm hương

Tây phương lục trúc thiên niên thúy.

Tây phương là cõi Cực lạc lại gần với *lục trúc* (loài cây ở cõi trần). Còn *Nam hải* (ngụ ý Ta-bà) lại gần với *liên hoa* ("quốc hoa" ở Tịnh độ). Câu đối có thể hiểu theo hướng khác, song thiết nghĩ tác giả muốn gửi gắm cái triết lý: cõi Phật và cõi Trần đều "phàm thánh đồng cư", khác ở tâm người tịnh hay nhiễm. Một vị tổ sư thí dụ sâu sắc: trắng tượng trưng cho Phật và Pháp, Tầm tượng trưng cho nước. Hễ đâu có nước sẽ hiện trắng. Nhưng nếu tâm vọng động (nước ấy không trong lặng), trắng ngấp nhóa mờ nhòa. Tâm càng trong trắng càng hiện rõ.

Thiên Giang tự nguyên là một thảo am. Rồi thành chùa làng. Dấu hiệu rõ nhất ở việc vừa thờ Phật (bức hoành bên phải từ trong chùa nhìn ra: *Từ hàng tế độ*) vừa thờ những con người phi phàm hoặc có công với nước (thể hiện qua bức hoành bên trái *Thiên cổ vĩ nhân*). Vóc dáng Thiên Giang tự mang kiến trúc thời Lý Trần. Trong chùa còn bức tượng Phật bằng đất nung với khuôn mặt rất thuần Việt. Bên phải chùa có miếu Thành hoàng, bên trái là miếu Âm linh.

Tích truyền, một ngày vua Tự Đức dong thuyền rong chơi, gặp mưa nên ghé chùa trú, và đặt tên chùa

là Thiên Giang. Điều này có lý bởi thời vua chúa, nếu không là bậc đế vương mấy ai dám đặt tên sự vật gắn với chữ "Thiên". Ba chữ "Thiên Giang tự" được khắc nổi ở chuông. Chuông không lớn, âm thanh trong và vang. Một số người cao tuổi vẫn truyền lại câu chuyện, rằng chuông do thứ phi của vua Quang Trung là bà Lê Hữu Tí dâng tặng. Gặp cảnh vua Gia Long quét sạch những gì còn vương lại từ tiền triều, chuông được dân làng chôn giấu, mãi sau này mới đào lên...

Có lẽ người dân quá quý trọng vị anh hùng áo vải nên phần nào thù dật, chứ thực ra trên chuông ghi rõ "Gia Long nhị niên, trọng thu nguyệt, nhị thập tam nhật" (Gia Long năm thứ 2 [1803], ngày 23 tháng trọng thu", và còn khắc tên một số công tử nữa).

Chùa quay mặt về hướng Đông. Vào sáng có cây bồ-đề và cây sứ đỏ tỏa bóng xanh mát. Chiều về gió từ mặt sông lùa vào, mặt trời lấp lóa từ phía sau tạo nên một không gian trầm lặng yên bình. Chùa gần chợ mà không đông, không nhiễm "văn minh" chợ. Dân quanh đây nhiều người hướng Phật, ý tứ giữ gìn nên qua bao nhiêu năm chùa "vẫn thế". Cuộc sống có thể phát triển, từ cơ sở hạ tầng đến văn hóa lai Tây Tàu nhưng lối tu tập của người Phật tử vẫn cứ tối lại có vài ba chục người đủ giai tầng đến chùa niệm "Nam-mô A-di-đà Phật". Trí thức có, tiểu thương, người khuyết tật có, đến chùa không phân biệt giàu nghèo; gần xa đều gắng nhiếp tâm.

Văn bản của làng ghi rõ: Chỉ mở cửa chùa niệm Phật. Điều này cũng gần giống với tinh thần của Ấn tổ Tịnh độ tông: đạo tràng khoảng vài chục người, mỗi một việc niệm Phật cầu sanh Cực lạc; tứ chúng cúng dường thì dùng tiền đó in kinh sách. Vào ngày vía Phật A-di-đà, có hành giả Việt kiều gửi tiền, áo quần giúp con em học sinh của Gia đình Phật tử. Người trong đạo tràng đặt lệ "hũ gạo tiết kiệm", cuối tháng góp chung tại chùa hỗ trợ người nghèo. Bên cạnh chút ít vật chất, điều quan trọng là hàng ngày mỗi người Phật tử đều nhớ đến người nghèo hơn mình; mỗi lần sốt ruột nắm gạo chính là khơi dậy lòng từ bi sâu thẳm.

Khi sương còn giăng phủ, người ngủ ở chùa đánh chuông lúc chuyển đò ngang đầu tiên vừa cập bến. Ai cũng có thể ghé chùa, chánh niệm uống trà ngắm về

cõi đời ngắn ngủi trước vũ trụ bao la. Một đêm trăng treo trước cửa chùa, mấy người sau thời khóa công phu quây lại bên hiên chánh điện luận bàn đạo pháp. Ông trưởng ban hộ tự ngoài tám mươi vẫn bảo nếu có ốm đau cũng gắng đến chùa niệm Phật. Làm gợi nhớ đến Ni sư Đạo Chứng, nguyện thà lễ Phật mà chết còn hơn chết ở trên giường.

Hơn mười năm trước chùa Thiên Giang đóng cửa thường niên ngoại trừ dịp tế miếu Âm linh và Thành hoàng làng (hai ngôi miếu nhỏ nối ngay cạnh chùa theo tín ngưỡng dân gian xưa). Một số cư sĩ nhiệt tâm đã vận động làng cho mở cửa chùa khuyến chúng tu tập. Biên bản được ký giữa ba bên gồm Ban Hộ tự, Ban Quản lý làng và chính quyền xã; có những điều khá quan trọng như: không điệp sớ, không xem ngày bói toán, không đốt giấy tiền vàng mã. Từ chục năm nay chuyện đó không một lần xảy ra. Nhiều nhà hảo tâm cúng dường cái này cái khác muốn được đốt vàng mã, đã bị từ chối. Đây là điều kiện căn cốt, nhờ đó phá được nạn mê tín dị đoan, cầu phước mua may. Chùa lâu ngày đóng cửa, không gian ẩm thấp bề bộn, dơ vơ số ẩn cư trong chánh điện, bên ngoài thì cỏ mọc um tùm. Thời gian đầu sợ người vô ra có thể bị rắn cắn, Ban Hộ tự thay nhau đến làm cỏ mỗi mới xong; rồi dựng lại tường rào. Sau này được thân nhân các thành viên trong đạo tràng hỗ trợ, chùa xây hậu liêu, thuận tiện cho phục vụ khách khứa vào dịp lễ trọng. Tiếp đến có người cúng tôn tượng Quán Thế Âm Bồ-tát khiến bộ mặt chùa khang trang hơn.

Đa phần Phật tử mỗi lúc vào chùa đều lễ Bồ-tát như một bà mẹ nhân từ luôn chở che những chúng sanh một lòng hướng Phật lúc hoạn nạn. Chùa đêm nào cũng niệm Phật, kể cả tối giao thừa. Ban Hộ tự hầu hết đều có thể thỉnh chuông, đưa mõ. Có dạo họ còn thay nhau đánh chuông u minh lúc 4 giờ sáng. Có người dẫn đường xa, lạnh lùng rét mướt vẫn kiên nhẫn đến chùa, vì họ biết một khi tiếng chuông vang lên cùng với câu Phật hiệu, biết bao nhiêu chúng sanh chờ nương vào giảm bớt nỗi khổ trần lao. Tầm 3 giờ sáng đã có người tới nấu nước chế trà, nhấp ly trà cho tỉnh táo rồi vào thời khóa. Tiếng chuông hòa cùng tiếng mõ âm vang cho đến lúc mờ sáng, hiện rõ chuyển đồ ngang đầu tiên, rồi mặt trời loang trên sông phố cổ; mùa thu thì khói sóng phủ mờ u huyền tịch tĩnh.

Ban Hộ tự thấu hiểu pháp môn Tịnh độ vi diệu, chung ý nguyện với làng: chỉ mở cửa chùa niệm Phật, ngoài ra không tu xen tạp gì thêm. Chuyên *tinh* mới có *tấn*. Tin Phật, niệm Phật là nguyên cơ duy nhất để đạo tràng tồn tại. Chùa chưa nghĩ tới nào. Có chăng những hôm đám tang mời trợ niệm, mọi người đến thẳng nhà đám niệm Phật, thời gian cũng tương đương với khóa ở chùa. Lễ khá đơn giản trong đêm mười phút, toàn bộ thời gian dành niệm Phật. Xem đây là dịp gieo duyên lành, trợ giúp tang gia, song trước hết là giúp mình.



Ban Hộ tự không nhận lễ vật từ khổ chủ. Với tám lòng thành, cầu mong hương linh sớm cảnh tỉnh hướng cõi thiện, những người đến hộ niệm tinh tấn niệm Phật có khi còn nhất tâm hơn ở chùa. Vào các ngày lễ lớn, Ban Hộ tự cùng nhau dựng đài sen, trang trí từ trong chùa ra ngoài khuôn viên, tăng tín tâm với những ai đến chùa. Lễ Vu-lan Báo hiếu có năm được sự cúng dường của những đạo hữu, chùa tổ chức phóng sanh, thuê thuyền rồng đưa đạo tràng từ bến đò Bao Vinh ngược lên Ngã ba Sinh; trên dọc hành trình vẫn có thời khóa niệm Phật gần một giờ râm ran cả lòng sông, rồi thả hoa đăng, cầu nguyện bình an, kết thúc bằng lời ca Phật hiệu về đến ngôi Tam bảo.

Bắt đầu từ tháng 9 âm lịch năm 2013, chùa ấn định ngày vía Phật Di-đà (17 tháng 11 ÂL) mời quý Phật tử mọi nơi cùng về niệm Phật trọn ngày. Ý tưởng xuất phát từ đôi vợ chồng; họ cúng dường suất ăn trưa cho mọi người đến dự khóa. Buổi sáng 8 giờ là bắt đầu thời thứ nhất khoảng một tiếng, thời thứ hai ít hơn, rồi dùng bữa, nghỉ ngơi; 1 giờ đến 3 giờ 30 thêm hai thời nữa, là kết thúc *ngày chuyên niệm Nam-mô A-di-đà Phật*. Buổi tối vẫn như thường lệ; như vậy để nhớ ân Đức Từ Phụ cõi nước Cực lạc, ngày 17 hàng tháng có 5 thời niệm Phật. Người sát vách chùa đi bộ sang, người ở xa được con cháu chở đến, ai không có phương tiện thì bỏ tiền thuê xe thổ, người nghèo hơn lợ mọ cước bộ, đường xa thậm chí chưa kịp ăn cơm tối. Phật tử từ làng Hải Dương cách chùa mười lăm cây số mười người góp tiền thuê xe ô-tô cùng lên. Một số người khác bỏ công sức chạy xe tới chùa niệm Phật vào các ngày rằm, mồng một. Những đêm rét mướt, trong làng cùng lúc có nhiều đám, đạo tràng cần nhân lực, người ở xa không quản khổ lên chùa lo Phật sự, lúc về lấm lũi khuya khoắt đường mưa trơn trượt, cứ một lòng nắm vững câu Phật hiệu mà đi... ■



Đất phương Nam ngày cũ

Mùa bông dừa nước

TRẦN BẢO ĐỊNH

1 Tướng Tôn Thất Hòa dừng quân giữa đôi bờ Bắc-Nam của hai con sông Hàm Luông và Cổ Chiên lúc trời về chiều. Để phòng ngừa quân Tây Sơn từ Long Hồ có thể bất thành linh tấn công, ông chọn Chợ Lách làm mũi tên, Cái Mơn làm hòn đạn, hòng tạm thời giữ an nguy cho Mục vương Nguyễn Phước Dương đang ngự ở Ba Vát.

Khuya chưa tàn canh!

Đêm Ba Vát dật dờ theo tiếng lá dừa nước xạc xào. Mục vương ngồi chong đèn bên án thư trong căn chòi dựng gập gáp ở bến Hàm Luông. Có lẽ ông đang ôn lại những gì đã xảy ra; và ông thấy những chuyện đã xảy ra thật tàn khốc trong dòng tộc Nguyễn. Võ vương Nguyễn Phước Khoát mất, quyền thần Trương Phúc Loan đối di chiếu, tùy tiện tôn Nguyễn Phước Thuần là con thứ 16 của Võ vương lên làm chúa đời thứ 9¹. Bấy giờ Nguyễn Phước Thuần mới mười hai tuổi. Trương Phúc Loan nắm trọn quyền hành. Kỷ cương phép nước nát bởi loạn thần, dân đói khổ lắm than bởi bọn *tham quan ô lại*, và lẫn hối lòng người ly tán, chẳng còn biết tin cậy vào ai. Tây Sơn nổi dậy hợp *thiên thời, địa lợi, nhân hòa*. Rồi quân Trịnh vây hãm Phú Xuân. Nửa đêm,

vương cùng chú là Định vương Nguyễn Phước Thuần² rời kinh thành trốn chạy; thế rồi chú lặng lẽ dong buồm vô Gia Định, bỏ cháu ở lại Quảng Nam.

"Bẩm Vương! Thiên nhiên ban tặng cá tôm, dân chúng chung lo lúa gạo; việc ăn để sống thần không lo, chỉ lo dù có sống để ăn cũng không ăn nổi, vì đạo nầy, giặc Huệ đã chuyển quân hàn bát cả bốn mặt sông; quan binh dưới trướng của thần lòng rúng động; và hầu như ai nấy cũng đều muốn giải binh".

Chương cơ Thiêm bất chấp phép tắc, ý tứ sòng báo nội tình quân cơ cho Mục vương nắm bắt lúc nửa đêm.

Vương tì tay chống cằm, ngồi bất động: *"Chả lẽ, dòng tộc chúa Nguyễn tới đời ta là chấm hết!"*

Kể từ ngày rút lui từ Trà Lọt³ theo Chương cơ Thiêm lui về Ba Vát lòng ông đã không yên. Khê khàng Mục vương đứng dậy, hỏi Chương cơ Thiêm: *"Tổng Phước Hậu còn giữ được phòng tuyến Mỹ Lăng không?"*

Chương cơ Thiêm buồn bã đáp: *"Bẩm vương! Quân Tây Sơn đã chọc thủng phòng tuyến đó vào đầu giờ chiều hôm qua. Và... và..."*

Hựu tướng quân đã đến xong nợ chúa!"

Mục vương thở dài! Ông nắm bàn tay phải lại, giờ

lên đấm vào lòng bàn tay trái vừa xòe ra, đúng lúc tiếng gà Ba Vát gáy rộ sọc; chẳng rõ vì ông giận quân thù hay ông giận mình không giữ nổi cơ nghiệp!

* * *

Bốn dòng sông Mỹ Tho, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên đã bồi lắng phù sa tạo thành miền châu thổ trù phú cho ba cù lao Minh, Bảo và An Hóa. Đất Ba Vát thuộc cù lao Minh; và nơi đây có một thời vừa là phố thị vừa là cảng thị sầm uất nhất vùng. Mục vương chọn Ba Vát làm cứ địa chống Tây Sơn có lẽ do hậu cần đảm bảo; và hơn thế, địa hình hiểm trở được bao bọc bởi những rừng dừa nước bạt ngàn che chắn.

Vương từng chiêm nghiệm về loài cây thô mộc này nếu không muốn nói là quê mùa, nhưng nó sống trọn nghĩa chí tình và hữu dụng. Dân binh chằm lá dừa nước lợp doanh trại đồn Ba Vát, đan rổ rá dùng làm vật dụng hàng ngày cho quân sĩ. Cây cỏ còn có ích cho người, ta đường đường một Tân Chánh vương mà chẳng có ích cho ai; có khi còn làm hại, gây *đổ thán sinh linh*!

Mưa lâm thâm trên tường đồn đất. Vương động viên, dặn dò Chương cơ Thiêm cố giữ cho kỳ được mặt trận Hương Đồi và còn gì đi nữa thì sẽ tính. Trời sáng hoắc, Chương cơ Thiêm lẩm lũi bằng mình trong mưa. Vương ứa lệ nhìn theo bóng người bạn chinh chiến; chẳng biết ngày mai người trung thần ấy có trở về!

“Bẩm vương! Nội tả Nguyễn Mẫn vừa qua đời sau một cơn bạo bệnh”.

Nét mặt buồn xo, danh y trình tấu lên Mục vương. Mưa càng lúc càng nặng hạt, Ba Vát mây đen kịt, mù trời.

Mấy hôm sau, Mục vương lại bàng hoàng nhận tin dữ; Quận công Tôn Thất Chất đương khỏe mạnh bỗng ngã lăn ra chết. Tới nước này, ông chẳng còn hơi sức để khóc. *“Bước đường cùng rồi chăng?”*, Mục vương tự nghĩ và không lời đáp. Người hầu dâng cơm, ông chẳng buồn ăn. Vương lên vọng đài, bốn phương chìm trong màn mưa và rừng dừa nước bọc quanh thành, quần mình theo từng cơn lốc gió đồng bằng.

2

*Mầm trước, đước sau, tràm theo sát
Sau hàng dừa nước mái nhà ai!*

(Câu hò)

Trên dòng sông Ba Vát, những đêm trăng thu vào mùa, Mục vương nhớ sông Hương thời thơ ấu, nhớ câu hò Huế giọng *Mái nhì* lúc trằm lúc bổng làm xao xuyến lòng người, da diết đêm thâu. *“Sau hàng dừa nước mái nhà ai!”*, hình như lúc này, ông muốn làm dân hơn làm vương! Tận đáy tâm hồn, Mục vương mơ ngày trở lại Phú Xuân và được ngủ một đêm dưới *mái nhà xưa*, trong hơi thở của từng thớ đất Thuận Hóa.

Mục vương hiểu, với đồn Ba Vát tường đất, mái lá dừa nước... thì mảnh đất này chẳng thể nào chịu nổi sức công phá của quân Tây Sơn từ bốn phía. Vấn đề chỉ

là thời gian. Chú của Mục vương là Thái thượng vương Nguyễn Phúc Thuần đang phiêu giạt ở Long Xuyên. Hai cánh quân chú cháu chẳng những không thể phối hợp nhau mà còn phân rã. Sự phân rã đó không phải bây giờ mới xảy ra, mà nó bùng phát ngay sau khi Võ vương mất. Rồi, trong cuộc bốn tẩu vào đất Gia Định, chú cháu tiếp tục hục hặc nhau khiến lòng quân ly tán. Chú có phe Đỗ Thành Nhân, cháu có phe Lý Tài. Dân Gia Định mỉm cười giữa tình thế chú cháu đang trong *cảnh dầu sôi lửa bỏng*.

Người xưa nói: *“Bó dừa khó bẻ gãy”*, dòng tộc chúa Nguyễn đang không là bó dừa; Tây Sơn thủ lợi.

Mầm, đước, tràm... chắn sóng gió biển giữ đất bãi bồi. Cây dừa nước giữ nước chở phù sa bồi đất. Nó bám nước để giữ sinh mạng và bám nước để cho đời hương hoa, cho người nghèo khó có mái nhà che mưa che nắng. Vương ngậm ngùi phát hiện rằng trên thế gian không có giống cây nào bì kịp sự bao dung và đoàn kết như cây dừa nước. Rễ nó cắm sâu vào lòng đất, thân che chắn và ken san sát nhau không chừa khe trống để con sóng có cơ hội đánh rã hàng cây. Vương tặc lưỡi thở dài: *“Nhà Nguyễn ta, không được như vậy”*.

Vương vạch kế hoạch và truyền lệnh lão tướng Tống Phước Hòa âm thầm chuẩn bị cuộc vượt thoát ra Bình Thuận cầu cứu Đại tướng quân Châu Văn Tiếp.

Cơ mưu chưa kịp thực hiện thì quân thủy bộ Tây Sơn ùn ùn kéo đến vây kín bốn mặt sông⁴. Ba Vát lúc đó là lý sở hành chánh của huyện Tân An, về sau là huyện Mỏ Cày. Tình thế bấy giờ rất ngặt nghèo, tiến thoái lưỡng nan. Vương bối rối.

- Bẩm vương! Chớ lo, thần xin đem hết sức bình sinh chống giặc.

Người tướng già Tống Phước Hòa nói với vương lời chắc cứng. Có phần nào vương an lòng.

Quân Tây Sơn mạn Cái Mơn và phía sườn Bắc sông Hàm Luông bị thủy binh Tống Phước Hòa đẩy giạt ra mấy bận. Duy chỉ mặt trận sông Cái Cấm thì quân Tân Chánh vương thúc thủ.

Quân Tây Sơn bẻ *mũi tên* Chợ Lách, cắt đứt dây cung lìa *hòn đạn* Cái Mơn. Lão tướng Tống Phước Hòa bị cô lập và mất liên lạc với Tân Chánh vương ở đồn Ba Vát.

“Vận mạng Tân Chánh vương nằm trong bức mật thư này. Ta hoàn toàn tin cụ”.

Vị lão tướng thi lễ tạ ơn cụ Thủ, người có uy tín nhất trong làng Vĩnh Thành và rành đường đi nước bước xuống Ba Vát. Tránh tai mắt quân Tây Sơn, cụ Thủ vo tròn bức mật thư đứt vỏ ruột cây sào tre; rồi ngay trong đêm, cụ cùng con gái chèo xuồng chở mấy chục quây dừa nước xuống chợ Ba Vát giao mỗi bận hàng.

* * *

Thực hiện lời dặn của lão tướng họ Tống, Tân Chánh vương tin dùng cụ Thủ và làm theo kế sách *lấy ít địch nhiều*. Tân Chánh vương bản khoản hỏi cụ Thủ: *“Tình*



thế của ta bây giờ có khác chi chỉ mảnh treo chuông, làm sao lấy ít địch nhiều?”

Cụ Thử bầm với vương rằng: “Thời Tam Quốc, có ba trận áp dụng chiến thuật lấy ít địch nhiều và đã thành công. Đó là trận Quan Độ xảy ra giữa 7 vạn quân của Tào Tháo đối địch 70 vạn quân của Viên Thiệu vào mùa xuân năm 200; trận Xích Bích xảy ra giữa 50.000 quân của liên quân Tôn-Lưu đối địch với trên 200.000 quân của Tào Tháo vào mùa Đông năm 208; trận bến đò Tiều Giao, tướng Trương Liêu chỉ có 800 quân vậy mà đã đẩy lui gần 100.000 quân của Tôn Quyền vào mùa thu năm 215”.

Mắt Tân Chánh vương ánh lên tia hy vọng. Cụ Thử bày vương phân tán lực lượng thành từng nhóm nhỏ, dựa địa hình Ba Vát sông rạch chằng chịt lập chốt điểm chiến đấu; dù Tây Sơn có binh hùng tướng mạnh cũng khó bề mở trận địa đánh dứt điểm.

Tùy con nước, cụ Thử cùng con gái đi đi về về buôn bán dừa nước quày; riết rồi các trạm gác của quân Tây Sơn quen mặt nên việc đi lại của cha con cụ có phần dễ dãi.

Một hôm, vương mời cụ dùng trà đàm đạo việc quân. Cụ nói: “Bẩm vương! Vương có biết tại sao thân cây dừa nước mọc ngang lòng đất, còn lá và cuống bông thì ngoi lên khỏi mặt nước?”

Bầy chim sáo nhảy nhót trước sân đồn, vương lúng túng. Cụ Thử dâng trà mời vương, rồi từ tốn nói: “Cây dừa nước mọc ngang lòng đất là cốt cho thân vững chắc, thân có vững chắc mới giữ được nước chặn sóng đánh sạt lở đất; và đồng thời tạo điều kiện cho hương sắc bông dừa nước lan tỏa, từ tháng Tám tới tháng Mười âm lịch hàng năm”.

Rồi cụ bình thân buông tiếp: “Dân như đất. Vương như cây dừa nước. Và cây dừa nước phải biết cách mọc ngang lòng đất thì họa may mới có thể tồn tại trước những cơn sóng dữ”.

Thấm thía biết bao lời nói của cụ Thử. Vương hiểu rằng: “Từng trái dừa nước liên kết lại và quấn quít nhau thành hình quả cầu, người đời thường gọi là quày dừa”.

Wương nắm bàn tay lam lũ, khô nứt của cụ rồi nói: “Nghe lời cụ dạy, ta như mở tấm lòng. Mai nay, ta biết chung lưng cùng dân thì lo gì không có ngày quay lại Phú Xuân!”

3 Tư Noãn⁵ - tên gọi chúa Nguyễn Phước Ánh thời còn nhỏ - kết thân nhiều bạn đồng trang lứa con dân trong vùng Ba Vát; và cũng từ đó, chúng bạn tập Tư Noãn bơi lội, chỉ Tư Noãn leo trèo dừa cạn, lại còn bày vẽ cho Tư Noãn chèo xuồng giỗ giang chẳng khác người tại chỗ. Chưa bao giờ Tư Noãn sống theo cung cách của một công tử được sinh ở phủ chúa. Có lẽ bao biến động thời cuộc đã hun đúc, rèn luyện để chàng thiếu niên có một tư chất gần dân, thương người với một nghị lực phi thường và can trường trong sinh tử. Tuổi thơ Tư Noãn chứng kiến những cơn địa chấn tinh thần rất tang thương: Năm ba tuổi, cha Nguyễn Phước Luân chết trong ngục; năm chín tuổi, khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ ở Quy Nhơn; năm mười ba tuổi, vượt đèo Hải Vân chạy trốn vô Quảng Nam và cuối cùng, lưu lạc đất Gia Định.

Nơi xứ lạ quê người, chàng thiếu niên đó không nương nhờ ở chú Nguyễn Phước Thuần hoặc em con nhà chú Nguyễn Phước Dương mà đến với quân Đông Sơn trú đất Ba Giồng. Khi quân Tây Sơn đánh Gia Định, truy cùng diệt tận, thì chú chạy đường chú, cháu chạy đường cháu. Tư Noãn không chạy theo chú Nguyễn Phước Thuần về Long Xuyên mà chạy cùng em Nguyễn Phước Dương xuống Vĩnh Long.

Vào đầu trăng, con nước nhảy khỏi bờ làm cảnh vật tươi mát, nhưng lòng người Ba Vát gánh nỗi điều linh do cuộc chiến giữa chúa Nguyễn và Tây Sơn. Đã gần

bốn tháng Tây Sơn vây hãm đồn Ba Vát, cảng thị và phố xá một thời phồn thịnh, nay lần hồi điêu tàn, dân tình ngao ngán. Tây Sơn thêm quân, quyết đánh sập chiến thuật *lấy ít địch nhiều* của Tân Chánh vương. Phòng tuyến Hương Đồi vỡ từ cuối tháng Bảy, toàn bộ áp lực của Tây Sơn lúc bấy giờ đè nặng lên đồn Ba Vát. Lương thực trong đồn mỗi ngày một cạn kiệt, tử sĩ và thương binh ở hoàn cảnh ngặt nghèo này đã khiến mùi xú ối lẫn tiếng than khóc dậy trời, rung đất.

Vương biết dân binh đang rã rời; và mình thì cũng đang tới hồi đuối sức. *Tử thủ*, hai tiếng đó cứ chờn vờn trong đầu của vương. Nhưng, với sức cùng lực kiệt, tử thủ thì đồn vẫn mất, máu sẽ chảy thành sông; và nếu có được, ta được tiếng để đời *thành tan tướng mất* nhưng đánh đổi biết bao xương cốt dân binh nằm dưới gót chân ta! Ta không thể!

Rằm tháng Bảy mưa ngâu sụt sùi về cố xứ, những sợi tơ vàng lắt lắt sáng mặt sông Ba Vát, một chi lưu sông Hàm Luông. Vương thấp nhang vái bốn phương và lạy liệt tổ liệt tông. Vương quyết định tự bẻ gãy thanh kiếm chinh chiến để chấm dứt binh đao trên xứ Ba Vát⁶.

* * *

Mọi ngã đường thủy bộ dẫn tới đồn Ba Vát đều bị quân Tây Sơn kiểm soát gắt gao. Tình thế cấp bách, lão Thủ phải đưa Tư Noãn rời khỏi Ba Vát trước lúc trời tảng sáng. Lão hối con gái tát nước xuống. Tư Noãn vã mồ hôi phụ chất ba thứ bánh kẹo, đường đậu linh tinh chẳng khác người trong gia đình đi chợ Ba Vát bỏ hàng hóa mua bán. Con gái lão chèo lái, Tư Noãn chèo mũi và lão cẩn thận dặn Tư Noãn nhớ kêu lão bằng ông nội.

Xuống vừa bo cua ra vàm định chèo về hướng đình Khao, quân Tây Sơn chốt chặn buộc xuống quay vô trạm xét.

“Em nè!”

Con gái lão cất tiếng, nhưng chẳng nghe tiếng cười giòn chọc ghẹo đáp lại như thường khi của đám lính Tây Sơn canh gác trạm.

Chột dạ, con gái lão nói lớn: “*Xuống em chờ dừa nước quày đem bán chợ Ba Vát, bộ các anh quên sao?*”

Không gian im ắng trong bầu không khí nghiêm trọng.

“*Lão! Thăng nhỏ nầy con nhà ai, ở đâu?*”, viên đội lạnh lùng hỏi.

“*Dạ! Bẩm quan, nó cháu nội và ở chung nhà với tía con tui*”, lão Thủ trả lời rành rọt.

“*Sao lâu nay thăng nhỏ không đi buôn bán với lão?*”

“*Dạ! Bẩm quan, cháu nó mắc đi đồn dừa nước quày, trèo dừa cạn lật trái*”.

Viên đội quát sắc lẹm: “*Thăng nhỏ, bước lên biếu!*”

Noãn rất thông thạo, bình tĩnh cầm sào không có động tác thừa; cậu chậm rãi bước lên cầu trạm.

Viên đội mở mắt cú vọ.

“*Ngửa bàn tay ta coi!*”

“*Lật bàn chân ta xem!*”

Thình lình, y chộp vai thăng nhỏ. Noãn đứng im chịu trận, không phản xạ.

Viên đội gốc người Tam Quan, quê hằn dừa thành rừng bạt ngàn chẳng thua gì xứ Ba Vát, hồi nhỏ hẳn cũng từng cơ cực trèo dừa hái mướn. Nhìn bàn tay, ngó bàn chân chai sạm của Tư Noãn, viên đội biết thăng nhỏ thuộc dân trèo dừa, nghĩa là dân gốc gác địa phương. Bởi, con cháu, dòng tộc Tân Chánh vương mần chi tay chân thô kệch vậy. Và lại, bị chộp vai cực mạnh bất ngờ, thăng nhỏ không phản xạ, nghĩa là nó không biết võ.

Đột nhiên, nét mặt viên đội thôi căng thẳng, da mặt dần dần dãn ra và hần cười giả lả: “*Thăng nhỏ! Đưa nội xuống xuống, cùng chèo với cô về nhà cho kịp con nước*”.

Tư Noãn lễ phép chào viên đội, rồi nhún chun đầy sào quay xuống rời bến. Viên đội nói nhóng theo: “*Cô Hai, đừng buồn nha!*”.

4 Ba Vát, mùa bông dừa nước trở!

Bông dừa nước trở *mắt tròn mắt đẹp* thành chùm, màu vàng nghệ tươi, hương nhè nhẹ giấu kín thơm tho nên bướm ong ít khi để ý.

Ngửa mặt nhìn trời ban mai, lão Thủ trầm nghĩ: “*Tư Noãn biết đâu là hiện thân bông dừa nước trở đã đạt được điều kỳ diệu nên kẻ thù không phát hiện hương thơm. Và cũng biết đâu Tây Sơn là hiện thân trái dừa nước, nhưng bụng không có nước chỉ có cơm dừa, dân gian gọi là cùi dừa. Cùi dừa không nước trở nên cứng, dù nhai bã miệng chẳng có vị, uống công dã tràng*”.

Trời tỏ dần... dù sương khói vẫn còn đeo bám là đà khắp mặt sông. Lão ngồi giữa khoang xuống vẫn thuốc hút, ngắm chàng thiếu niên Tư Noãn dày dặn phong trần, cất lực chèo nước ngược và in bóng dáng của mình lên nền trời hồng rực buổi bình minh.

Bất giác lão buông lời: “*Ngày mai, hương thơm kia sẽ là đại họa của cùi dừa!*” ■

Chú thích:

1. Năm 1558, Nguyễn Hoàng vào trấn Thuận Hóa (chúa đời thứ 1), tới Võ vương Nguyễn Phước Khoát, 1765 là chúa đời thứ 8.

2. Nguyễn Phước Dương gọi Định vương Nguyễn Phước Thuần bằng chú. Năm 1774, Định vương Nguyễn Phúc Thuần bỏ Phú Xuân. Nguyễn Phước Dương đi theo. Sau này, khi Lý Tài phò Nguyễn Phước Dương tôn ông là Tân Chánh vương thì Định vương được gọi là Thái Thượng vương.

3. Sông Hòa Khánh, Cái Bè, Tiền Giang).

4. Sông Cái Mơn, Cái Cấm, Hàm Luông, Mỏ Cày.

5. Nguyễn Ánh còn có tên khác là Nguyễn Phước Chú. Ông có 5 anh em trai, đứng ở hàng thứ tư theo cách gọi thứ của người trong Nam.

6. “... Nếu các người dung tha tính mạng cho quân dân trong đồn của ta, ta sẽ tự tới chỗ các người...” (trích Đại Nam liệt truyện tiền biên).



Lặng lẽ giữa sân trường

NGUYỄN ĐÌNH THU

Một sáng mùa hè, sân trường vương đầy nắng, gió khẽ lay làm hàng cây xao động. Âm thanh xào xạc ngỡ như tiếng thì thầm của hoa lá gọi mùa về trong nỗi nhớ. Phượng vẫn đỏ thắm như muốn nhuộm cả khoảng trời thương nhớ. Bằng lăng vẫn buồn màu tím man mác đến nao lòng. Và lặng lẽ giữa sân trường là cây xà cừ già cũng đang bắt đầu mùa trở hoa...

Xà cừ bao nhiêu tuổi rồi thầy nhỉ? Tôi tò mò nhìn vào đôi mắt xa xăm của thầy. Thầy cười đôn hậu, hiền lành. Không thể biết chính xác, nhưng từ khi thấy học khóa đầu tiên tại trường, bóng nó đã trùm một khoảng sân.

Tôi lại thắc mắc: Sao người ta biết mà đem cây xà cừ trồng ở sân trường vậy thầy? Ngắm dáng cây cổ thụ sừng sững, thầy đóng vai một hướng dẫn viên thuyết minh cạnh kể về cây xà cừ để giải đáp cho thắc mắc của tôi.

Xà cừ hay còn được gọi là cây sọ khỉ, tên khoa học là *Khaya senegalensis*, thuộc họ thực vật *Meliaceae* (Xoan).

Giống cây này thuộc loại đại mộc, có chiều cao khoảng 35m-40m. Đường kính của thân cây từ 0,8m-2m. Cây có tán lá rậm, nhiều cành xòe ra từ 10m-15m, cành non cong xuống. Lá xà cừ thuộc lá kép lông chim một lần nhẵn. Các lá mọc cách, mang từ 3-6 đôi lá chét. Các lá chét có hình xoan, dài 6cm-12cm, rộng 3cm-5cm, mép lá nguyên và bề mặt xanh nhẵn. Xà cừ có hoa nhỏ, màu trắng với 4 cánh dính nhau. Quả nang nhỏ, khi chín bung thành 4 mảnh. Vỏ cây màu xám nâu, vỏ nứt đồng tiền khoan tròn như cái sọ nên còn được gọi là cây sọ khỉ. Vốn là cây dễ trồng, xà cừ ưa ánh sáng, mọc rất nhanh, thích hợp với nhiều loại đất, trong đó có đất cát ven biển, thích nghi với điều kiện khô hạn của vùng đồi núi. Cây cho gỗ màu đỏ nhạt, rắn, thớ xoắn. Gỗ xà cừ được sử dụng để đóng tàu thuyền, làm đồ mộc gia dụng. Là cây có bộ rễ lớn, tán rộng, xà cừ có khả năng chống chịu gió bão nên cây thường được đem trồng làm cảnh quan ở công viên, cây xanh đường phố và cả ở sân trường.



Tôi rất đổi ngạc nhiên về những kiến thức mà thầy biết về loài cây này. Lặng ngắm những bông hoa màu trắng, cánh rộng, nhụy hồng tinh tế lấp ló trong vòm lá xanh biếc, tiếng ve râm ran vọng ra từ phía tán cây, tôi đoán thầy đang nhớ về những ngày xưa thân ái.

Thầy bảo, ngày xưa, thầy là một cậu bé trường làng láu cá và nghịch ngợm. Mỗi ngày đến trường, không chỉ để học mà còn để thỏa mãn thú vui dàn trận đánh nhau. Vũ khí chơi đùa thường là những cây roi bằng tre, thước gỗ. Có lần bí quá, thầy đã lén bẻ một cành xà cừ, đem tuốt hết lá để thỏa mãn trò nghịch ngợm. Không ngờ bị ban giám hiệu trường bắt được, thầy đã phải tưới cây suốt một tuần để chuộc lỗi. Mấy năm tiểu học ở trường làng qua đi, hình ảnh cây xà cừ vẫn hút khí trời và nguồn dinh dưỡng từ đất mẹ lớn lên, cũng như thầy cũng đã lớn lên bằng sự chăm sóc, yêu thương của mẹ cha, sự quan tâm dạy dỗ của thầy cô trường làng.

Bằng đi một thời gian rất dài không trở về thăm trường. Học hết cấp hai, thầy ghi tên mình vào quân

ngũ. Hơn năm năm ở chiến trường, điều mà thầy ao ước khi được bình yên trở về, ấy là được làm nghề “gõ đầu trẻ”. Đất nước đã lặng yên tiếng súng. Thầy trở thành anh thương binh hạng $\frac{3}{4}$ khi ở tuổi 25. Nổi đau về thể xác chẳng thể làm ước mơ của thầy phai nhạt. Thế là thầy lại đi học và trở thành anh giáo đứng trên bục giảng, say sưa truyền thụ những bài học cuộc sống, bài học làm người cho bao thế hệ học trò, trong đó có em.

Thầy trở thành thầy giáo trên chính ngôi trường đã học suốt một thời tiểu học. Ngày thầy trở lại, cây xà cừ đã cao lớn hơn rất nhiều nhưng vẫn lặng lẽ tỏa bóng mát cho sân trường. Tôi vẫn nhớ câu chuyện thầy kể: cũng dưới gốc xà cừ này, thầy đã lấy hết can đảm để nói lời yêu thương với cô đồng nghiệp, cũng là học trò thầy hướng dẫn thực tập. Cây xà cừ như chứng nhân cho tình yêu bền chặt, thủy chung của cô và thầy đến tận bây giờ. Giờ nghỉ hưu rồi, thi thoảng, thầy và cô vẫn tới thăm trường như để tìm về với kỉ niệm xưa.

Với tôi, gốc cây xà cừ xù xì với vòm lá xanh mượt mát ấy ban đầu chẳng khiến tôi để ý. Tôi chỉ quan tâm những màu hoa sen hồng dưới hồ, đóm lửa lựu đầu hè, rồi thì phượng đỏ thắm, bằng lăng tím nơi góc sân trường. Nếu nhìn từ xa, dễ thấy những bông hoa xà cừ tựa hồ những chiếc lá non, màu vàng chanh ẩn dưới những chiếc lá hình bầu dục xanh mượt. Đến khi lại gần, những bông hoa nối tiếp nhau như những chùm hoa dâu da xoan. Những chùm hoa vàng non ấy chẳng khi nào nở một mình, chúng nghe tiếng gọi của gió rồi rủ nhau cùng bung tỏa khi hè đến. Một mùa xà cừ nở, hoa rụng xuống trải thảm vàng nhạt cả sân trường. Và thế là cây xà cừ đã ở một góc tim tôi lúc nào chẳng biết.

Những năm học ở trường làng, dưới bóng cây xà cừ như chiếc ô khổng lồ xanh mát, tôi đã rất vui vẻ trong trò chơi đuổi bắt với bạn, thân cây xà cừ từng là nơi tôi ẩn nấp mỗi khi chơi trốn tìm. Quả xà cừ rụng xuống, chúng tôi nhặt lấy dành chơi đánh chuyền. Bạn nào tỉ mẩn, khéo léo hơn thì chọn những quả còn tươi khoét thành hai lỗ, lấy hết phần thịt và hạt trong quả, và thế là có được một cái sáo quả xà cừ để thổi nghe thật vui tai, lạ mắt.

Xà cừ không giống các loài cây khác. Loài cây này trút lá vào mùa xuân. Thời gian trút lá cũng rất nhanh, chỉ một vài tuần sau đó, những chồi non đã bắt đầu chúm chím. Rồi chỉ một thời gian vô tình không để ý, những chùm hoa xà cừ li ti đã đưa hương dịu nhẹ thoang thoảng khắp sân trường tựa hương lúa non trên cánh đồng buổi sáng. Thật đúng khi ai đó đã nói rằng, màu xanh của xà cừ như miến cổ tích vun đắp giấc mơ trường thành cho lứa tuổi học trò.

Thời gian âm thầm trôi, tuổi theo mùa đi mãi. Tôi gặp thầy nơi trường cũ đúng vào mùa hoa xà cừ nở. Thầy đã ngoài 60 tuổi. Còn tôi, tuổi cũng đã ngoài 30. Hai thầy trò ngồi dưới gốc xà cừ già, dang dai chuyện cũ, chuyện mới đến quên cả bóng chiều đang dần tắt. ■

Đóa sen thiêng

TRẦN QUÊ HƯƠNG

Đạo pháp - Dân tộc xưa sau
 Hùng Vương - Hồng Lạc... một màu Rồng Tiên
 Ngàn xưa dấu ấn nhiệm huyền
 Ngàn sau lan tỏa trường miên quê mình
 Bắc - Nam thấm đượm hữu tình
 Huyết thống sâu nặng tâm linh dạt dào
 Sài Gòn - Gia Định tâm giao
 Hồ Chí Minh đẹp mai đào long lanh
 Ngày xưa ngã tư Hàng Xanh
 Ngày nay lan tỏa thị thành rộng xa
 Xa lộ Hà Nội thẳng hoa
 Cát Lái - Rạch Chiếc chan hòa quê hương
 Hàm Thủ Thiêm nổi hai phương
 Đông - Tây ngàn dặm xuôi đường bên nhau
 Cửa ngõ thành phố rực màu
 Quận 2, quận 9... vui chào nước non
 Sài Gòn - Thủ Đức... dặm mơn
 Dầu Giây cao tốc nối nguồn Bắc - Nam
 Pháp viện Minh Đăng Quang già-lam
 Đóa sen thiêng tỏa hương trầm lung linh
 Pháp viện Minh Đăng Quang hữu tình
 Đóa sen thiêng ngát tâm linh ta-bà
 Cửa ngõ thành phố thẳng hoa
 Đạo pháp - Dân tộc sáng tỏa uy nghiêm.

** Kỷ niệm Đại lễ Khánh thành
 Pháp viện Minh Đăng Quang (19/6/Định Dậu)
 TP.Hồ Chí Minh, 12/7/2017*

Hầu hạ hư không

MIÊN ĐỨC THẮNG

Bồ đôi trái tim, thấy nhiều ngăn nhỏ;
 Bồ chiếc thuyền con, đáy vực mở ra;
 Bồ hai ký ức, thấy lành và rác;
 Bồ đôi dòng chữ, thấy cõi ta-bà.

Bồ cả cuộc đời, xám xanh ứa lệ;
 Bồ đôi tiếng nói, thấy cõi mộng lung;
 Nghĩa địa giàu sang, nói điều chân thật
 Nằm xuống nắm mồ, hầu hạ hư không.

Đêm buồn

NGUYỄN TỪ

Đêm lạnh trời không một ánh sao
Đường khuya hiu hắt gió rì rào
Chân buồn lê bước nghe lòng khẽ
Thủ thi tâm tình mấy nỗi đau!

Đi mãi trên đường phố vắng im
Buồn nghe chim lẻ gọi nhau tìm
Đêm dài đơn lạnh nghe sương xuống
Thấm buốt vai mềm, buốt cả tim

Quay gót đi về bên bến sông
Thuyền ai lơ lửng ngược trên dòng
Âm thầm xa bến về đâu đây?
Gửi một niềm thương, một nỗi lòng!

Hạ khuyết

LÝ THỊ MINH CHÂU

Trầm bổng ru hè
Tiếng ve tiếng sáo
Này anh châu chấu
Này chị dế than
Chớ phá mùa màng
Hoa còn đang ngủ

Bưởi bồng đu đủ
Chanh khế mận xoài
Thoả thích lai rai
Chừa ra ngô lúa
Liên đồng liên thừa
Liên tay cấy cấy
Vất vả mẹ thầy
Mồ hôi đầm trán

Này anh cỏ rần
Này chị dớp ruồi
Hàng đã có rồi
Nhanh tay lên nhé
Này cô chim sẻ
Này chú chìa vôi
Thoả nhặt thóc ròi
Thoả cười quả chín.

Khúc hạ ru

TRƯỜNG KHÁNH

Hạ ru vàng điệu gió,
Thơm hương trầm thánh tư,
Bỏ trước phiên ngoài ngõ,
Rước tâm về vô dư.

Nhất như nghe hạ hát,
Làn điệu thoảng hơi thiền
Nhịp phách đều - tràng hạt,
Khúc hạ ru ngọt mềm.

Hạ vàng thêm màu cỏ,
Phấn tảo vàng áo ai!!
Đem hong phơi đầu gió,
Hương xa mấy dặm dài.

Hè trôi hoài điệu nhớ,
Mang hơi hướm hạ về,
Hoa vương chùa khoe nở,
Bướm lượn vòng dề mê.

Mái chùa quê còn đó,
Tiếng kinh cầu vọng đưa,
Từ âm hòa nhịp mõ,
Chuông ngân pháp đại thừa.

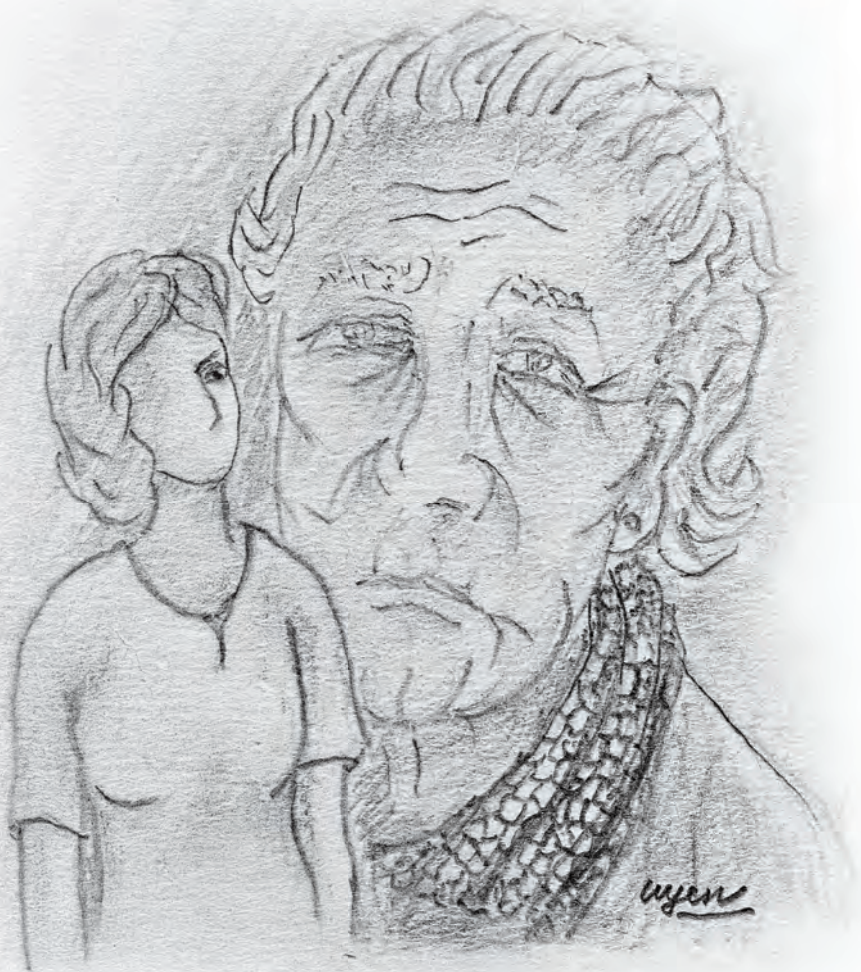
Khúc ru trưa mùa hạ,
Nắng rực màu vàng tươi,
Biết một - là tất cả,
Trên môi nở nụ cười.

Tiếng đêm

TẶNG TÂN TÀI

Sương chờ hứng giọt mưa ngẫu
Nhớ hoa mùa trở bên lầu sắc xưa
Chuyện tình khuya bóng giọt khuya
Thoảng vương nốt nhạc rớt vừa xuống vai.
Cuộn theo sông - suối dặm dài
Nhân tình thế thái nở dài hoa tâm
Chuông chiều nhẹ chuyển thanh âm
Chập chờm đóm đóm nương tầm đêm thâu
Ngược tìm nhau rồi nỗi đau
Tâm linh vô ngã đượm màu khói sương
Thả miền quên nhớ sông Tương
Khơi trong gan đục vô thường lời ru
Trái lòng bay lá vàng thu
Mơ hoang điệp khúc tiếng tù - và loi...





Vết bầm trên chân má

LÊ HỨA HUYỀN TRẦN

Huyền ngược mắt nhìn lên, chỉ để thấy má đang ngồi trên cái bậu cửa gọt mớ đậu ve; rồi cô lại cúi xuống tiếp tục việc đang dở đang làm. Lúc nào cũng thế, cô đắm chìm trong hàng mớ những thứ hỗn độn nào là giấy bút, thước kẻ, bản vẽ, cái máy tính con con... Dường như những công việc mà cô phải giải quyết ở công ty chưa đủ nên cứ phải kéo về nhà làm. Cái ánh nhìn mà cô ngược lên để trông thấy má ngồi đó thậm chí cũng không biết có phải đó là lúc cô đang quan tâm đến mẹ mình hay không; hay chỉ là phút chốc đột nhiên cô thả hồn vào đâu đó để khỏi bị công việc ám ảnh. Cô là người hiểu thảo; cực kỳ hiểu thảo. Và cũng vì quá hiểu thảo nên chẳng biết từ lúc nào cô đã trở thành con sâu việp. Lúc nào trong đầu cô cũng ong ong việc phải làm chuyện này chuyện kia. Cô muốn làm bất kỳ cách nào chân chính để kiếm thật nhiều tiền nhằm giúp gia đình thoát cảnh nghèo. Cô gầy nhom, mòn mõi; đến độ người khác nhìn vào chẳng thể nói được cái giá phải trả của cái thói tham công tiếc việc đó là gì.

Nhà Huyền không đến nỗi nghèo mà cũng chỉ tầm tầm đủ sống. Má Huyền sức khỏe yếu, chỉ có thể ở nhà phụ giúp việc nội trợ. Huyền còn một đứa em tên Bao,

nhưng cậu em coi ra còn nhỏ quá; vẫn còn đang mơ trong những hoài bão cấp sách đến trường. Ba Huyền làm đủ nghề để kiếm sống; đã có lúc làm thợ hồ, rồi lại đi làm gỗ, và cuối cùng thì hiện nay đang làm bảo vệ. Thế nhưng, so với những đứa trẻ sống trong cái xóm lao động chó ăn đá gà ăn sỏi này thì chưa bao giờ chị em Huyền phải thiếu những bữa cơm ngon. Cái bữa cơm ngon theo tiêu chuẩn cuộc sống của những người dân lao động nghèo khổ nghĩa là bữa cơm no, có dăm miếng thịt, có vài con cá. Ngay cả những lúc nhà Huyền hết tiền vì ba trở bệnh không đi làm được, chị em Huyền cũng không bao giờ bị đói, ấy là nhờ có má.

Ba vẫn hay nói: *"Má ở nhà không kiếm ra tiền, nhưng vì có má ở nhà ba mới có thể yên tâm đi làm. Nói thiệt, ba phục má mày lắm, nếu không có má mày cáng đáng công việc, rồi phân chia chi tiêu hợp lý thì dù ba mày có kiếm được tiền tí cũng xài hết".*

"Nhưng mà ba có kiếm được tiền tí đâu!"

"Thì... ý là ba mày nói thế để tâm má mày lên. Khổ, còn bắt bẻ ba nữa đấy".

Thuở còn nhỏ, Huyền phục má hết sức nhờ những gì chính cô thấy, và cả từ những điều ba kể lại nếu đó là vì Huyền còn quá bé chưa nhận ra. Lớn dần lên, Huyền

càng phục má hơn nữa. Vẫn chỉ một mình ba đi làm, ba má vẫn chong đèn hàng đêm, cắt xén cái này, bù đắp cái kia, lại tính toán, lại thức khuya, và sáng hôm sau lại nở nụ cười đưa các con tới lớp như không có gì phải suy nghĩ. Những ngày rơi vào lúc hết tiền mà ba chưa lãnh lương, má lúc nào cũng đòi ăn cơm sau, dọn cơm cho ba cha con ăn trước. Khi thì má bận cái này, má bận cái kia chưa ăn kịp. Bữa cơm nào cũng cơm trắng nghi ngút, cũng dằm con tôm, cũng vãi con cá, cũng đầy đủ lắm. Ăn như vậy được vài hôm thì ba cũng để hai đứa con ăn trước rồi ăn cơm sau với má. Sau, Huyền mới biết, vì nhà hết gạo, ba đi làm, chị em Huyền đi học, má ưu tiên nhường cơm ngon cho ba người, rồi sau đó trộn cơm với muối ăn. Ba biết, nên sau ba cứ muốn chia sẻ cảnh khổ đó, rồi nhường lại cho chị em Huyền:

Từ nhỏ Huyền đã chẳng làm bất cứ điều gì. Điều duy nhất Huyền làm là học, học miệt mài, học ngày đêm. Mỗi khi Huyền ngồi vào bàn, má không bao giờ sai cô bất cứ việc nhà nào. Lúc trước, những người khách hàng xóm qua chơi hay bảo má chiều Huyền, má cô chỉ cười: *"Tôi chưa đến nỗi già mà không làm được ba cái việc vặt vãnh chị ạ. Để nó học, thời gian nó học quý hơn, sau này rồi làm việc lớn"*.

Cái việc lớn má Huyền nói mãi sau này cô vẫn chẳng biết mình đã làm được chưa, chỉ biết rằng cô trở thành học sinh giỏi, rồi sinh viên giỏi, rồi tốt nghiệp và vào làm một công ty tầm trung, rồi trở thành trụ cột cho cả gia đình. Khi Huyền trưởng thành cũng là lúc ba cô bắt đầu già yếu, cô bàn với ba: *"Con quyết rồi, con giờ có thể nuôi gia đình mình được. Tuy không đến mức khá giả nhưng ít ra cũng đủ sống. Ba đừng đi làm nữa, ở nhà lo vui thú"*.

Thấy cô quyết, ba Huyền đành nghỉ làm. Nhưng kỳ thực ở nhà ông lại cùng má Huyền nhận rổ rá về đan kiếm ít đồng bạc lẻ. Thấy thế, Huyền càng quyết tâm đi làm. Đến độ ở công ty, cô không chơi với một ai, lúc nào cũng vui đầu vào việc. Hết giờ ở sở, Huyền nhận cả việc về nhà để làm tăng thêm thu nhập. Má thấy thế nhiều lúc nói: *"Con cũng nên bớt việc, để nhiều nặng đầu đó con"*.

Nhưng Huyền nghe đó rồi cứ ậm à ậm ừ mà thôi. Huyền thương ba má. Cô cuống công việc. Nhưng có lẽ Huyền không biết vì quá cuống công việc, thời gian Huyền dành cho ba má càng ít đi. Mới đây, má bị té; lúc đó đang có hợp đồng quan trọng thành ra Huyền không về được, dạ cũng bồn chồn, thì nghe nói qua điện thoại: *"Má té ngoài đường nhưng không sao. Trầy chân thôi. Yên tâm làm nhé con"*.

Rồi công việc nhiều quá Huyền lại quên bẵng. Thấy má đau chân, Huyền nhờ người mua dầu chai dầu thiết mắc tiền về đưa má rồi đi công tác biệt. Kỳ ấy, hợp đồng đó thắng to.

Đôi lúc Huyền thấy chân má đi cà nhắc nhưng hỏi tới thì má cứ cho qua. Ba Huyền cũng không nói gì chỉ năng giúp má. Thậm chí, Huyền mới sờ vào đồng đồ

định giặt đã thấy thằng Bao lằng xằng chạy lại: *"Để em giúp má, Hai cứ làm việc đi, cẩn thận nha Hai"*.

Huyền chợt sững lại. Cô đã không nhận ra đứa em mình đã lớn đến độ có thể giúp má mọi việc. Huyền cũng không nhận ra ba má tóc đã bạc thêm. Thậm chí Huyền còn không nhận ra mình không nấu nổi một nồi cơm, giặt nổi một bộ đồ. Ở công ty, cô là người được mọi người tin tưởng, nhưng về nhà, điều Huyền làm được chỉ là đưa tiền nuôi gia đình chứ chẳng còn điều gì khác hơn cả. Thậm chí, khi cô giành lại thau đồ chờ giặt từ tay thằng em thì cô cũng không biết phơi đồ chỗ nào trong chính ngôi nhà mình đang sống.

Ngẫm lại, từ bé đến giờ, Huyền chỉ có học. Không phải là tiểu thư nhưng lúc nào má cũng bên cạnh, lo từng ly từng tí; chưa bao giờ; chưa bao giờ trông hai sáu năm cuộc đời của mình Huyền dựa tay vào bất cứ việc gì trong nhà. Người khác nghe nói vậy, dễ hiểu sai cuộc đời mà cô đang đi, dễ hiểu sai những yêu thương mà ba má Huyền đang trao cho cô. Chỉ đơn giản là mỗi ngày người cha, người mẹ ấy cứ giành hết mọi việc làm phần mình để cô có thời gian học, còn Huyền, cô nhận ra mình sai khi cứ y lại vào việc đó với ý niệm phải cố gắng học thật giỏi và kiếm thật nhiều tiền, chung quy lại, cũng chỉ vì tình cảm mà ra.

Đột nhiên, Huyền buông bút, lại gần ngồi cạnh má: *"Chân má sao rồi? Đưa con coi"*.

Má Huyền có chiều không muốn. Nhưng rồi cô kéo chân má lại, xem xét. Bàn chân má sưng phồng to tướng, tím rím, dễ gặp rườì bàn chân nhỏ xíu hàng ngày của má rồi.

Huyền hốt hoảng: *"Thuốc con mua cho má đâu rồi?"*.

"Nó nằm trên kệ". Huyền ngược lên nhìn, chai thuốc đặt tiền vẫn còn nguyên trong gói.

Má Huyền nói thêm, *"Thấy nó đắt quá, má để dành. Khi con cần, con xài"*.

"Cả đến lúc đau thế này má vẫn chỉ nghĩ cho con sao?".

Huyền muốn nói nhưng không thành tiếng. Huyền nhìn lại má, nhìn lại gia đình mình. Cô những tưởng mình đã quan tâm đến gia đình rất nhiều nhưng kỳ thực lại là chưa làm gì được cả; vì thứ gia đình Huyền cần đó là tình thương. Tình thương dù cuộc sống có nghèo khổ.

"Mai má con mình đi bệnh viện nha má. Còn thằng Bao nữa, mai nghỉ đúng không? Chị em mình đi chợ, nấu ăn. Nhưng có nhiều thứ chị cần phải hỏi em đấy".

Cả má, cả thằng Bao đều mắt tròn mắt dẹt như muốn nhắc Huyền phải đi làm, Huyền chỉ cười *"Hình như con bị cảm rồi, nên chắc con phải thảo cái đơn xin nghỉ, mà đôi khi mình cũng nên bệnh một chút để được nghỉ ngơi. Con thấy con làm đủ rồi"*.

Có vẻ như má và em đều chưa hiểu. Riêng Huyền, cô biết mình phải sống tiếp theo như thế nào. Hai mươi sáu tuổi, có lẽ là chưa quá muộn, khi nhận được một bài học từ vết bầm trên chân má. ■



Tìm hiểu

Con đường xuyên Việt qua Hải Nam tạp trứ

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Thái Đình Lan và Hải Nam tạp trứ

Tác giả sách *Hải Nam tạp trứ* (Ghi chép tản mạn ở nước Nam) là Thái Đình Lan (1801-1859). Ông người Bành Hồ, Trung Quốc. Năm 1835 thi đậu Hương tiến, thi xong ông theo thuyền buôn đi từ Phúc Kiến về Đài Loan, không ngờ gặp bão tố, mấy phen thập tử nhất sinh trên biển, cuối cùng thuyền giạt vào Cù Lao Chàm của nước ta. Được người dân đi biển cứu hộ và đưa đến bờ biển Thới Cẩn thuộc phủ Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Tại đây ông được các vị quan nhà Nguyễn tiếp đãi rất tử tế và chu đáo. Sau đó được cấp tiền bạc, lương thực để theo đường bộ về lại Trung Quốc.

Sự việc ông bị trôi giạt vào cửa biển nước ta được sử nhà Nguyễn ghi chép: “Một thuyền buôn của người tỉnh Phúc Kiến nhà Thanh đi buôn ở Đài Loan phủ bị bão, giạt đến đỗ ở hải phận Quảng Ngãi. Quan tỉnh theo lệ cứu giúp nạn bão, cấp cho tiền và gạo rồi đem việc tâu lên. Trong số khách thuyền có Lãm sinh Thái Đình Hương¹ được đặc ân cấp thêm 50 quan tiền và 20 phương gạo; đợi dịp tiện sẽ cho về nước” (ĐNTL T4, sđd, tr.797).

Cũng về sự việc này, Thái Đình Lan trong *Hải Nam tạp trứ* cho biết thêm, khi sự việc được quan sở tại báo lên triều đình, vua Minh Mạng (1820-1840) châu phê như sau: “Viên này xuất thân văn học, không may bị tai nạn gió bão, đồ dùng hành lý mất sạch thật đáng thương. Trước đã được quan địa phương cấp phát tiền gạo, ngoài

số ấy, nay gia ân thưởng thêm cho tiền 50 quan, gạo 20 phương để có mà chi dùng qua ngày để thể hiện cái ý trẫm thương xót người dân của thiên triều bị nạn. Người đi trên thuyền cũng theo tên, mỗi tháng cấp gạo cho mỗi người một phương” (Thái Đình Lan và..., sđd, tr.24).

Khi nhận sớ của các viên quan báo về việc ông mong muốn xin sớm trở về, nhà vua châu phê: “Cứ theo lời xin này mấy lần xin được trở về bằng đường bộ, cái thể cũng khó bảo ở lại chờ lâu, theo lẽ nên cho được theo lời xin. Nay giao cho Bộ Hộ bao phong bạc nén 10 lạng chuyển đến thưởng cho viên ấy để giúp chi dùng đi đường. Vẫn giao cho quan tỉnh ấy chu cấp các khoản hạng ưu cho ổn đáng” (Thái Đình Lan và..., sđd, tr.8).

Thời gian ở Việt Nam để lại cho ông rất nhiều ấn tượng, vì thế, về lại quê nhà ông viết tập bút ký này để ghi lại những chuyện mắt thấy tai nghe ở nơi lưu trú, cũng như các địa phương đã đi qua trên đường trở về.

Tính ra Thái Đình Lan đã ở Quảng Ngãi, nơi chiếc thuyền của ông bị trôi giạt vào, khoảng 50 ngày. Ngày 21/5/ Đinh Mùi (1835), từ Quảng Ngãi ông khởi hành về nước, và đến Hạ Môn ngày 20/4 năm Mậu Thân (1836). Qua tập ký sự này ta thấy trong thời gian đó, ông đã dành nhiều giấy mực để ghi chép về đất nước và con người Việt Nam. Những điều ông viết như những bức tranh sinh động, phản ánh hiện thực đời sống xã hội nước ta nửa đầu thế kỷ XIX. Những danh

lam thẳng cánh, sinh hoạt tôn giáo, văn hóa, phong tục dân tình... của người dân địa phương những nơi ông đi qua được ghi lại rất chi tiết.

Sách gồm ba thiên. Thiên thứ nhất (*Thương minh kỷ hiểm*), chép quá trình gặp hiểm nguy giữa biển khơi, tả cảnh gió mưa mù mịt, sóng nước hải hùng, tay lái gãy, cột buồm xiêu, thuyền chìm lại nổi, cái chết treo đầu sợi tóc. Thiên thứ hai (*Viêm hoang kỷ trình*) ghi chép những việc sau khi trôi giạt vào bãi biển Thái Cẩn phủ Tư Nghĩa miền Trung Việt Nam, lên bờ được ưu đãi, được binh lính hộ tống, đưa tiễn từ Quảng Ngãi ra Huế, Hà Nội, rồi qua Lạng Sơn, vào cửa Nam Quan, tới Quảng Tây. Ông thuật lại cách sinh hoạt của người Việt, miêu tả cảnh núi sông đường sá, thành quách, phố xá, đất đai, cảnh vật dọc đường, cũng như kể lại các cuộc tiếp xúc qua lại thân mật với Hoa kiều các địa phương. Thiên thứ ba (*Việt Nam kỷ lược*), lược kể diễn cách lịch sử, quá trình vua Gia Long mở nước, điển chương chế độ dưới triều vua Minh Mạng như quan chế, khoa cử, hình pháp và phong tục tập quán trong dân gian...

Đặc biệt, trong thời gian lưu lại ở hai tỉnh Nam -Ngãi, ông đã gặp gỡ với nhiều nho sĩ cũng như quan chức của địa phương, trong đó có Phan Thanh Giản (1796-1867) bấy giờ đang giữ chức quan Tuần phủ Nam Ngãi.

Ông đã viết về Phan Thanh Giản như sau: “Phan công là người tài học uyên bác, tính tình khiêm tốn nhã nhặn. Một ngày hôm ấy mời tôi nói chuyện hai lần, tặng tôi năm quan tiền cùng mấy thứ trà, bánh. Tôi có làm thơ xướng họa cùng Phan công. Sáng hôm sau Phan công sai thuộc hạ cầm danh chỉ đưa tôi đi đường”.

Dưới đây xin được lược trích một vài đoạn ông đã miêu tả và ghi lại cảm nghĩ của mình qua một vài địa phương ở miền Trung. Khi thuyền ông giạt đến Cù Lao Chàm thuộc bờ biển của Quảng Nam, ông viết: “Chiều tối khi mặt trời sắp lặn, từ xa nhìn thấy dưới đụn mây nổi thấp thoáng có một vệt đen dường như dính vào mặt nước mà không chuyển động, lơ lửng như hình ngọn núi! Qua một đêm, đến khi trời sáng mây tan thì thấy đá chống lên dựng nhấp nhô đã hiện lên rõ mồn một trước mắt, cách thuyền chỉ chừng một dặm. Bấy giờ mới thấy rõ đó là ba hòn đảo nhỏ bên trên có cỏ cây xanh tốt, bên rìa đảo có nhiều tảng đá chống hình thức rất hiểm ác. Thuyền theo thủy triều dập dờn mà trôi vào, nhận ra các con thuyền đang đi tới đều là thuyền

giáp bản, thuyền giáp bản tức là tên thuyền nước ngoài. Nhìn kỹ thì thấy ở cửa khẩu đảo lớn có nhiều cột buồm tua tủa, biết đó là một cảng lớn, mọi người trên thuyền đều cuống cuống vui mừng, đều quỳ cả xuống thuyền, ngược nhìn lên mà tạ ơn ông trời, xế trưa nổi lên mấy cơn gió nhẹ, rồi mây đen ùn ùn kéo đến, vừa gió mưa, vừa trên dưới mờ mịt sương mù, mấy hòn đảo như lùi ra xa tít, ngay phía trước mà không thể nhìn rõ nữa. Dòng thủy triều thì chảy xiết, sóng tung lung trời, hết xô đầu thuyền lại dập đuôi thuyền, tiếng sóng vỗ nổ vang như sấm...”

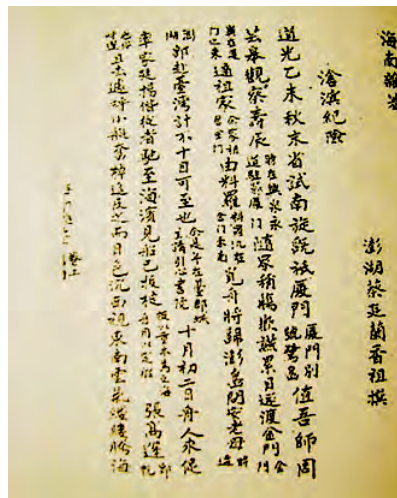
Trên đường từ Quảng Ngãi về lại quê nhà, khi qua đất Quảng Nam ông có lưu trú lại vài ngày. Ông đã mô tả về khung cảnh ở đây như sau: “Đi đường trên đất Quảng Nam, thấy lúa má tươi tốt, những chân ruộng mạ mới gieo xanh mượt như nhung, cỏ trắng đậu giữa đồng im phăng phắc không cử động, những rừng cây mờ xa tít tắp. Núi Tam Thai sừng sững mọc lên giữa biển (giữa biển có ba ngọn núi đá gọi là núi Tam Thai, trong núi có hang động rộng lớn, vòm vách do thiên nhiên tạo thành. Tục truyền ngày xưa trong động có bảy cái tổ nhện, bảy con nhện thường hóa thành bảy con gái đẹp đi làm hại người, sau bị Phật trừ khử, nay gọi là động Bảy Chị Em).

Núi cao nhô lên mặt biển chừng hai trượng, trông xa thấy sừng sững...”

Khi vượt núi Hải Vân để ra kinh đô Huế, nhìn quang cảnh biển cả mênh mông, rừng núi hoang vu với vô vàn chim thú, ông miêu tả rất sinh động: “Trèo lên cửa ải mà nhìn xa, phía Bắc trông xuống biển lớn mênh mông mù mịt, thấp thoáng buồm thuyền như mấy cánh chim âu dập dờn trên sóng biển. Bên kia đèo, hai phía Đông Tây mỗi phía có một cửa cảng, do hai dòng khe đổ vào, lòng cảng đổ được cả ngàn chiếc thuyền, sóng nhẹ gợn trôi như tấm lụa trắng trải rộng, mây lồng bóng nước, mặt biển rung rinh, thật khiến lòng người thư thái.

Một dải Tây nam rừng sâu xanh biếc, là nơi voi bầy sinh sống, hươu nai, tinh tinh cũng sống cùng nơi, cảnh vật hoang vu chưa nay chưa có dấu chân người. Cây già cội cả, gốc lớn cả mấy trăm vòng ôm, cành lá giao nhau, xum xuê đến tận lưng trời, song mây dây leo chằng chịt, khi vượt nhau từng đàn, thấy người thì nhảy nhót...”

Đến Huế, gặp dịp Tết cổ truyền năm Mậu Thân (1836), ông chứng kiến quang cảnh ngày đầu năm ở đất cố đô rất náo nhiệt. Ông đã đến



chúc mừng quan Phủ doãn tỉnh và xin được giới thiệu vào chúc mừng nhà vua nhưng phải chờ đợi nên ông xin thôi: “Hôm ấy là tối ba mươi Tết, các nhà đều dán bùa đào, ném pháo tre, cũng như tục đón giao thừa đón năm mới ở Trung Quốc...”

Tục đầu năm đi chúc nhau cầu may, trên các đường phố người đồng tấp nập, nào ca nào múa, tiếng reo cười huyền ảo chuyển đất. Tôi dẫn theo một người tên là Bản, một người tên là Hồng Lương vào phủ đường chúc mừng năm mới quan phủ và xin vào chúc mừng quốc vương...”

Ra đến Quảng Trị vào dịp Nguyên tiêu (rằm tháng Giêng ÂL), ông được các quan Án sát và Bố chánh tỉnh tiếp đãi nồng hậu, mời ông cùng ngâm thơ hát xướng: “Ngày 15, Án sát họ Nguyễn có việc phải đi, Bố chánh Ngô đem rượu đích thân đến nhà phố trường tìm tôi. Ông nói: ‘Hôm nay là ngày Nguyên tiêu, chúng ta phải hát đập ca² để cùng vui đêm giai tiết’. Gõ lên đặt xuống, chén tạc chén thù, thi ý trào tuôn bất tận...”

Trên đường từ Nghệ An ra Thanh Hóa, ông ghi lại cảnh núi rừng miền Trung trông như bức tranh thủy mặc: “Ra khỏi thành tỉnh Nghệ An hơn mười dặm gặp mưa dày tới tấp, khổ không để đầu cho hết. Hai bên đường có nhiều chim công đậu nghỉ trong các lùm cây, sắc lông vàng xanh lóe mắt, vì mưa ướt lông đuôi, nặng không bay cao được nên chim phải đậu nghỉ. Sắp ra đến Thanh Hóa, thấy bên đường nhiều núi đá. Vách đá dựng đứng cao ngất như quỷ thần đục đẽo mà lại có bàn tay trau chuốt của thiên nhiên, kỳ lạ đẹp mắt không thể nào tả xiết. Trên núi thấy từng bầy chim công và chim trĩ trắng quần tụ. Trong núi có nhục quế, vị rất đậm, hơn hẳn quế Đông Kinh³”.

Hải Sơn quan - Hải Vân quan:

Con đường độc đạo?

Điều đặc biệt nhất là trong cuộc hành trình vượt đèo Hải Vân ra Huế của ông đã cho chúng ta phát hiện một chi tiết thú vị: ông đã không qua Hải Vân bằng con đường độc đạo bình thường, mà đi theo con đường khác.

Ông viết: “Ngồi nghỉ dưới gốc cây cổ thụ, ngược lên thấy bức tường đá dựng đứng có tấm biển gỗ gai tím dày khoảng một thước để chữ lớn Hải Sơn quan. Ở đây đặt một viên đồn thủ và mấy chục tên lính cứng mạnh, khí giới sừng ống bày la liệt đúng là con chim cũng không bay qua nổi”.

Tại sao có tấm biển để Hải Sơn quan mà không phải là Hải Vân quan như những gì chúng ta thường biết về đèo ải này?

Để giải thích điều này, Giáo sư Ngô Đức Thọ, người biên dịch tập bút ký đã chú thích: “Tác giả Thái Đình Lan khi đi qua đây đã trông thấy tấm biển gỗ lớn để ba chữ Hải Sơn quan; về sau có khả năng tấm biển gỗ ấy đã bị hư hỏng, hoặc thay thế bằng biển khác. “Đại Nam nhất thống chí” (biên soạn đời Tự Đức) không thấy ghi gì về tấm biển để ba chữ ấy. Sách “Đồng Khánh dư địa chí”

thì ghi trên cửa đèo Hải Vân có tấm đá khắc 6 chữ “Thiên hạ đệ nhất hùng quan”. Có thể biển gỗ cũ đã được thay thế bằng tấm đá này” (Thái Đình Lan và..., sđd, tr.189).

Đúng ra là không phải như vậy! Về việc xây cửa Hải Vân, sách Đại Nam thực lục ghi như sau: “Năm Bính Tuất Minh Mệnh thứ 7(1826), mùa xuân tháng 2: Xây đắp cửa Hải Vân ở đỉnh núi Hải Vân, phía trước và phía sau đều đặt một cửa quan. Ngạch trước viết ba chữ Hải Vân quan; ngạch sau viết sáu chữ Thiên hạ đệ nhất hùng quan...” (Đại Nam thực lục, T8, sđd, tr.22).

Thái Đình Lan qua núi Hải Vân năm 1836, trong khi cả hai tấm biển đá khắc ba chữ Hải Vân quan và sáu chữ Thiên hạ đệ nhất hùng quan đã được vua Minh Mạng cho khắc trên cửa ải Hải Vân từ năm 1826 (và hiện nay vẫn còn!); tại sao đi qua đây mà ông không trông thấy!?

Thực ra núi Hải Vân là tên gọi chung của ba ngọn núi chứ không phải một.

Sách Đại Nam nhất thống chí thời Tự Đức chép: “Núi Hải Vân ở phía Đông nam huyện Phú Lộc, là chỗ giáp giới phủ Thừa Thiên và Quảng Nam... Phía Tây núi là Bà Sơn, phía Bắc là Hải Sơn, ba ngọn núi liên tiếp xen nhau, trên cao vót đến tầng mây, dưới chạy giăng đến bờ biển, gần như đứng trong biển” (sđd, tr.116).

Sách cũng cho biết thời Minh Mạng nhà vua cho đặt ở đây ba quan ải, một trên đỉnh Hải Sơn và hai cái trên Hải Vân, có cho xây đá làm bậc để tiện đường đi lại: “Đời Minh Mệnh, đặt quan ải đèo Hải Sơn và hai quan ải ở núi Hải Vân, xây đá làm bậc để tiện đường đi; lại cho tên ngọn núi cao nhất ở giữa là Cao An Linh...” (sđd, tr.117).

Cũng theo Đại Nam nhất thống chí, ngoài cửa Hải Vân còn có thêm cửa Hải Sơn: “Ở phía Bắc Hải Vân quan, có một cửa cao 1 trượng, 1 thước 6 tấc, rộng 8 thước 1 tấc, tả hữu lũy đã tiếp nhau, rộng 17 thước linh, xây năm Minh Mạng thứ 16” (sđd, tr.151).

Những điều đó cho ta thấy con đường cái quan xuyên suốt chiều dài đất nước, khi qua núi Hải Vân, không chỉ có một đường độc đạo như từ trước đến nay chúng ta đã quen thuộc và hình dung nó qua di tích Hải Vân quan. Ngoài lối đi này còn có hai cửa quan khác, và một trong hai cửa đó Thái Đình Lan đã đi qua; đó là Hải Sơn quan. ■

Chú thích:

1. Do ký húy, Lan viết thành Hương.
2. Đập ca: Hai người nắm tay nhau mà hát, chân giẫm xuống đất theo tiết tấu bài hát.
3. Sau này là thủ đồ Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục (ĐNTL), T4, T8, Nxb Giáo Dục, 2007.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí (ĐNNTC), T1, Nxb KHXH, 1969.
3. Trần Ích Nguyên, Ngô Đức Thọ-Hoàng Văn Lâu, Thái Đình Lan và tác phẩm Hải Nam tạp trứ, Nxb Lao Động - TTVHNNĐT, 2009.

CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG ĐIỀU TRỊ *Đái tháo đường*

Dinh dưỡng có vai trò rất quan trọng đối với bệnh nhân đái tháo đường. Một chế độ dinh dưỡng hợp lý có thể giúp kiểm soát tốt đường huyết mà không cần dùng thuốc hoặc giảm được liều thuốc đang sử dụng và giảm hoặc kiểm chế các biến chứng do đái tháo đường gây ra.

1. Chế độ dinh dưỡng tốt trong điều trị đái tháo đường, khi

- Cung cấp đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng; - Duy trì được trọng lượng cơ thể ở mức hợp lý; - Không làm đường máu tăng quá cao sau bữa ăn; - Không bị hạ đường huyết lúc xa các bữa ăn; - Không làm tăng mỡ máu, tăng huyết áp, suy thận.

2. Các nguyên tắc ăn uống trong điều trị đái tháo đường

Các bữa ăn của người bị đái tháo đường luôn cần đủ 4 nhóm thực phẩm chính là nhóm bột đường, nhóm đạm, nhóm béo, rau và trái cây.

- Thực phẩm thuộc nhóm bột đường bao gồm: gạo, mì sợi, phở, bún, miến, khoai tây, khoai lang, sắn (khoai mì), ngô...

- Thực phẩm thuộc nhóm đạm bao gồm: đậu phụ, đậu nành, miến, khoai tây, khoai lang, sắn (khoai mì), ngô, thịt, cá, tôm...

- Thực phẩm thuộc nhóm béo bao gồm: mỡ, dầu thực vật, vừng, lạc, mè...

NÊN

- Ăn nhiều loại thực phẩm khác nhau để cơ thể được cung cấp đầy đủ các loại dinh dưỡng, ít nhất 15 - 20 loại thực phẩm mỗi ngày.

- Ăn số lượng thực phẩm vừa đủ theo nhu cầu cơ thể theo hướng dẫn của bác sĩ.

- Các bữa ăn nên ổn định số lượng thực phẩm nhóm bột đường và ổn định giờ giấc ăn uống ở các bữa ăn.

- Chọn các thực phẩm ít gây tăng đường huyết nhiều sau

khi ăn như: gạo xát dối, gạo lứt, rau xanh, trái cây ít ngọt (bưởi, quýt, thanh long...)...

- Ăn đậu hủ (đậu phụ), cá, tôm, tép, thịt nạc...

- Chế biến món ăn dạng luộc, hấp, nấu canh thường xuyên hơn dạng chiên xào nhiều dầu mỡ.

- Ưu tiên sử dụng các thực phẩm càng gần với dạng tự nhiên càng tốt.

- Bữa chính nên ăn đầy đủ 4 nhóm thực phẩm chính.

- Bữa phụ nên ăn những thức ăn nhẹ, ít năng lượng, ít gây tăng đường huyết như trái cây, sữa không đường không béo, sữa dành riêng cho người đái tháo đường hoặc các thực phẩm chuyên biệt dành cho người bệnh đái tháo đường.

- * Người bệnh đái tháo đường đang chích insulin nên dùng thêm 1 bữa nhỏ vào buổi tối trước khi ngủ.

HẠN CHẾ ĂN

- Các thực phẩm gây tăng đường huyết nhiều và nhanh: đường kính, bánh ngọt, nước ngọt, kẹo, chè, kem, trái cây ngọt như: mít, sầu riêng, xoài, nhãn, sa-pô-chê...

- Ăn các thực phẩm nhiều chất béo no và cholesterol vì gây tăng mỡ máu và béo phì như: mỡ thịt, da các loại động vật, lòng phủ tạng động vật (gan, tim, cật, óc...)...

- Các món ăn chế biến kiểu chiên ngập dầu mỡ, quay, nướng, xay nhuyễn: nem (chả giò), thịt quay, bắp nướng, khoai nướng, khoai tây nghiền...

- Các thức ăn nhanh nhiều chất béo, nhiều muối: gà rán, hamburger, khoai tây chiên, xúc xích, lapseburger...

- Ăn mặn: nem nếm giảm lượng muối mắm, hạn chế thực phẩm nhiều muối như cá khô, tương, chao, mắm...

- Bia, rượu, nước ép trái cây có đường.

Kỳ sau: Tập luyện thể dục hỗ trợ điều trị bệnh Đái tháo đường & Tăng huyết áp

Nguồn: Cẩm nang Dinh dưỡng và vận động trong phòng chống Đái tháo đường & Tăng huyết áp của Trung tâm Dinh dưỡng, Sở Y tế TP.HCM



“NGHĨA TÌNH MIỀN TÂY”

Từ ngày 27/7 - 30/7/2017, Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần thứ 11 sẽ diễn ra tại Thiền viện Trúc Lâm Phương Nam (Cần Thơ). Trước thềm Hội trại, để làm rõ hơn về hoạt động của chương trình, chúng tôi có buổi phỏng vấn Thượng tọa Thích Phước Nghiêm, UVHĐTS GHPGVN, Phó Trưởng ban kiêm Trưởng Phân ban Thanh thiếu nhi Phật tử, Trưởng ban Tổ chức Hội trại.

+ Phóng viên: Kính bạch Thượng tọa. Trong những kỳ tổ chức Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo những năm trước đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Để hiểu rõ hơn về vấn đề này, xin Thượng tọa cho biết ý nghĩa của việc tổ chức Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần thứ 11?

- Thượng tọa Thích Phước Nghiêm: Hội trại tuổi trẻ Phật giáo qua 10 lần tổ chức đã đạt được những thành tựu nhất định. Nhìn chung, các mục tiêu quan trọng trong các kỳ tổ chức Hội trại đề ra cơ bản đã hoàn thành và để lại nhiều dấu ấn tốt đẹp trong cộng đồng xã hội. Năm nay, Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần thứ 11 được tổ chức ở Cần Thơ này có ý nghĩa rất là lớn vì đây là sự tiếp nối của 10 kỳ Hội trại đã được tổ chức thành công. Và đây cũng là lần thứ 2, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo kết nối 13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tham dự với chủ đề về “Nghĩa tình miền Tây”. Thông qua Hội trại, Ban Tổ chức mong muốn sự đoàn kết, kết nối của 13 Ban Hướng dẫn Phật tử nói chung và Phân ban Thanh thiếu nhi (TTN) Phật tử nói riêng của 13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với nhau nhằm mang lại cho các em có dịp sinh hoạt vui chơi, gặp gỡ giao lưu, chia sẻ về sự tu tập ở trong các Phân ban TTN Phật tử của các tỉnh thành; Thông qua Hội trại, Ban tổ chức cũng mong muốn giúp các em khơi dậy lòng tri ân và biết ơn của các em đối với ông bà, cha mẹ, tình yêu quê hương đất nước, lớp người đi sau biết kính trọng và tri ân lớp người đi trước về sự hy sinh xương máu của cha ông mình; Khuyến khích các em quan tâm về lợi ích của môi trường, biết bảo vệ và giữ gìn môi trường xanh ở tất cả các xóm làng, kênh rạch ở miền Tây Nam Bộ; Giúp cho các em hiểu rõ cuộc sống để nhận biết về tai hại và tránh xa các tệ nạn xã hội. Đó chính là những tiêu chí mà Ban Tổ chức Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần thứ 11 hướng tới.

+ Phóng viên: Sự kết nối tổ chức chương trình Hội trại lần này vào đúng vào dịp cả nước tổ chức Lễ đền ơn đáp nghĩa 27/7 rất cao quý nhằm để tưởng nhớ các anh hùng liệt sĩ, thương binh và gia đình chính sách. Xin cho biết cảm nhận của Thượng tọa?

- Thượng tọa Thích Phước Nghiêm: Với tình cảm sâu nặng trong đạo lý “Uống nước nhớ nguồn, Đền ơn đáp nghĩa”, việc Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần thứ 11 vào dịp cả nước tổ chức lễ đền ơn đáp nghĩa nhằm tưởng nhớ anh linh các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh, trong đó có không ít chức sắc, nhà tu hành Phật giáo đã “Cởi áo cà-sa khoác chiến bào” hy sinh vì nghĩa lớn, vì cách mạng, vì nền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam. Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần thứ 11 năm nay có một buổi lễ lễ thấp nền tri ân nhằm tưởng nhớ các anh hùng liệt sĩ. Đây là một hoạt động tâm linh mang nhiều ý nghĩa, trong chuỗi hoạt động của Hội trại nhân kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7, nhằm mục

đích cho các thế hệ sau con cháu luôn ghi nhớ công ơn các anh hùng liệt sĩ, để xin nguyện tiếp bước cha anh trong cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, những bậc tiền nhân đã khai hoang mở đường đã hình thành sự phát triển miền Tây Nam Bộ.

+ Phóng viên: Được biết Hội trại năm nay quy tụ số trại sinh trẻ rất đông, như vậy Ban Tổ chức đã chủ động cân đối nguồn kinh phí như thế nào? Và có cần được sự hỗ trợ tiếp sức của các vị mạnh thường quân, các nhà hảo tâm và Phật tử gần xa?

- Thượng tọa Thích Phước Nghiêm: Năm nay Hội trại quy tụ 1.200 trại sinh, Ban Tổ chức kêu gọi nguồn kinh phí xã hội hóa. Chủ yếu nguồn kinh phí từ sự đóng góp của chư tôn đức lãnh đạo Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương, Phân ban TTN Phật tử Trung ương và Ban Hướng dẫn Phật tử các tỉnh thành miền Tây Nam Bộ cùng với sự hỗ trợ của các vị mạnh thường quân, các nhà doanh nghiệp, các nhà hảo tâm và quý Phật tử gần xa. Đó là điều kiện tiên quyết giúp cho sự thành công của Hội trại để cho các em thanh thiếu niên Phật tử tham gia Hội trại đảm bảo sinh hoạt vui chơi bổ ích trong những ngày hè, tăng kiến thức sống lành mạnh, thực hành hạnh lành từ bi của người con Phật... Đó là trọng tâm chủ đề Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần thứ 11 này.

+ Phóng viên: Thượng tọa tâm đắc nhất điều gì qua những lần tổ chức Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo?

- Thượng tọa Thích Phước Nghiêm: Kể từ nhiệm kỳ VII (2012-2017) với sự chấp thuận và sự đồng thuận các cơ quan Nhà nước về chủ trương, Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương cho phép thành lập Phân ban Thanh Thiếu nhi Phật tử Trung ương và các tỉnh thành nhằm đáp ứng sự tu học ngày càng tăng của giới trẻ Việt Nam trong thời buổi hòa nhập thế giới. Đây là một minh chứng cho sự hòa đồng và thân thiện của Phật giáo, làm cho Phật tử khắp nơi trong nước, đặc biệt là các Phật tử ở vùng đồng bằng sông Cửu Long được tiếp thêm năng lượng và chuyển hóa lớn lao. Đây cũng là bước đi đúng đắn và hết sức kịp thời của chư tôn đức lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương. Mong rằng các đơn vị hướng dẫn Phật tử tỉnh thành và cấp chính quyền ở các đơn vị tỉnh thành hoan hỷ hỗ trợ và giúp đỡ cho các Ban Hướng dẫn Phật tử nói chung và Phân ban Hướng dẫn TTN Phật tử nói riêng phát triển hơn nữa. Và câu ca “Trẻ vui nhà, già vui chùa” sẽ không còn giá trị và phù hợp với sự tu học của giới trẻ, các em cần được tạo thuận duyên đến chùa nhiều hơn để giúp cho các em tiếp thu và học được giáo lý sâu xa nhiệm mầu của Đức Phật; từ đó các em sẽ có cuộc sống tốt đời, đẹp đạo, sống lành mạnh và xa rời các tệ nạn xã hội cũng như hướng các em quay về cội nguồn với các giá trị truyền thống cao đẹp của dân tộc. Đó là ý nghĩa và mục đích lớn nhất mà Phân

ban Thanh thiếu nhi Phật tử Trung ương nhắm tới để hướng dẫn cho các em có đời sống tinh thần tốt nhất trong thời buổi hòa nhập hiện nay của đất nước.

+ Phóng viên: Xin cảm ơn Thượng tọa đã dành thời gian quý báu cho cuộc phỏng vấn này, cung kính chúc Thượng tọa sức khỏe và an lạc, như ý, chúc Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần thứ 11 thành công tốt đẹp

Thực hiện:

NGUYỄN BỔNG - HỒ THỦY



TT. Thích Phước Nghiêm đang trả lời phỏng vấn

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

HỘI TRẠI TUỔI TRẺ PHẬT GIÁO LẦN 11

Chủ đề: ***“Nghĩa tình miền Tây”***

Thực hiện chương trình hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VII (2012-2017), năm 2017 Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương - Phân ban Thanh Thiếu nhi Phật tử kết hợp với Ban Trị sự - Ban Hướng dẫn Phật tử GHPGVN TP.Cần Thơ tổ chức Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo lần 11 với chủ đề “NGHĨA TÌNH MIỀN TÂY”.

Hội trại được tổ chức vào ngày 27, 28, 29, 30 tháng 7 năm 2017 tại Thiền viện Trúc Lâm Phương Nam, ấp Mỹ Nhơn, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, TP.Cần Thơ với sự tham gia của 1.200 bạn trẻ có độ tuổi từ 14 đến 30, được chọn lọc bởi Phân ban Thanh Thiếu nhi Phật tử (TTNPT) của 13 tỉnh thành đồng bằng sông Cửu Long (Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Đồng Tháp, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau).

Hội trại lần 11 - năm 2017 là sự tiếp nối thành công của 10 kỳ hội trại trước, đồng thời triển khai thêm nhiều hoạt động mới của Phân ban TTNPT Trung ương. Mục đích của Hội trại nhằm đẩy mạnh quá trình giao lưu, học hỏi giữa các Câu lạc bộ Thanh Thiếu nhi Phật tử (CLB TTNPT) của 13 tỉnh thành tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời tạo sân chơi lành mạnh cho các bạn trẻ sinh viên, học sinh Phật tử trong những ngày hè. Qua đó, Hội trại chuyển tải tinh thần yêu quê hương đất nước, lòng tri ân và báo ân đối với ông bà cha mẹ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tham gia các công tác từ thiện xã hội, ý thức bảo vệ môi trường, sống tốt đời đẹp đạo.

Để chuẩn bị cho công tác tổ chức Hội trại được chu đáo, BTC đã tuyển 150 bạn tình nguyện viên ở khu vực TP.Hồ Chí Minh và TP.Cần Thơ tham gia hỗ trợ công tác tổ chức nhằm mục đích kết nối chặt chẽ với Ban Hướng dẫn Phật tử và Phân ban TTNPT của 13 tỉnh thành đồng bằng sông Cửu Long với sự tham gia của các CLB TTNPT 13 tỉnh thành tham dự hội trại.

Nhằm thu hút đông đảo trại sinh cùng tham gia sôi nổi, học tập được nhiều điều bổ ích trong sự an toàn và mang tính giáo dục cao, năm nay Ban Tổ chức Hội trại đã đề ra nhiều chương trình sinh hoạt phong phú lĩnh vực hoạt động và đa dạng về hình thức tổ chức như:

- **Thuyết giảng:** giúp trại sinh tiếp cận nếp sống hướng thiện và ứng dụng Phật pháp vào cuộc đời.
- **Thắp nến cầu nguyện:** giúp trại sinh trải rộng tinh thần hiếu và thương, tri ân và báo ân.
- **Tụng kinh, tĩnh tọa, thiền hành:** giúp trại sinh có những giây phút lắng đọng tâm tư, khai mở trí tuệ.
- **Gameshow “Hồi trống pháp”:** giúp trại sinh ôn lại các kiến thức đã học.
- **Trò chơi lớn, trò chơi nhỏ, sinh hoạt tập thể, phiên chợ quê hương:** giúp trại sinh giao lưu, học hỏi lẫn nhau, đoàn kết, yêu thương, phát huy kỹ năng làm việc nhóm.
- **Cuộc thi Văn nghệ, Áo lam giữa đời thường, đốt lửa trại, viết nhật ký hội trại:** lưu lại những cảm xúc, dấu ấn khó phai trong lòng mỗi trại sinh.

Các chương trình sinh hoạt trên luôn thu hút sự tham gia đông đảo của trại sinh, giúp các bạn trẻ học tập được nhiều điều bổ ích trong sự an toàn và mang tính giáo dục cao.

Hội trại Tuổi trẻ Phật giáo là hoạt động thường niên được Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương tổ chức, với sự cho phép của Hội đồng Trị sự và sự đồng thuận của các cấp chính quyền. Hội trại luôn được xã hội và đông đảo giới trẻ quan tâm, mong đợi.

BAN TỔ CHỨC HỘI TRẠI

Mọi thông tin liên lạc, vui lòng liên hệ:

- **Địa chỉ:** Văn phòng Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương - số 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, TP.Hồ Chí Minh.
- **Email:** phanbantnptw@gmail.com
- **Điện thoại:** ĐD.Thích Phước Huệ - 0918505630 (Phó ban Điều hành), ĐD.Thích Tuệ Nhật - 0902848003 (Phó ban, Chánh Thư ký), ĐD. Thích Thiện Hậu - 0985803425 (Phó ban - Phó Thư ký)





Tôn tượng KHƯƠNG TĂNG HỘI
Sơ Tổ Thiền tông Việt Nam (cao 1,3m)
Trại Sáng tác Mỹ thuật Phật giáo Zen Art
thực hiện (Nghệ nhân Hoàng Đức Diên,
ĐT: 0909 319882)



Tôn
trọng
Phật
là
một
pháp
đầu
tu



THI CÔNG NHÀ GỖ - THIỀN THẤT

CÔNG TY MỸ THUẬT XÂY DỰNG ZEN ART

Quý vị muốn thỉnh tượng xin vui lòng liên hệ: 0909 319 882 (Hoàng Đức Diên)

124 Đường 11, Phường Tam Bình, Thủ Đức, TP.HCM | W: www.zenart.com.vn | E: mythuatzen@gmail.com | Fb: [mythuat.zen@facebook.com](https://www.facebook.com/mythuat.zen)



CÔNG TY TNHH TM-XD AN PHÚ THÀNH

Chuyên sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu:
Sản phẩm được làm từ Gỗ và Đá tự nhiên

- * Hàng thủ công mỹ nghệ cao cấp.
- * Vật phẩm Phong thủy.
- * Trang sức Phong thủy.
- * Tinh dầu chiết xuất từ Gỗ Xá xí.



Địa chỉ: 281/25/11 Lê Văn Sỹ, Phường 01, Quận Tân Bình, tp.HCM

ĐT: 08.3991 8688 Hotline: 0902864455

Email: huongthuy2505@gmail.com Website: www.anphuthanh.com



CÔNG TY TNHH TM-XD AN PHÚ THÀNH

281/25/11 Lê Văn Sỹ, P.1, Q. Tân Bình, tp.HCM

TINH DẦU XÁ XÍ



Tinh dầu xá xí hay còn gọi là gù hương được chiết xuất từ vỏ thân, gỗ thân và rễ bằng phương pháp chưng cất hơi nước. **Tinh dầu xá xí nguyên chất** thường có màu vàng nhạt và mùi hương dịu nhẹ mang đậm chất gỗ.

Tác dụng của tinh dầu xá xí :

- Hỗ trợ điều trị tê thấp, Trị mất ngủ, mang lại cảm giác cân bằng, Thanh lọc không khí

Lưu ý khi sử dụng tinh dầu xá xí:

- Đeo xa tầm tay trẻ nhỏ, bảo quản nơi thoáng mát, khô ráo, tránh ánh nắng.
- Không dùng tinh dầu thoa lên vết thương hở, vùng nhạy cảm, mắt.

Tinh dầu hoa Oải hương là loại tinh dầu nhiều công dụng nhất và rẻ nhất, có khả năng chữa trị mụn, chứng bội nhiễm, dị ứng, vẩy nến, vết thâm tím, cháy nắng, hen suyễn, viêm phế quản, chứng đau nửa đầu và đau cả đầu, chứng mất ngủ.

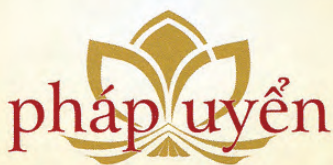
Hoa oải hương có nguồn gốc từ vùng Địa Trung Hải, nhưng giờ đây nó đã có mặt phổ biến ở nhiều nơi trên thế giới.

Ngoài ra **Tinh dầu hoa Oải hương** còn được sử dụng rộng rãi trong các phương pháp trị liệu bằng hương thơm.

tên "Lavender-Oải hương" có thể xuất phát từ "lavare" trong tiếng Latinh, có nghĩa là "rửa sạch".

Chú ý: Phụ nữ có thai và đang cho con bú không được sử dụng.

Đến với **An Phú Thành** luôn đảm bảo về chất lượng cũng như nguồn gốc của sản phẩm.



17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM

QUANG NGHỆ

QUANG NGHỆ CO., LTD.

NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com



Du Lịch Phật Giáo



Liên hệ: 0866 810 113 - 0963 339 571 (gặp Pháp Tâm) - 0972 090 977 - 0975 280 504 (gặp Sang)



Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.HCM



Website: www.dulichphatgiaovn

- ✓ Ấn Độ - Nepal: 30tr500 - Hỗ trợ Quý Tăng Ni 24tr500 (16 N)
- (Delhi - Tứ Động Tâm - Tiểu Tây Tạng - Thủ Đô Kathmandu)
- ✓ Singapore - Malaysia - Indonesia: 10tr500 (6N5Đ)
- ✓ Đài Bắc - Đài Trung - Cao Hùng: 10tr500 (5N4Đ)
- (Cao Hùng - Phật Quang Sơn)
- ✓ Hongkong - Thẩm Quyến - Quảng Châu: 13tr790 (5N4Đ)

- ✓ Myanmar: 10tr900 (5N4Đ)
- ✓ Campuchia - Thái Lan: 4tr600 (7N6Đ)
- ✓ Cam - Thái - Lào - Myanmar: 8tr900 (12N)
- ✓ Hàn Quốc: 13tr500 (5N4Đ)
- ✓ Nhật Bản: 27tr500 (5N4Đ)
- ✓ Bhutan: 42tr500 (7N6Đ)

Đặc biệt

LUÔN CÓ GIÁ ƯU ĐÃI CHO QUÝ TĂNG NI VÀ ĐẠO TRĂNG PHẬT TỬ





TRÀ DÂY THIÊN NHIÊN CAO CẤP

- Hỗ trợ và điều trị viêm loét dạ dày
- Đặc trị đau dạ dày do virus HP
- Nóng trong người, mất gan giải độc, giảm đau hiệu quả
- Hỗ trợ ăn ngon miệng, ngủ ngon giấc, tiêu hóa tốt
- Đặc Biệt: Tốt cho người lớn tuổi, người uống rượu bia nhiều



Công ty TNHH PT TM&DV MINH KHOA
149/4 Bình Quới, Phường 28,
Quận Bình Thạnh, HCM
www.tradayminhkhoa.vn

0917.17.19.48

0961.61.95.99



Thành phần:
100% từ búp trà và lá trà dây thiên nhiên

Cách sử dụng:
Pha 25gr với 2 lít nước sôi sau 3-5 phút. Uống nóng ngon hơn và dùng thay nước hằng ngày

Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát

- Không dùng cho người huyết áp thấp
- Uống liên tục 3 tháng để trị dứt điểm bệnh dạ dày

HSD: 12 tháng - Ngày SX:

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate






Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
Đt: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ymail.com

LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN AN

- **HÀNH HƯƠNG ẤN ĐỘ VÀ NEPAL 2018 (Hành trình 14 ngày 13 đêm)**
KOLKATA - BOHDGAYA - LINH THỨ SƠN - NÚI KÊ TÚC - KHỔ HẠNH LÂM
- VAISHALY - LUMBINI - KUSHINAGAR - DU THUYỀN SÔNG HỒNG - VARANASI.
- **Khởi hành vào các ngày:** 02/01/2018, 02/02/2018, 1/3/2018 và 20/3/2018.
Giá tour 1.100 USD
- **Quý vị vui lòng đăng ký:** trước ngày 20/9/2017.
Sau 20/9/2017 **giá tour là 1.200 USD** để tiện cho việc làm visa và đặt vé máy bay.
- Quý vị nào chỉ tham quan tu học tại Bồ Đề Đạo Tràng **giá vé sẽ là 950 USD.**
- **Liên hệ giữ chỗ:** 0909.97.2016 (Minh Tuấn) - 0938.912.417 (Thanh Lan)





Restaurant

Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy

Khung cảnh ấm cúng, thanh nhả và lịch sự

- **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...
- Giờ mở cửa:** Từ 6 giờ - 22 giờ
- Buổi sáng:** Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



- **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
- **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lãnh (quản lý)

Trân trọng kính mời



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"





TƯ VẤN THIẾT KẾ NỘI THẤT PHÒNG THỜ - KHÔNG GIAN TRÀ ĐẠO

HOTLINE: 0902 848 363 - 0938 959 503 - 0906 955 663



HỒ CHÍ MINH:

- NAM KỶ 1: 382B NKK, P.8, Q.3, TP. HCM
- NAM KỶ 2: 382D NKK, P.8, Q.3, TP. HCM
- NAM KỶ 3: 382G NKK, P.8, Q.3, TP. HCM

- VIÊN DUNG ĐƯỜNG: 668 NGUYỄN CHÍ THANH, P.4, Q.II, TP. HCM
- 3 THÁNG 2: 212 BA THÁNG 2, P. 12, Q. 10, TP. HCM

HÀ NỘI:

- 112 PHỐ HUẾ, P. NGÔ THỊ NHẠM, Q. HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI



CÔNG TY TNHH DU LỊCH LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN AN

Địa chỉ: 896A/10 Hậu Giang, P.12, Q.6, TP.HCM - Web: dulichsenan.com
Liên hệ: 08.6275.2790 - 0909.97.2016 (Pháp Đức) - 0938.912.417 (Ms.Thanh Lan)

- Singapore - Malay - Indo

6N5Đ: 10,9 triệu (hàng tuần)

- Đài Loan-Đài Bắc-Đài Trung

5N4Đ: 11,5 triệu (hàng tuần)

- Thành Đô - Cửu Trại Câu - Nga Mi Sơn

6N5Đ: 22,5 triệu (hàng tháng)

- Hàn Quốc

5N4Đ: 12,5 triệu (hàng tuần)

- Thái Lan

(Buffet 86 tầng): 5N4Đ: 5,490 triệu (hàng tuần)

- Cam - Thái - Lào - Myanmar

12N11Đ: 8,8 triệu (hàng tháng - tặng 2 suất buffet)

- Myanmar - Yangon - Tầng đá vàng - Thanlyin

5N4Đ: 11,5 triệu (hàng tuần)

- Xuyên Việt: 20N19Đ: 7,5 triệu. Cam - Thái: 6N: 4,3 triệu

○ Đặc biệt ưu đãi cho khách nhóm và đạo tràng quý Tăng Ni



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lễ:

- Móc khóa, quà lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466 - (08) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com

Website: www.sgpk360.com

Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM



VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



CÔNG TY TNHH ĐIÊU KHẮC ĐÁ

MỸ HẢO

*Giao hàng tận nơi - Uy tín - Chất lượng là trên hết
Kinh nghiệm hơn 20 năm trong nghề.*

Chuyên thiết kế & Thi công

- ◆ Tượng đài
- ◆ Tượng tôn giáo
- ◆ Tượng nghệ thuật
- ◆ Lăng mộ
- ◆ Cổng tam quan, lan can
- ◆ Tranh phù điêu, các linh vật

Nghệ nhân **NGUYỄN ĐỨC THÌN**
Giám đốc. ĐT: 0989 212189 - 0122 868 7979

Nhà xưởng: 225B, Tổ 5, Thiên Bình, Tam Phước, TP.Biên Hòa - Đồng Nai
(gần Khu công nghiệp Tam Phước)

Website: tuongdamyhao.com - Email: dieukhacdamyhao@gmail.com

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 

TẬP ĐOÀN HOA SEN LÀ CÔNG TY TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI